

Số 174

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Một chuyến  
hành hương*

Tr. 56

**Phật tánh  
và tâm từ**

Tr. 22

*Đi tìm*  
**một mẫu số chung...**

Tr. 6



**TÔN HOA SEN**

Mái ấm gia đình Việt

hatgiong  
tâm hân

**TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**

**TÔN HOA SEN TÀI TRỢ  
CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU  
VỚI NICK VUJICIC**

**24/5/2013**

TẠI HÀ NỘI

**25/5/2013**

TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

**NICK VUJICIC**

**TẤM GIƯƠNG  
NGHỊ LỰC SỐNG PHI THƯỜNG  
CỦA NGƯỜI KHÔNG TAY KHÔNG CHÂN  
ĐẾN VỚI CÔNG CHÚNG VIỆT NAM**

[www.songkhonggioihan.com](http://www.songkhonggioihan.com)



Đơn vị bảo trợ truyền thông



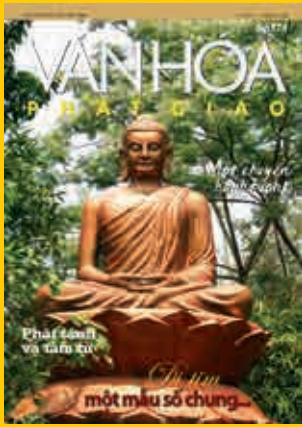
Đơn vị tổ chức



**HOA SEN  
GROUP**

**HOA SEN GROUP**

Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Đĩ An, Tx.Đĩ An, T.Bình Dương \* ĐT: 0650.3790.955 \* [www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

<b>Để</b> xây dựng một hiến pháp nhân ái ( <i>Châu Trọng Ngô</i> )	3
<b>Sương mai</b>	5
<b>Đi</b> tìm một mẫu số chung hay kết nối những dấu chấm trong cuộc đời ( <i>Trần Quang Thuận</i> )	6
<b>Vai</b> trò của Khởi cư chú trong cách viết sử Việt Nam ngày xưa ( <i>Võ Hương An</i> )	10
<b>Tìm</b> hiểu một câu đối hay của Đông các Học sĩ Đình Hồng Phiến ( <i>Nguyễn Phúc Vĩnh Ba</i> )	14
<b>Một</b> bài thơ của Buddhadasa Bikkhu ( <i>Hoang Phong giới thiệu và dịch</i> )	16
<b>Minh</b> hạnh túc ( <i>Mỹ Dung</i> )	19
<b>Phật</b> tánh và tâm từ ( <i>Nguyễn Thế Đăng</i> )	22
<b>Giáo</b> dục Phật giáo, phẩm chất của người thầy ( <i>Thích Giác Toàn</i> )	26
<b>Lễ</b> hội dưới lăng kính giáo dục ( <i>Nguyễn Cẩn</i> )	30
<b>Trải</b> nghiệm núi thiêng Ngân Sơn, Tây Tạng ( <i>Hồng Diệp</i> )	33
<b>Lòng</b> can đảm tự nhiên ( <i>Gaylon Ferguson, Nguyễn Văn Nghệ dịch</i> )	36
<b>Đi</b> tìm hành hoa thạch thảo ( <i>Lê Duy Đoàn</i> )	38
<b>Am</b> Xóm, đốm sáng tâm linh ( <i>Nhụy Nguyễn</i> )	41
<b>Cà</b> phê chân cầu Tuần ( <i>Cao Huy Hóa</i> )	44
<b>Như</b> một hòn bi xanh ( <i>Hoàng Tá Thích</i> )	46
<b>Sến</b> già nam ( <i>Đỗ Hồng Ngọc</i> )	48
<b>Khát</b> uống trà mai ( <i>Đỗ Quang Tuấn Hoàng</i> )	50
<b>Thơ</b>	52
<b>Giải</b> cứu lòng tham ( <i>truyện ngắn của Nguyễn Hữu Đức</i> )	54
<b>Một</b> chuyến hành hương ( <i>Phúc Bình</i> )	56
<b>Lời</b> cảm ơn cuộc sống	60

**Bìa 1: Tượng Phật chùa Huyền Không Sơn Thượng. Ảnh: Kiều Nguyễn.**



# Thư tòa soạn

## **Kính thưa quý độc giả,**

Cuộc hành hương trở về nơi khơi nguồn thời kỳ trung hưng của Phật giáo Việt Nam vào đầu thế kỷ 17 do tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo tổ chức dành cho nhân viên và một số cộng tác viên, diễn ra từ ngày 17-3 kết thúc vào cuối ngày 21-3-2013, đã để lại cho mọi người tham gia những ấn tượng thật tốt đẹp, nhất là những người được lần đầu tiên đến Huế. Cuộc hành hương đã củng cố tín tâm của toàn thể nhân viên Tạp chí rằng chủ trương là một tờ báo "... của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh hiền hòa và bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc" là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, có mọi khả năng để thành công. Hoàn tất chuyến đi, VHPG xin tâm lĩnh tất cả những tấm lòng đã quan tâm đến cuộc hành hương của mình, không chỉ những sự giúp đỡ tận tình ở Huế-Đà Nẵng mà cả những biểu lộ tình cảm thân thiết đối với chúng tôi.

Năm nay cũng là năm mươi năm kể từ khi diễn ra phong trào tranh đấu Phật giáo 1963 với mục đích đòi được đối xử bình đẳng về mặt tín ngưỡng, mà đỉnh cao của phong trào là sự hy sinh của ngài Bồ-tát Thích Quảng Đức vào ngày 11-6-1963 thể hiện bằng ngọn lửa và trái tim bất diệt. VHPG mong nhận được các bài viết về nội dung này. Ban Biên tập VHPG cũng bắt đầu chuẩn bị bài vở cho số đặc biệt để kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2557 sắp tới gần, số 177 sẽ được phát hành vào ngày 15-5-2013. Để nội dung số báo đặc biệt mừng Phật đản được phong phú, chúng tôi mong mỗi quý vị thức giả tích cực gửi bài về cộng tác.

Với niềm tin chắc thực vào giáo pháp của Đức Phật được ứng dụng cho việc xây dựng một xã hội an lạc hòa bình và hạnh phúc, kính chúc quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn đạt được niềm vui tự nội.

**Văn Hóa Phật Giáo**



# Để xây dựng một hiến pháp nhân ái

CHÂU TRỌNG NGÔ

**Đ**áp ứng lời kêu gọi toàn dân góp ý sửa đổi Hiến pháp 1992, chúng tôi xin trình bày đôi ý nghĩ thô thiển liên quan đến Hiến pháp Việt Nam, tức là liên quan đến đời sống của mỗi người con dân Việt trong mối tương liên tương tác giữa người dân với chính quyền, giữa cá nhân với cộng đồng và giữa cá nhân với cá nhân.

Hơn 100 điều được ghi trong 10 chương của bản dự thảo Hiến pháp có thể được xem như là các hệ quả của một “chủ trương đường lối” mà “Lời nói đầu” đã đề cập tới. Chúng tôi xin được đề nghị ghi trong “Lời nói đầu” các tiên đề nền tảng của “chủ trương đường lối” đó, làm gốc cho tất cả các điều trong Hiến pháp để từ đó sẽ suy diễn ra các sắc luật để ban hành.

Trong chủ trương nói trên, nội dung đã được rao giảng từ lâu được hiểu nôm na là “mọi của cải đều là tài sản chung”. Chính nhóm từ “tài sản chung” khiến ta phải liên tưởng tới các tài sản tiên khởi của đời người, riêng từng người ai cũng có nên là chung cho mọi người, tính chung vốn có sẵn khỏi cần sự can thiệp của con người.

Căn bản nhất là phải nói đến thân người; đó là một tài sản thiên phú mà mọi người đều có. Thiên nhiên đã phân bổ tài sản đó cho mỗi người.

Ngoài ra, mỗi người đều có khả năng tư duy và khả năng sử dụng ngôn từ để phát biểu ý nghĩ của mình. Mỗi khả năng đó cũng là một dạng tài sản chung, do thiên nhiên ban phát cho mọi người.

Tóm lại, có ba tài sản tiên khởi; vì tiên khởi nên vô giá, vốn đã chung rồi mà ai cũng có; đó là: sinh mạng, tư tưởng và ngôn luận. Bởi vậy khi đã chủ trương “tài sản chung”, trọng tài sản chung thì trước hết phải tôn trọng ba tài sản chung tiên khởi. Do đó trong chế độ chính trị với chủ trương “tài sản chung”, Hiến pháp cần xuất phát từ ba tiên đề:

- Tiên đề 1: *Tôn trọng sinh mạng.*
- Tiên đề 2: *Tôn trọng tự do tư tưởng.*
- Tiên đề 3: *Tôn trọng tự do ngôn luận.*

(Chúng tôi nghe vang vọng đâu đây lời dạy về Thân, khẩu, ý, về Ngũ giới và Lục hòa)

Cần lưu ý rằng trong chủ trương “tài sản chung” thì tài sản căn bản nhất chính là những tài nguyên thiên nhiên, sau đó mới đến các sản phẩm làm ra từ trí tuệ và công sức của con người. Loại tài sản hạng hai này vướng phải một thực tế là được làm ra từ cá nhân hay từ sự hợp tác của từng nhóm người chứ không phải từ toàn dân. Từ đó ý muốn biến cải *riêng* thành *chung* bị dang dở ngay để lần hồi loại bỏ sự can thiệp của con người bằng bạo lực để tạo ra sự chung hưởng của cải đã làm ra. Quyền tư hữu dần dà được công nhận trở lại và sự chuyển qua đổi lại giữa riêng và chung chỉ còn thể hiện bằng lòng thương và tự nguyện sẻ chia.

Còn có một tài sản chung khác mà chúng tôi xin mạo muội trình bày thêm như sau: Con người đã từ lâu được sinh ra và lớn lên trong đời sống hợp quần mà hầu hết sinh hoạt đều có tính cách cộng đồng. Mọi xã hội vận hành theo đường hướng đó đều phải có một thiểu số được *toàn dân ủy quyền* gánh vác trọng trách điều hành việc nước. Điều này đưa đến vấn đề quyền lực mà khi thể hiện rất dễ bị nghiêng qua quyền lực của nhóm thiểu số. Quyền lực phải được hiểu là một tài sản chung cho nên trong “Lời nói đầu” cần ghi rõ:

- Tiên đề 4: *Quyền lực điều hành mọi việc của đất nước là quyền lực của toàn dân.*

Bốn tiên đề đó lập nên một nền tảng hiến định, đồng thời là kim chỉ nam hướng dẫn ngành lập pháp triển khai thành luật nhằm đến cuộc sống hài hòa giữa

người dân và Nhà nước hay chung hơn là giữa cá nhân và tha nhân giới.

Có lẽ trong Hiến pháp cần phải có thêm vài bổ đề cho mỗi tiên đề đã nêu. Các bổ đề đó sẽ dẫn đến một số luật (có tính cách giới luật) nhằm ngăn chặn sự lạm quyền hay hạn chế sự vi phạm. Trong cuộc sống, gần như khó có những ngăn ngừa hữu hiệu một cách toàn vẹn bởi vì mọi chuyện đều phụ thuộc vào con người mà cái xấu đang lộng hành. Hiến pháp vẫn có đó nhưng chỉ mới là những điều đang được nói; cuộc sống có thật sự tốt đẹp hay không là tùy việc làm có đúng theo lời nói hay không. Để giảm thiểu hậu quả tiêu cực của vấn đề này có lẽ cần có hai giải pháp song hành.

Một mặt, trong phần Hiến pháp nói đến quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước, nên có thêm vài điều khoản dẫn đến các biện pháp chế tài để sớm phát hiện sự yếu kém và thiếu minh bạch của bộ máy hành chính và chấn chỉnh kịp thời các bộ phận chịu trách nhiệm; có như thế, may ra mới không để kéo dài tình trạng thất thoát ngân sách lên đến hàng chục ngàn tỉ đồng như vừa qua.

Giải pháp thứ hai nhẹ nhàng hơn nhưng cấp bách hơn. Thực trạng của xã hội Việt Nam rất đáng lo ngại khi thấy dường như cái ác đang tăng trưởng. Báo chí hàng ngày không ngớt đưa tin những mất mát, đau thương nối tiếp đau thương; cái ác đang rúc rĩa xói mòn đạo lý cổ truyền ngay trong cả khung cảnh gia đình. Cũng do những nhận xét này mà chúng tôi mạnh dạn mong cầu Hiến pháp xác nhận mục tiêu *nhân bản* cho cả văn hóa và giáo dục, kể cả giáo dục quần chúng và trách nhiệm không chỉ giao cho trường học mà kỳ thật từ mọi phía của người lớn.

Định hướng đó sẽ dẫn đến một việc làm cấp bách của hành pháp là cải cách giáo dục và cải tổ các hoạt động văn hóa hầu chuyển hóa con người trở lại thực chất *người*. Chúng tôi hi vọng trong sự cải tổ đó, vai trò của các tôn giáo được hiện diện trong học đường và khắp mọi nơi, cụ thể hóa ý định đã được Đảng nêu ra trong Đại hội X năm 2006: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo”.

Quả thật điều hành mọi sinh hoạt trong xã hội không phải là việc dễ vì trên dòng đời xuôi ngược, chủ trương CHUNG thì thường bị LẠM mà công nhận RIÊNG lại dễ vấp THAM. Cả hai dạng tiêu cực này đang tàn phá nặng nề xã hội Việt Nam và hiện nay đã chuyển qua cái ÁC. Thế nên phương thuốc khả dĩ đem lại hiệu quả để xã hội Việt Nam yên bình nội tại thì chỉ còn tìm được nơi lời dạy từ giáo lý của các tôn giáo mà căn bản là ĐẠO LÀM NGƯỜI bằng cách TU TÂM DƯỠNG TÍNH.

Tóm lại, với hệ thống bốn tiên đề kèm theo lòng yêu thương và tự nguyện đùm bọc sẻ chia trong dân, cùng sự khẳng định chân tình “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, chúng tôi đang mơ thấy một *Hiến pháp nhân ái* làm tiên đề cho sự đổi mới của đất nước. ■

**Tụng kinh đến ngàn câu vô nghĩa  
chẳng bằng một câu có nghĩa lý,  
nghe xong liền tịch tịnh.**

***Pháp cú 100***



# Đi tìm một mẫu số chung

Hay  
Kết nối những dấu chấm  
trong cuộc đời

TRẦN QUANG THUẬN

**S**teve Jobs (1955-2011), người sáng lập Hãng Apple Computer, đã có lúc tu tại Ấn Độ, trong bài nói chuyện với các sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Stanford năm 2005, kể ba câu chuyện như là lời nhắn nhủ thân tình với những sinh viên tốt nghiệp, sắp bước chân vào ngưỡng cửa cuộc đời:

**1** Câu chuyện thứ nhất là việc *Kết Nối Những Dấu Chấm* (*Connecting the Dots*), từ hàng vạn cái chấm hỗn độn để thấy con đường mình phải đi. Việc này làm tôi liên tưởng đến cái Lưới Đế Châu, the Indra Net, một cái lưới mà mỗi mắt lưới là một viên ngọc thạch lấp lánh phản chiếu rực rỡ lẫn nhau, biểu hiện thực thể thế giới đều chen lẫn và chiếu rọi lẫn nhau, một trong mười huyền môn của Hoa Nghiêm tông: *Nhân Đà La Võng Cảnh Giới Môn*, nói về sự phản chiếu nội tại, như trong lãnh vực được bao quanh bằng mảnh lưới Indra.

**2** Câu chuyện thứ hai là sự *Mất Mát Và Tình Yêu*. Steve Jobs mất việc làm ở hãng do chính ông thành lập. Thật không có gì bất công, phí lý và

ngang trái cho bằng. Nhưng nhờ vậy mà Steve cố gắng hơn, không nản chí, không than oán. Trong khoảng 5 năm sau đó, Steve đã xây dựng Công ty NeXT và một công ty khác tên là Pixar. Pixar sáng tạo ra phim hoạt hình máy tính đầu tiên trên thế giới. Nó đã trở thành hãng phim hoạt hình thành công nhất thế giới. Vào lúc này Steve gặp được cô bạn gái Laurence và thành hôn với cô. Steve và Laurence có một gia đình hạnh phúc. Khi Apple mua NeXT, Steve trở lại với Apple, những kỹ thuật mà NeXT đã phát triển trở thành nguồn sinh lực cho thời kỳ Apple phục hồi. Nếu Steve không bị sa thải thì làm sao có được tình yêu, làm sao có được Apple phục hồi?

**3** Câu chuyện thứ ba là về *Cái Chết*. Nếu ngày hôm nay là ngày cuối cùng của đời tôi, tôi sẽ muốn làm gì và tôi sẽ chuẩn bị làm gì hôm nay? Steve tự hỏi và Steve trả lời: *"Không ai muốn chết, ngay cả những người muốn lên Thiên Đường cũng không muốn chết chỉ vì muốn lên được trên đó. Nhưng cái chết không ai có thể tránh khỏi, nó chính là cái sáng tạo tuyệt vời nhất của kiếp sống. Nó*



loại đi những người già để mở đường cho những người trẻ". Steve đã khám phá ra ý nghĩa của cái chết và Steve tiếp tục câu chuyện với các sinh viên tốt nghiệp ra trường: "Thời gian của các bạn có hạn, vì thế đừng lãng phí. Đừng nhất mình trong những tin đồn nào đó, vì sống như vậy là sống bằng suy nghĩ của những người khác. Đừng để quan điểm của những người khác làm mờ nhạt đi quan điểm của chính bản thân bạn. Điều quan trọng nhất là bạn hãy dũng cảm đi theo sự mách bảo của trái tim và trực giác của mình".

Steve nói khi ông còn trẻ ông có đọc cuốn *Cẩm Nang Toàn Thế Giới* của Steward Brand được xem như là Thánh Kinh của thế hệ 60s trước khi có máy vi tính xách tay. Ở trang bìa sau cuốn sách có in ảnh một con đường vùng nông thôn trong ánh bình minh, dưới tấm ảnh có dòng chữ: "Hãy luôn khao khát. Hãy cứ đại khờ".

Đại khờ là cái sơ tâm, trong sáng, tinh khiết, hồn nhiên như tờ giấy trắng mà khao khát là tâm bồ-đề. Hãy phát triển Bồ-đề Tâm. Hãy giữ nguyên vẹn cái hăng say, cái đơn thuần, hồn nhiên của Sơ Tâm.

Trong *Tribe Life*, một tờ nguyệt san của Do Thái giáo xuất bản tại Hoa Kỳ, tháng 8 năm 2012, một nữ giáo sĩ Do Thái giáo, bà Cheryl Peretz, Phó Khoa trưởng, Trưởng ban Nghiên Cứu Thần Học Do Thái thuộc Trường Đại học Do Thái Hoa Kỳ (American Jewish University), trong bài *What To Expect From Your Rabbi* (Chúng ta kỳ vọng gì ở nhà đạo sĩ Do Thái?) nói: "Trong quá khứ chúng ta thấy không cần phải quan tâm mấy đến một số vấn đề. Ngày nay cộng đồng Do Thái mong các nhà lãnh đạo tinh thần của họ không những thông thạo giáo lý truyền thống mà phải liên hệ sâu đậm, phải móc nối với quần chúng".

Nhiệm vụ của nhà lãnh đạo tinh thần cộng đồng Do Thái không những chỉ giảng dạy giáo lý, không những chỉ quan tâm đến đời sống của hàng tín hữu lúc sinh, khôn lớn, thành hôn, tang lễ mà còn làm cố vấn cho những vấn đề không phải là truyền thống, đó là công ăn việc làm, gia cảnh, xung đột vợ chồng, cha mẹ, con cái. Giáo sĩ Do Thái không những là nhà lãnh đạo tinh thần mà còn là cố vấn gia đình, nhà tâm lý thực nghiệm, cán bộ xã hội. Do đó trong vấn đề đào tạo giáo sĩ, chúng ta phải quan tâm đến chiều hướng này.

Giáo sĩ Karen Bender của Temple Judea, một giáo phái Do Thái Cải Cách tại Tarzana, California nói: "Tín hữu Do Thái đến gặp tôi với nhiều vấn nạn: sách nhiễu tình dục, ma túy, hãm hiếp, gia cảnh, tình hình tài chính, công ăn việc làm...".

Giáo sĩ Donald Goor, bề trên của giáo sĩ Karen Bender nói: "Dân chúng đến gặp tôi với vô số vấn đề, ngay cả vấn đề ngoại tình. Tôi rất hân hạnh tiếp chuyện với họ một cách cởi mở. Đây là cơ hội tốt nhất để thắt chặt giây liên hệ giữa tín đồ và giáo hội. Đây là nhiệm vụ rất cần thiết".

Thế giới biến chuyển không ngừng. Ta có thể gạt bỏ, hội nhập hay xác định chuyển biến, nhưng ta không thể làm ngơ. Tôn giáo trong xu thế thời đại quá khứ, hiện tại hay tương lai, ở Đông phương cũng như Tây phương, đều

phải đương đầu với hiện thực này, để duy trì vai trò tôn giáo có ý nghĩa trong xã hội, trong cộng đồng nhân loại.

Tôn giáo và chuyển biến mặc dầu cường liệt hơn trong lúc xã hội phát triển mau chóng vẫn là nền tảng của mọi thời đại. Tôn giáo trong nghĩa rộng luôn luôn vẫn là tia hy vọng, là nguồn cảm hứng, là nơi nương tựa cho nhiều loại tâm hồn trong cuộc sống bấp bênh và tạm bợ, đầy hải hùng mà cũng đầy kỳ bí.

*Time Magazine* số ra ngày 18 tháng 6, 2012 có đăng bài: *In Search of a Common Cause (Đi Tìm Một Mục Tiêu Chung)* của Joe Klein.

Joe Klein kể chuyện trong chuyến du hành năm thứ ba gần đây ông ghé quán cà phê Richard tại Moorville, North Carolina, uống cà phê, nói chuyện với những cựu chiến binh thường hay tụ họp tại đây. Họ không mấy lạc quan trước hiện tình đất nước. Khi ông Joe Klein hỏi họ nghĩ gì về Tổng thống Obama, Tổng Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ, họ cười rồ lên, không phải là thái độ bất kính đối với vị nguyên thủ quốc gia, tổng tư lệnh quân đội, vì với Mitt Romney, ứng cử viên Tổng thống của Đảng Cộng hòa năm 2012 cũng vậy. Họ cho là những vị này không san sẻ, không biết mùi cay đắng của những kẻ vào sinh ra tử trên các chiến trường hải ngoại.

Những cựu chiến binh này không mấy tin tưởng vào những người chưa bao giờ đặt chân vào quân trường, chưa bao giờ chiến đấu ngoài mặt trận. Phục vụ trong quân đội là nhíp cầu nối liền công dân Hoa Kỳ thuộc mọi thành phần xã hội, làm cho họ cảm thấy liên hệ mật thiết với nhau, cùng san sẻ một mục tiêu, cùng đi trên con đường phụng sự. Giờ đây quân đội Hoa Kỳ là quân đội chuyên nghiệp, chứ không phải thành phần động viên, nên thiếu nhíp cầu liên kết, khó cho người Hoa Kỳ tìm thấy một mục tiêu chung, một lý tưởng chung. Quốc gia Hoa Kỳ vì vậy bị phân hóa nặng nề.

Năm nay ông Joe Klein đi khắp tiểu bang North Carolina và Virginia. Ông nói thành phần bảo thủ thấy Hoa Kỳ gần đây thay đổi ngoài sự tưởng tượng, không những chỉ quyền dân sự mà còn quyền đồng tính luyến ái. Tại Hoa Kỳ hiện nay trên một nửa cửa hàng tạp hóa do người Nam Á làm chủ, người Latinos (Trung, Nam Mỹ) không nói tiếng Anh, và ông Tổng thống không phải trắng, không phải đen (Tổng thống Obama thân phụ người Phi châu da đen, thân mẫu người Mỹ da trắng). Sự kỳ thị của phe bảo thủ, nhất là của Đảng Trà (Tea Party) quá nặng nề đến nỗi một số người ngồi nói chuyện không thể chen được lời nào. Một phụ nữ ở Smith Mountain Lake nói: "Miệng tôi chẩy máu vì tôi phải cắn răng không dám hé môi". Tinh thần khoan dung của người Mỹ bây giờ đi về đâu?

"Nhưng chúng ta đều là người Mỹ", ông Joe Klein nói to lên như để phá tan không khí ngột ngạt. Ông nói: "Tôi muốn nhắc nhở cho cả hai phe biết chúng ta đều là người Mỹ. Làm thế nào để chúng ta có thể hiểu quan điểm của nhau, làm thế nào để chúng ta có thể chấp

*nhận nhau, tìm một mẫu số chung?”*

Ông Joe Klein dành nguyên cả một buổi chiều nói chuyện với những người đã vào nằm nhà thương chữa bệnh nghiện ma túy. Một phụ nữ tên Tammie Noey đã từng ở tù, đã vào bệnh viện trừ ma túy nói giờ đây thì bà không còn nghiện ma túy nữa, nhưng rất khó kiếm việc. Công việc mà bà được thuê chỉ là nghề hầu bàn và bà không thể mua bảo hiểm sức khỏe. Ông Joe Klein hỏi ý kiến của những cựu chiến binh về chương trình y tế của Tổng thống Obama. Terry Kinum, cựu chiến sĩ hải quân, chống đối kịch liệt chương trình này. Ông nói ông quá ngấy với chương trình y tế xã hội, đượm mùi máu-xít của Obama. Các cựu chiến binh khác phản đối quan điểm của Terry Kinum. Hai chiến tuyến, hai lập trường không có nhịp cầu thông cảm. Ông Joe Klein hỏi nếu giả sử bà Tammie Noey là một cựu chiến binh thì quý vị nghĩ như thế nào? Mọi người im lặng, không ai trả lời câu hỏi. Ông Joe Klein có cảm tưởng trừ phi người Mỹ có dịp gần gũi với những người Mỹ khác, trừ phi có một nhịp cầu, thì họa may sự phân hóa mới bớt nặng nề, giúp người Mỹ có thể tìm thấy một mẫu số chung, một mục tiêu chung, nền tảng căn bản của một xã hội dân chủ, tiến bộ.

*Dân chúng Hoa Kỳ vào thế kỷ 21 đang đi tìm một mẫu số chung, một mục tiêu chung để hàn gắn sự nứt rạn do hoàn cầu hóa đưa lại. Người Việt Nam thì như thế nào, có đi tìm một mẫu số chung để cùng nhau xây dựng cộng đồng, bảo vệ quốc gia, kiến thiết xứ sở? Và Phật tử Việt Nam phải làm gì để khỏi bị bão táp thời đại xé thành từng mảnh?*

Cách đây hơn 5.000 năm, tổ tiên dòng giống Việt sinh sống ở vùng núi Ngũ Lĩnh, hồ Động Đình, trung lưu sông Dương Tử, dần dần bị Hán tộc ép, tràn sang Biển Đông, hướng về phương Nam vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã.

Quốc tổ của dân tộc ta là Lạc Long Quân, con của Kinh Dương vương. Quốc mẫu của dân tộc ta là nàng tiên Âu Cơ, sinh ra một bọc trứng, nở ra 100 con. Con đầu thừa kế vương vị, hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang. Giòng họ Hùng Vương tiếp tục truyền thừa suốt 25 thế kỷ.

Truyền thuyết đôi khi không phải là dữ kiện lịch sử, mà là một sáng tạo văn hóa, dựng lên để giải thích nguồn gốc dân tộc, để tạo tinh thần yêu nước, giữ nước, dựng nước.

Truyền thuyết Bách Việt, bọc trứng trăm con, gói ghém tinh ruột thịt, đùm bọc, thương yêu lẫn nhau trên đường Nam tiến. Đây là một huyền thoại được xây dựng bằng hình ảnh thần thoại Ấn Độ. Dòng giống Con Rồng Cháu Tiên, phảng phất hình ảnh Naga (Long, Rồng), làm cho chúng ta liên tưởng đến danh xưng của những vị đại sư kiến dương giáo lý Phật như Long Thọ (Nagarjuna), Long Trí (Nagabodhi) đệ tử của Long Thọ, hoặc Long Cung trong kinh *Hải Long Vương Phạm*, Long Hoa Thụ (Puspanaga) nơi Phật Di-lặc thành đạo, Long Hoa Hội, nơi Phật Di-lặc chuyển bánh xe pháp...

Huyền thoại Con Rồng Cháu Tiên kiên cố, vững chãi hơn Vạn Lý Trường Thành vì Vạn Lý Trường Thành vẫn không ngăn được vó ngựa của quân Mông Cổ xâm chiếm Trung Hoa, nhưng huyền thoại Trăm Con Trong Bọc Trứng đã giúp Việt Nam vượt qua hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc, vượt qua gần 100 năm nô lệ Pháp và sẽ vượt qua muôn ngàn chướng ngại trong việc duy trì dòng giống.

Trong thời Bắc thuộc có một nhà sư uyên bác, thương yêu dân Việt, đến hồ Động Đình thăm viếng. Nhà sư ngồi trên thuyền giữa hồ Động Đình mênh mông, nhìn thấy hàng đàn chim bay từ sông Tương, đẹp như những nàng tiên, ông liền tưởng đến những con rồng trong kinh Phật, rồi sáng tạo ra chuyện Rồng Tiên. Được ghi trong *Lục Độ Tập kinh* viết vào giữa thế kỷ thứ 3 nói đến chuyện 100 trứng nở thành 100 người con trai, thông minh tài trí, sức mạnh hơn người, lớn lên vua cha sai đem quân bình định thiên hạ... Nhà sư ấy là Khương Tăng Hội.

Khương Tăng Hội người Khương Cư (Sogdian), phụ thân là một thương gia đến Giao Chỉ làm ăn buôn bán. Khương Tăng Hội sinh đẻ tại Việt Nam. Năm 10 tuổi song thân đều mất. Khương Tăng Hội xuất gia, thọ Cụ túc giới, tinh thông Tam tạng. Năm 247, dưới thời Ngô Tôn Quyền, ngài đến Kiến Nghiệp, ở chùa Kiến Sơ dịch kinh và hoằng đạo. Năm 251 ngài dịch bộ *Lục Độ Tập kinh*. Truyện Trăm Con Trong Bọc Trứng là truyện 23 trong *Lục Độ Tập kinh*.

Trước sự đàn áp khốc liệt của Mã Viện sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, dân tộc ta kiệt quệ và tan rã ra từng mảnh. Nhưng như một phép lạ, từ Ấn Độ xa xôi, Phật giáo đã đến. Đến một cách nhẹ nhàng, thâm lặng, nhưng đầy sức quyến rũ và đầy sinh lực tiềm tàng. Từ đó Việt Nam âm thầm hồi sinh, kết tụ anh tài, chuẩn bị cho công cuộc cứu nước và dựng nước.

Từ khi đặt chân đến Việt Nam cho đến Chiến thắng Bạch Đằng năm 986, Phật giáo đã cống hiến cho dân tộc Việt:

1. Giúp Việt Nam duy trì văn hóa Việt không để bị đồng hóa.

2. Cung cấp cho dân Việt nguồn an ủi tâm linh, nếp sống tình cảm cần thiết mà Nho học không đáp ứng được.

3. Đạo lý tương duyên, dung hợp, thần thoại Con Rồng Cháu Tiên giúp dân ta vun đắp lòng yêu thương, đùm bọc nhau trong cảnh đọa đày.

Việt Nam hiện nay đang sống trong cảnh phong ba bão táp trước xu thế hoàn cầu hóa, trước sự bành trướng kỹ nghệ và thương mại của Trung Quốc, trước trật tự thế giới đang được điều chỉnh.

*“Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”*, câu ca dao Việt Nam nói lên sự gắn gũi của ngôi chùa trong đời sống tâm linh của dân Việt có còn là hình ảnh thân thuộc nữa không? Bức tranh mô tả tâm linh người dân Việt *“Dù ai đi đó đi đâu, hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về”* có còn hấp dẫn, quyến rũ lòng người Việt? Có còn là điểm tụ cho người dân Việt? Lưới Đế Châu, thuyết trùng trùng duyên khởi có còn là móc xích tương duyên giữa người

và người, giữa người và vạn vật?

Chúng ta rút tia được gì trong câu chuyện của Steve Jobs, của các giáo sĩ Do Thái giáo? Chúng ta rút tia được gì trong bài *Đi Tìm Một Mẫu Số Chung* của Joe Klein?

*Chúng ta cần có một nhịp cầu. Chúng ta cần kết nối những dấu chấm trong cuộc đời, chúng ta cần tung Lưới Đế Châu để thể hiện đạo lý một là tất cả, tất cả là một, chúng ta cần móc nối với đời sống quần chúng, cùng san sẻ gian nan và ấp ủ kỳ vọng.*

Dân tộc Việt là Con Cháu Rồng Tiên, chẳng lẽ không có được cái thanh cao, cái sáng suốt, cái tao nhã để cùng nhau trò chuyện, chung sống trong hòa thuận, an vui? Là Trăm Con Trong Bọc Trứng, chẳng lẽ không có cái thân tình, cái thân thuộc, gắn bó, thương yêu, cứu mang, đùm bọc lẫn nhau? Là con của Phật, thấm nhuần đạo lý tương duyên, chẳng lẽ những lời nguyện tha thiết, chí thành trước đấng Từ Tôn: *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ... lấy kẻ chống nghịch làm bạn giao du, lấy oan ức làm đà tiến thủ...* chỉ là sáo ngữ, chỉ thốt ra trong lúc cao hứng nhất thời?

Trong sứ mạng hoàng truyền, trong công tác kết nối những dấu chấm đời người, chúng ta đôi khi gặp một số phản ứng làm cho chúng ta cảm thấy đau lòng, nản chí. Chúng ta có nên buồn không? Cuộc sống quá ngăn ngùi, chúng ta đâu còn có thì giờ để giận, để buồn? *"Đừng lãng phí để sống cho một cuộc đời ai đó. Đừng nhốt mình trong những tín điều nào đó. Sống như vậy là sống bằng suy nghĩ của những người khác..."* Thật ra cảnh ngộ của chúng ta không đến nỗi khắc nghiệt so với Steve Jobs. Thật ra những người đồng đạo này đã giúp chúng ta thêm nỗ lực: *"Hãy luôn khao khát, hãy cứ đại khờ!"*

Chúng ta có được cái may mắn sinh làm người, làm Con Rồng Cháu Tiên, thành phần của cộng đồng nhân loại, làm đệ tử Phật, được nghe, được học đạo lý Tương Duyên, được khai thị Tâm Bồ-đề, được đi trên con đường Bồ-tát. Làm thế nào để chúng ta có thể duy trì tín tâm, trường dưỡng sơ tâm, vun xới Tâm Bồ-đề? Làm thế nào để chúng ta có thể kiên toàn hành trang cho cuộc hành trình trên Con Đường Bồ-tát? Làm thế nào để chúng ta có thể báo đáp công ơn Phật Tổ, các đấng tiền nhân? Làm thế nào để chúng ta có thể kết nối những dấu chấm trong đời người? Làm thế nào để chúng ta có thể khế lý, khế cơ? Làm thế nào để chúng ta có thể thông dong đi trên con đường làng trong ánh sáng bình minh? Làm thế nào để chúng ta có thể *"Luôn khao khát, cứ đại khờ"*?

Chỉ có một cách là theo chân Tịch Thiên (Santideva) trong *Nhập Bồ-Đề Hạnh* (Bodhicarya-vatara) chân thành phát nguyện:

1. Nguyện mỗi chúng ta là mỗi viên ngọc trong Lưới Đế Châu, luôn luôn nối liền nhau, yểm trợ nhau, sách tấn nhau trên đường tu đạo, hành đạo.

2. Nguyện sung sướng tùy hỷ, mang vui cho chúng sinh, dù gian nan, dù có ai xúc phạm, vẫn hằng say

trong sứ mạng.

3. Nguyện làm thuyền, làm bè, bắc cầu vượt qua mọi chướng ngại. Nguyện làm tôi tớ giúp người thoát vòng ác đạo.

4. Nguyện rừng núi gươm đao biến thành vườn hoa tráng lệ. Nguyện binh khí, đá lửa biến thành trận mưa hoa. Nguyện lữ hành lạc lối, may mắn gặp bạn đồng hành, cùng đi trên Đường Bồ-tát.

5. Nhờ phước Phật vô biên, chúng sanh đều an lạc. Nguyện trở về thế gian, nỗ lực trừ thống khổ. Nguyện cho Ba Ngôi Báu, tồn tại mãi trên đời.

Rita M. Gross trong bài *Buddhist to Buddhists* (Phật tử nói với Phật tử) đăng trong báo *Tricycle*, số mùa Xuân 2012 viết:

*"... thời đại vàng son mới của Phật giáo sẽ được thực hiện một cách dễ dàng nếu Phật tử của các hệ phái, giáo phái mở lòng đón nhận nhau, nghiên tâm giáo điển và phương thức hành trì của nhau, không đóng khung trong một không gian nhỏ bé, không cố chấp vào những ý kiến hẹp hòi, cá biệt... Trong kinh sách Phật thuộc bất kỳ giáo phái nào, Đức Phật dạy Ngài chỉ là một người thường, nhờ tu hành chúng thành đạo quả mà giác ngộ thành Phật. Ngài không bao giờ cho mình là Chúa, là Thần. Giáo lý này nói lên một cách cụ thể tinh thần bình đẳng của Phật giáo. Ngài không dùng những câu chuyện thần thoại, những phép lạ kỳ bí để tôn vinh mình, nhất là tôn vinh, trang trí sau khi Ngài đã viên tịch..."*

James Shaheen, chủ nhiệm và chủ bút tờ *Tricycle*, số mùa Thu 2012, trong bài *Building a Bridge* (Xây Cát một Cây Cầu) nói: *"... trong sứ mạng hoàng truyền giáo lý Phật ở phương Tây, không khác gì bước qua một cây cầu trong khi đang xây cất nó. Trình bày Dharma là đi qua cầu, chiêm nghiệm một cách nghiêm túc là xây cất cây cầu văn hóa để yểm trợ..."*

*"Nếu chúng ta xây cất cây cầu, đôi khi chúng ta cảm thấy e ngại, đôi khi ta tự hỏi không biết nó có đưa ta qua bên kia bờ hay không. Dầu vậy ta vẫn phải tùy thời tùy cơ và điều đó không có gì lạ, không phải chỉ đặc biệt đối với người Tây phương. Phật giáo đã gặp và đã đối phó với nhiều tư trào mỗi khi truyền đến nước nào. Sức mạnh của nền tảng cây cầu dựa vào khả năng đối thoại cởi mở, thành thật và dung hợp..."*

Trong khi soạn cuốn *HÀNH TRÌNH TÂM LINH*, đi tìm ý nghĩa của cuộc đời trên các nẻo đường văn hóa tâm linh, tôi có đọc cuốn *Man's Search for Meaning* (Đi Tìm Lê Sống) của Viktor E. Frankl, Trưởng khoa Thần kinh Đại học Y khoa Vienna, Áo quốc, bị Đức Quốc xã bắt giam trong bốn trại tập trung, năm 1945 ông được quân đội Đồng minh giải phóng thì ông chỉ còn một mình trơ trọi trên đời. Trong một buổi giảng, ông được Harold S. Kushner, giáo sĩ Do Thái giáo yêu cầu ông tóm gọn ý nghĩa cuộc sống trong một câu. Ông viết câu trả lời trên giấy và hỏi lại các sinh viên đoán xem ông đã viết gì. Sau một hồi im lặng, một sinh viên phát biểu: *"Ý nghĩa cuộc sống của thầy là giúp những người khác tìm ra ý nghĩa cuộc sống của họ"*.

*"Đúng vậy", Frankl nói. "Đó chính là câu tôi đã viết".* ■

# Vai trò của Khởi cư chú trong việc chép sử Việt Nam thời xưa

VÕ HƯƠNG AN

## Chuyện quan Thái sử và thanh sử

Độc *Đông chu liệt quốc*, hầu như không ai là không thích, mỗi người thích mỗi vẻ, riêng tôi thì rất khoái chuyện anh em nhà Thái sử Bá chép sử.

Chuyện kể rằng quan Đại phu nước Tề là Thôi Trữ có người vợ xinh đẹp tên Đường Khương. Tề Trang Công thấy mặt mê mẩn, bèn lén lút tư thông. Thôi Trữ biết được, ghét thói vua dâm loạn, tìm cách giết đi, rồi đưa Tề Cảnh Công lên thay và tự mình làm Tướng quốc. Thôi Trữ ra lệnh cho quan chép sử là Thái sử Bá phải chép Tề Trang Công chết vì bệnh sốt rét. Thái sử Bá không nghe, cứ viết ngay trên thẻ rằng “Ngày Ất Hợi, tháng 5, mùa hạ, Thôi Trữ giết vua là Quang”

(tên Tề Trang Công). Thôi Trữ nổi giận, giết Bá. Ông này có 3 người em là Trọng, Thúc, Quý, nổi nghiệp nhà làm chức Thái sử. Trọng thay anh, cũng chép y như thế và bị giết. Thúc kế nhiệm, cũng làm y thế và cùng chung số phận. Đến phiên người em út là Quý, cũng làm không khác ba người anh đã chết. Thôi Trữ cầm cái thẻ chép sử đọc hàng chữ, ngao ngán hỏi Quý:

- Ba anh của nhà ngươi vì chép như thế này mà đều chết cả, còn nhà ngươi không sợ chết sao? Nếu ngươi chép khác đi thì ta tha chết cho.

Quý nói:

- Chép đúng sự thật là chức phận của người làm sử. Nếu làm không đúng chức phận để cầu mạng sống thì thà chết còn hơn. Ngày xưa, Triệu Xuyên giết Tấn Linh Công nhưng quan Thái sử Đổng Hồ vẫn chép là “Triệu Thuần giết vua là Di Cao” mà Triệu Thuần phải chịu chỉ vì Triệu Thuần làm Tướng quốc, biết thủ phạm mà không trừng trị, khác gì chủ mưu hay đồng lõa. Nếu tôi không chép thì cũng có người khác chép; tôi không chép thì cũng không che giấu được việc làm xấu của quan Tướng quốc, lại bị thiên hạ cười chê. Biết chết nhưng tôi vẫn làm



đúng chức phận; việc sống chết do quan Tướng quốc định đoạt.

Thôi Trữ thở dài, chịu thua nhà chép sử, ném trả thẻ cho Quý. Quý cầm thẻ đi về sử quán và gặp Nam Sử Thị. Hỏi đi đâu? Nam Sử Thị nói:

- Ta nghe nói anh em nhà ngươi đều chết cả, sợ bỏ mất cái việc ngày Ất Hợi tháng 5 mùa hạ mới rồi, nên ta cầm thẻ đến để chép. Quý đưa cái thẻ cho Nam Sử Thị xem, y mới chịu ra về.

Tinh thần chép sử đến như thế thì thật đáng nghiêng mình bái phục nhưng tiếc thay phương tiện ghi chép vẫn còn quá thô sơ, hạn chế ngòi bút người chép sử.

Thời Nhà Chu – gồm thời Xuân thu (770 trước TL - 403 trước TL) và thời Chiến quốc (402 trước TL

- 221 trước TL) – người ta đã chế tạo được mực (mực Tàu) nhưng chưa làm ra giấy và bút lông. Muốn ghi chép điều gì quan trọng thì viết trên lụa, ngoài ra, viết trên thẻ tre. Người ta dùng cây nhọn chấm mực viết lên mặt trong của thẻ. Sách xưa là nhiều thẻ tre như thế bện lại với nhau như kiếu vạt giường tre của Việt Nam. Thẻ tre chép sử mặt ngoài vẫn còn vỏ tre xanh nên mới có thành ngữ “thanh sử” (sử xanh) ra đời. Với phương tiện “giấy, bút” như thế, người xưa không thể viết nhiều và nhanh được nên văn phong phải ngắn, gọn, súc tích, và công việc của người chép sử cũng đơn giản, chỉ là một cách ghi nhận ký đôi dòng.

Đến khi chế tạo được bút lông (đời Tần) và giấy (đời Hán) thì việc ghi chép nhanh hơn, dễ dàng hơn; sử sách, hiểu như bây giờ là giấy trắng mực đen, ra đời. Việc chép sử không còn đơn giản như thời xa xưa với vài dòng ngắn gọn trên thẻ tre, mà dài dòng hơn, chi tiết hơn, khoa học hơn. Cao điểm của sự tiến bộ này là sự ra đời bộ *Sử ký* của Tư Mã Thiên (145 trước TL - 90 trước TL) vào đời Hán Võ đế; do vậy ông được đời sau xem là cha đẻ của ngành sử học Trung Quốc. Trong sự thành hình của *Sử ký*, những ghi chép ngắn

gọn kiểu của Thái sử Bá để lại góp phần không nhỏ. Nói một cách khác, nhà chép sử phải cần có sử liệu, như người làm bánh phải có bột có đường, thợ mộc cần có gỗ. Chức năng như Thái sử Bá chỉ mới là người cung cấp nguồn sử liệu đầu tay. Vì vậy, các triều đại về sau có sự phân biệt rõ ràng giữa người cung cấp sử liệu và người làm sử.

Viên chức *Khởi cư chú*, hoặc một viên chức có tên gọi khác nhưng cùng chức năng, chính là nhà cung cấp sử liệu khả tín cho đời sau.

### **Đặt chức Khởi cư chú**

Thử xin đọc một đoạn này trong *Đại Nam thực lục* (gọi tắt *Thực lục*):

*“Ngày Tân Mão [năm Gia Long thứ 18, 1819] [vua Gia Long] triệu Hoàng thái tử [vua Minh Mạng] và các hoàng tử tước Công và các quan đại thần là bọn Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng vào hầu. Bầy án ngọc, cờ, gương ở trên án vàng trước giường ngự. Dụ Hoàng thái tử rằng: “Đây là cơ nghiệp gian nan của trẫm, nay giao cho con, con nên cẩn thận giữ gìn”.*

*Hoàng thái tử cùng các công tước và các đại thần đều đến trước tâu rằng: “Trời giúp cho mình thánh ngày còn khỏe mạnh, xin cứ tĩnh dưỡng tinh thần, mà đừng phiến nghĩ”.*

*Vua [Gia Long] nói: “Cái này không phải bọn người biết đâu! Phàm truyền ngôi là việc lớn xưa nay, hôm nay còn nói được mà không nói, ngày khác chết thì nói sao cho kịp?”. Nhân gọi Hoàng thái tử đến trước giường dụ rằng: “Nay việc lớn của thiên hạ đã định rồi. Ta cũng sắp chết, không nói gì, chỉ có một việc là ngày sau phải cẩn thận, chớ nên gây hấn ngoài biên”. Sai viết ra” (*Thực lục I*, tr.1001).*

Đọc đoạn sử này, thấy sống động như đọc Đông Chu hay Tam quốc.

Người đa nghi khi đọc những dòng trên sẽ không khỏi đặt câu hỏi: thời xưa làm chi có máy ghi âm, có tốc ký viên để sẵn sàng ghi chép những lời như thế để mấy ông sử gia đời sau chép sử? Hẳn là mấy ông phịa ra thôi!

Phải nói ngay rằng nếu thiếu chức Khởi cư chú của thời nhà Nguyễn thì ngày nay chúng ta sẽ thiếu những đoạn sử sống động như thế.

Đang khi còn lo đánh nhau túi bụi với Tây Sơn, lần từng tấc đất để giành lại cơ nghiệp xưa của tổ tiên, Nguyễn Vương – tức vua Gia Long sau này – mặc dầu “chăm làm mọi việc, suốt ngày không lúc nào rỗi” nhưng lại có một quyết định ảnh hưởng tới việc chép sử về sau, ấy là “*Sai Thị thư viện sung chức Khởi cư chú, phàm vua làm công việc gì đều chép hết*” (*Thực lục I*, tr.257) Việc này xảy ra năm Canh Tuất, 1790, sau khi vua Quang Trung vừa đại thắng quân Thanh ở phía Bắc qua một chiến dịch chống xâm lăng thần tốc long trời lở đất, và đang giao dịch với nhà Thanh ở thế mạnh, được vua Càn Long nể vì. Trong một hoàn cảnh tranh chấp gay go như vậy, thắng bại khó phân, vậy mà Nguyễn Vương vẫn nghĩ đến chuyện ghi chép sử liệu cho đời sau, quả thật hiếm thấy.

Thị thư viện là văn phòng của vua, cơ quan thân cận

nhất, nơi phát xuất mọi chiếu chỉ, mệnh lệnh; chọn nhân viên của cơ quan này để lo việc ghi chép mọi hành trạng hàng ngày của vua là điều rất hợp lý. Trong đó, “*Khởi cư chú là chức quan luôn đi theo vua, giữ việc ghi chép mọi hành vi và lời nói của vua, tập hợp mọi tài liệu lưu trữ để sau này giao cho Quốc sử quán chép sử*” (*Từ điển Nhà Nguyễn*, tr.319).

### **Chức Khởi cư chú có từ khi nào?**

Thực ra, Nguyễn Vương không phải là người khai sinh ra chức Khởi cư chú. Chính vua Khang Hy (1662-1722) nhà Thanh là người đã có sáng kiến đặt ra chức này (1670) để chuyên trách ghi chép lại mọi cử chỉ, lời nói và việc làm hàng ngày của vua. Nguyễn Vương chỉ là người mô phỏng, người bắt chước một cách khôn ngoan, có lợi cho lịch sử và văn hóa dân tộc.

Để hiểu rõ điều này hơn, thiết tưởng nên lược lại sự hình thành của ngành chép sử Việt Nam bằng cách lần về quá khứ hơi xa một chút.

Sau ba phen Bắc thuộc, kéo dài cả ngàn năm, Ngô Quyền đã mở đầu thời kỳ tự chủ của nước ta với Chiến thắng Bạch Đằng (939), lập ra nhà Ngô, tồn tại trong 6 năm (939-965). Tiếp đến là nhà Đinh (968-980), nhà Tiền Lê (980-1009), nhà Lý (1010-1225). Trong suốt bốn triều đại này nước ta chưa có một bộ sử nào tuy rằng khoa thi đầu tiên – khoa Tam trường – đã được mở ra vào năm 1075, triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127) để tuyển người có văn học ra làm quan. Trong các triều đại vừa kể, nhà Lý tồn tại lâu hơn cả nên có một tổ chức chánh quyền hoàn bị hơn các triều đại trước. Tuy nhiên, không thấy nói đến chức quan hay cơ quan chuyên về chép sử. Dầu vậy, không thể nói là không có, bởi nếu không có sự ghi chép ít nhiều các việc làm của vua quan và triều đình đương thời thì làm gì có sử liệu cho Lê Văn Hưu viết bộ sử đầu tiên của nước ta vào thế kỷ XIII với những sự kiện chi tiết và lý thú, như ví dụ trích dẫn sau đây:

*“Người châu Ái [Thanh Hóa] làm phản. Mùa đông, tháng 10 [Ất Hợi, 1035] vua [Lý Thái Tông, 1028-1054] thân đi đánh, cho Phụng Càn Vương lưu thủ Kinh sư. Quân đi từ Kinh sư, đến châu Ái. Vua ngự ở hành dinh, ban yến cho các quan hầu và tướng sủng, ngầm chỉ Định thắng đại tướng là Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần rằng: “Khánh thế nào cũng làm phản”. Các phi tần đều kinh ngạc hỏi: “Bệ hạ làm sao mà biết? Xin nói cho nghe nguyên do”. Vua nói: “Khánh trong lòng không bình thường, nhìn trẫm có vẻ hổ thẹn, đi đứng thất tiết, nói làm trái thường. Lấy đó mà xem đủ biết nó có ý khác, hình trạng làm phản rõ rồi”. Đánh được châu Ái, trị tội châu mục châu Ái, sai sứ đi phủ dụ dân chúng trong châu. Kinh sư lưu thủ là Phụng Càn Vương Nhật Trung cho chạy trạm báo tin bọn nhà sư họ Hồ, em nuôi của Định thắng đại tướng Nguyễn Khánh, Đô thống Đàm Toái Trọng, Hoàng đệ Thắng Càn, Thái Phúc mưu phản, quả đúng như lời vua nói. Các phi tần đều lạ hai lạ, nói: “Bọn thiếp nghe nói thánh nhân thấy được chỗ chưa hiện hình, biết trước việc chưa xảy ra, nay được chính mắt trông thấy” (*Toàn thư 1*, tr.390).*

Dưới đời nhà Trần (1225-1400), khoa thi Thái học sinh (khoa Tiến sĩ sau này) đầu tiên được mở ra năm Nhâm Thìn (1232). Khoa Đinh vị (1247), Lê Văn Hưu trúng Bảng nhãn. Năm Nhâm Thân (1272), *Hàn lâm viện Học sĩ kiêm Quốc sử viện Giám tu Lê Văn Hưu* hoàn thành bộ *Đại Việt sử ký*, bộ sử đầu tiên của nước ta, chép từ Triệu Vũ đế (207 tr.TL) đến Lý Chiêu Hoàng (1225), gồm 30 quyển, được vua Trần Thánh Tông ban khen.

Ngày nay, chúng ta biết khá ít về quan chế nhà Lý và nhà Trần, nhưng với chi tiết vừa nói về việc làm của Lê Văn Hưu, có thể xem *Quốc sử viện* là cơ quan chuyên lo về việc chép sử đầu tiên của nước ta và chức *Giám tu* là người chấp bút. Câu hỏi đặt ra là, ai giữ nhiệm vụ khởi cư chú? Hay nói một cách khác, ai giữ việc ghi chép các việc xảy ra hàng ngày trong triều để làm sử liệu cho *Giám tu* chép sử? Mời độc giả đọc đoạn sử đầy chi tiết hấp dẫn sau đây:

Bấy giờ là năm Kỷ Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 7 (1290) đời vua Trần Anh Tông (1293-1314).

*“Tháng 5...*

*Bấy giờ Thượng hoàng [vua Trần Nhân Tông] từ phủ Thiên Trường trở về Kinh sư [Thăng Long]. Các quan trong triều không ai biết cả, vua [Trần Anh Tông] uống rượu xương bồ say khướt. Thượng hoàng thông thả đi thăm khắp các cung điện, từ giờ Thìn [7 giờ sáng – 9 giờ sáng] đến giờ Tỵ [9 giờ sáng – 11 giờ trưa]. Cung nhân dâng bữa. Thượng hoàng ngoảnh nhìn, không thấy vua, lấy làm lạ, hỏi là Quan gia [vua Anh Tông] ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức nhưng ngài không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, xuống chiếu cho các quan ngay ngày mai đều phải tới phủ Thiên Trường để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.*

*Đến giờ Mùi [1 giờ chiều – 3 giờ chiều] vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu lên. Vua sợ quá, đi rào ra khỏi cửa cung không thấy ai coi giữ; qua chùa Tư Phúc, thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài ở cửa chùa. Vua hỏi: “Sao người lại ở đây?”. Nhữ Hài lay rạp xuống đất tâu: “Thần vì mải học, đi lỡ ra đây”. Vua bèn dẫn Nhữ Hài vào buồng ngủ và bảo:*

*“Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến trước mặt ngài tạ tội, người hãy thảo cho trẫm bài biểu.”*

*Nhữ Hài đứng trước mặt vua, soạn xong tờ biểu. Vua bèn lấy thuyền nhẹ đi ngay, cho Nhữ Hài theo mình.*

*Sáng hôm sau, vua tới phủ Thiên Trường, dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng thấy Nhữ Hài, liền hỏi là người nào. Nội nhân trả lời là người dâng biểu của Quan gia. Thượng hoàng không nói gì.*

*Buổi chiều, mưa gió to ập đến. Nhữ Hài vẫn cứ quì, không nhúc nhích. Thượng hoàng hỏi: “Người ở trong sân có còn đấy không?”. Nội nhân đáp rằng còn. Thượng hoàng bèn sai nhận biểu để xem, thấy lời lẽ khẩn thiết, cho gọi vua vào bảo:*

*“Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà người còn như thế, huống chi sau này?”*

*Vua rập đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: “Ai soạn biểu cho người?”*

*Vua thưa: “Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hài!”*

*Thượng hoàng bèn gọi Nhữ Hài vào và bảo: “Bài biểu người soạn, rất hợp lòng trẫm.”*

*Rồi xuống chiếu cho Quan gia lại vẫn làm vua, các quan về triều như cũ. Vua từ Thiên Trường về [Kinh], phong Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán”...*

**“Nhữ Hài là cận thân của vua. Vua nói năng hành động gì đều được biết cả. Đến khi nhận chức này, xem thực lục của sử thần chép, có chỗ lầm lẫn, bèn sửa lại cho đúng rồi đốt bỏ bản thảo đi”** (*Toàn thư 2*, tr.113-115).

Đoạn trích dẫn mà người viết in chữ đậm là một chi tiết quan trọng cho biết rằng trong *Quốc sử viện* có người phụ trách việc khởi cư chú; và chức *Ngự sử trung tán* thân cận vua Trần chính là người có thẩm quyền duyệt xét lại các ghi chép và hiệu đính, sửa chữa cho trung thực hơn trước khi đưa tài liệu này vào chánh sử. Vai trò này sẽ được thấy rõ mấy trăm năm sau, dưới triều nhà Nguyễn.

Đời Hậu Lê (1428-1788), có nhiều công trình sử học quan trọng ra đời. Năm 1455, Phan Phù Tiên, người cầm đầu *Quốc tử giám* và *Quốc sử viện*, vâng lệnh vua Lê Nhân Tông, soạn *Đại Việt sử ký tục biên*, gồm 10 quyển, chép tiếp lịch sử *Đại Việt* từ Trần Thái Tông (1225) đến khi quân Minh bị đánh đuổi về Tàu (1427). Sau đó, Ngô Sĩ Liên đã vâng lệnh vua Lê Thánh Tông, soạn *Đại Việt sử ký toàn thư*, hoàn thành năm 1479, gồm 15 quyển, chép từ họ Hồng Bàng đến khi Lê Thái Tổ lên ngôi (1428). Công trình này về sau được nhóm Phạm Công Trứ vâng lệnh vua Lê Huyền Tông (1663) duyệt lại và tục biên; rồi đến nhóm Lê Hi vâng lệnh chúa Trịnh Căn chép tiếp cho đến năm 1675, đời Lê Gia Tông, rồi khắc in năm 1697, cũng dưới tên *Đại Việt sử ký toàn thư*. Có thể nói việc ghi sử liệu và chép sử từ đời Trần trở đi ngày càng được các vua lưu tâm và tổ chức qui củ.

### **Công việc của Khởi cư chú dưới thời nhà Nguyễn**

Trước tiên, phải nói rõ Khởi cư chú không có trong quan chế nhà Nguyễn. Nó không phải là một *quan hàm* nên không thuộc một phẩm trật nào trong hệ thống *cửu phẩm quan giai* (9 bậc trong hệ thống quan lại). Khởi cư chú là một chức năng tạm thời, có thể giao cho một quan chức nào đó có khả năng đảm nhận trong một phiên trực để làm việc ghi chép đúng phép.

Năm Minh Mạng thứ 2 (1821), vua đổi Thị thư viện làm Văn thư phòng. Năm Minh Mạng thứ 11 (1830) vua đổi Văn thư phòng làm Nội các và tổ chức lại một cách chặt chẽ hơn. Trong Nội các có bộ phận gọi *Tòa Ký chú*, nhiệm vụ là “*phàm khi vua ngự ở điện để nghe chính sự, khi vua triều hội, khi vua đi chơi, đều phải kính cẩn ghi chép những lời vua nói lúc đi lúc ngồi, cùng chương sớ của trăm quan bàn tâu cũng đều ghi chép cả*” (*Hội điển VIII*, tr.22).

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), khi đưa Viện Đô sát – thành hình từ đầu đời Gia Long – vào hoạt động thực

tế, nghĩa là đặt quan chức, rồi xây dựng trụ sở... vua giao việc Khởi cư chú này cho viện:

“... gặp ngày vua ngự ở điện nghe chính sự, thì hai người thuộc Viện Đô sát [Khoa đạo] đứng ở hai bên tả hữu trên điện, sung làm khởi cư chú, phàm vua có nói năng đi đứng gì đều kính cẩn ghi chép; nếu vua có đi chơi thì theo hầu cũng ghi chép như thế. Những viên nào ghi chép thì phải ký tên vào cuối giấy, cứ hết tháng đem nộp các bản ghi chép suốt tháng để đường quan ở viện [cấp trên tại viện] sửa chữa, viết lại cẩn thận, đóng thành tập rồi cùng ký tên, đóng ấn của viện, giao cho Quốc tử giám thu giữ. Lại phàm sáu bộ, Nội các và các nha môn có tâu việc gì thì một người thuộc viên của viện đều được theo ban dự nghe, theo từng việc ghi chép, để phòng khi kiểm soát” (Hội điển VIII, tr.89).

Ban đầu thì định như thế nhưng sau thấy công việc khá nhiều, chùng đó nhân viên Viện Đô sát làm không xuể nên vua cho “... lấy 4 người thuộc viên Viện Đô sát chia đứng ở hai bên tả hữu: hai người ở bên hữu sung việc ghi chép những việc khi vua nói năng đi đứng, hai người đứng ở bên tả ghi chép các nha tâu việc gì, rồi cuối ngày đem sổ ghi chép vua nói năng đi đứng, trình đường quan sửa chữa, đến cuối tháng viết lại, đóng thành tập, đóng ấn của viện, rồi giao Quốc tử giám thu giữ” (Hội điển VIII, tr.89).

Danh xưng “thuộc viên” nói ở đây chính là các Khoa đạo, thành phần nòng cốt của Viện Đô sát. Trong tổ chức của Viện, có *Cấp sự trung các khoa*, trật chánh ngũ phẩm, phụ trách giám sát các bộ và cơ quan trung ương, và *Giám sát Ngự sử các đạo* (hai tỉnh làm một đạo), cũng ở trật chánh ngũ phẩm, giám sát công việc của các đạo; người ta thường gọi chung hai hạng viên chức này là *Khoa đạo*.

Năm Minh Mạng thứ 20 (1839), đại thần Viện Cơ mật là Trương Đăng Quế, sau khi nêu rõ vai trò quan trọng của việc khởi cư chú đối với công cuộc chép sử của đời sau, đã đề nghị một qui thức làm việc của chức Khởi cư chú khá chặt chẽ và được vua chuẩn y thi hành, như sau:

- Khi vua ngự điện để nghe các quan châu hầu tâu việc, thì Khoa đạo sung chức Khởi cư chú có nhiệm vụ phải ghi lại tất cả, một cách đầy đủ và trung thực, từ nội dung tâu trình đến cử chỉ, lời nói, huấn thị của vua.

- Khi vua ngự giá đi chơi, đi tuần du, cũng làm như thế.

- Chức Khởi cư chú phải ghi tên ở cuối bản ghi chép, trình cho cấp trên trong Viện Đô sát nhuận sắc chữ nghĩa, rồi giao cho trực thần (quan lớn trưởng ban trực hôm đó) duyệt lại. Trực thần có thể bổ sung thiếu sót hoặc sửa đổi sai lầm nhưng phải đóng ấn quan phòng (ấn chức vụ) làm bằng để chịu trách nhiệm việc mình làm.

- Trong trường hợp vua triệu đình thần (quan lớn) vào gặp riêng để làm việc, Khoa đạo (là quan cấp nhỏ) không được phép dự thì việc ghi chép do quan Nội các đảm nhận. Bản ghi chép sau đó giao cho Khoa đạo trực ban viết lại tinh tường, cấp trên ở Viện Đô sát và trực thần duyệt lại, đóng ấn.

- Các bản ghi chép này được tập trung đóng thành tập giao cho Quốc tử giám lưu giữ, sau chuyển cho

Quốc sử quán làm tài liệu chép sử (*Hội điển VIII*, tr.92, *Thực lục V*, tr.480-481).

Xem thế thì có thể thấy được rằng bản ghi chép của chức Khởi cư chú là một biên bản về buổi làm việc của vua và các quan. Để bảo đảm tính trung thực của biên bản, Cơ mật viện đại thần Trương Đăng Quế đã đề nghị biên bản phải được kiểm tra hai lần trước khi trở thành sử liệu chính thức: lần đầu, do quan cấp trên của Viện Đô sát, và lần thứ hai, là quan lớn trưởng phiên trực ban ngày hôm đó. Sự sàng lọc này có thể là con dao hai lưỡi, tùy theo lương tâm sử học của các quan. Hy vọng không có hiện tượng Thái sử Bá.

Nhiều danh thần nhà Nguyễn, trước khi leo lên đỉnh cao danh vọng, từng giữ nhiệm vụ Khởi cư chú, chẳng hạn Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản. Phải là người có học vấn cao, ghi nhận và nắm bắt nhanh mới làm được việc này một cách có hiệu quả.

Khởi cư chú không phải chỉ có mặt trong các phiên làm việc thường triều mà còn phải có mặt trong khóa Kinh diên. Kinh diên là khóa học hàng năm của vua, thường mở ra vào mùa xuân với một nghi thức khai giảng rất long trọng. Việc vua đi học này được gọi là “ngự Kinh diên”, nghĩa là vua đến nhà Kinh diên để nghe các quan lớn có văn học uyên thâm – đã được vua tín nhiệm phong làm *Kinh diên giảng quan* – giảng sách, để bổ sung kiến thức trong đạo trị nước. Trong các khóa học này hẳn nhiên là phải có đối thoại giữa vua và các giảng quan, nên phải có người sẵn sàng ghi chép, đó chính là nhiệm vụ của người thuộc Viện Hàn lâm sung làm *Kinh diên khởi cư chú*.

Với việc thành lập Quốc sử quán dưới thời Minh Mạng (1820-1841), triều đại nhà Nguyễn, trong 143 năm tồn tại (1802-1945), đã để lại một gia tài sử học rất đồ sộ: nào *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*, nào *Minh Mạng chánh yếu*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Quốc triều chánh biên toát yếu*, v.v.

Riêng bộ “*Đại Nam thực lục là bộ chính sử lớn nhất, quan trọng nhất của nhà Nguyễn, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn trong 88 năm mới hoàn thành, tính từ khi mới bắt đầu làm (1821 – Minh Mệnh năm thứ hai) đến khi hoàn thành và khắc in xong những quyển cuối cùng (1909 – Duy Tân năm thứ ba)*” (*Thực lục I, Lời giới thiệu của Viện Sử học*).

Viện Sử học đã phiên dịch sang tiếng Việt toàn bộ *Đại Nam thực lục* và xuất bản lần đầu năm 1962, tái bản lần thứ nhất năm 2004 với 10 tập dày cả vạn trang giấy. Chùng đó cũng đủ nói lên giá trị to lớn không thể chối cãi của bộ sử này mặc dù đã trải qua một thời quên lãng. Ai đã từng đọc nó, không khỏi ngạc nhiên về những chi tiết sống động, phong phú và xác thực của nó thể hiện trong từng mẩu đối thoại hoặc sự kiện. Đó là nhờ sự biên tập nghiêm túc, chu đáo, làm việc có phương pháp của các bút giả Quốc sử quán với một nguồn sử liệu phong phú. Trong nguồn sử liệu này, sự đóng góp của những người làm nhiệm vụ khởi cư chú là điều không thể phủ nhận. ■



# Tìm hiểu một câu đối hay của Đông các học sĩ Đinh Hồng Phiên

Bài & ảnh: NGUYỄN PHÚC VINH BA

**1** Trong bài báo *Đông các học sĩ Đinh Hồng Phiên*, tác giả khởi thảo “Đế hệ thi” và “Phiên hệ thi”<sup>1</sup>, tác giả Đinh Văn Niêm (Niên?) có nhắc đến một số câu đối hay của cụ Hồng Phiên. Cụ quả là một nho sĩ ưu tú thông kim bác cổ, xứng đáng được hai vị vua đầu triều Nguyễn là Gia Long và Minh Mạng giao cho nhiều trọng trách như đi sứ, giám thị trường thi, soạn định thể thức cáo văn, sắc văn, sơ thảo “Đế hệ thi” và “Phiên hệ thi”...

Cũng theo bài báo trên, cụ Đinh Hồng Phiên sinh năm 1764 tại làng Ông La Giáp, tổng Kim Nguyên, huyện Chân Lộc, phủ Đức Quang (nay là xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An). Cụ đậu Hương cống thứ hai, khoa thi Quý Mão, Cảnh Hưng năm thứ 44 (1783) đời vua Lê Hiển Tông. Khoa này cụ Nguyễn Du Tiên Điền đậu sinh đồ. Năm 1787, đi thi Hội cụ Phiên đậu Tam trường trúng cách (ngang Phó bảng thời Nguyễn), được bổ Toàn tu Quốc sử quán triều Lê. Thời Nguyễn, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã vời cụ ra làm quan. Năm Gia Long thứ 14 (1815) cụ được vua bổ Đốc học Quảng Nam. Năm Gia Long thứ 18 (1819) cụ được bổ Đông các học sĩ<sup>2</sup>, sung vào đoàn đi sứ nhà Thanh, Trung Quốc. Cụ có tập thơ *Hán Cao Tổ* và một số câu đối truyền lại đến nay.

Đến thời vua Minh Mạng, cụ giữ nhiều chức vụ quan trọng ở triều đình; nhiều năm làm giám thị các kỳ thi Hương trường thi Quảng Đức, Sơn Nam của triều Nguyễn. Đinh Hồng Phiên có con trai là Đinh Văn Phác đã đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ tại kỳ thi Hội năm Nhâm Ngọ, Minh Mệnh thứ 3 (1822). Nhưng quan trọng nhất là chức “soạn định thể thức cáo văn, sắc văn”. Chức vụ này đã tạo điều kiện cho Đinh Hồng Phiên có dịp giúp vua Minh Mạng soạn Ngọc Phổ với các bài *Đế hệ thi* và 10 bài *Phiên hệ thi*, được vua “châu phê”.

**2** Trong phạm vi bài viết này, tôi muốn đề cập phần việc giới thiệu và giải nghĩa của tác giả Đinh Văn Niêm về một câu đối rất hay của Đinh học sĩ.

Đó là câu:

*Yến dực duy mưu khê thủy viễn*

*Phụng mao thế mỹ cảm sơn cao.*

Dịch nghĩa của ông Niêm:

*Tử tôn nổi nghiệp khê vàng thắm*

*Khoa hoạn nhiều đời núi gấm cao.*

Thứ nhất, câu đối trên chép sai đến hai chữ, hai chữ này lại nằm trong thành ngữ được dùng nhiều ngày



trước. Việc chép sai này dẫn tới việc dịch sai nghĩa câu đối trên.

Đúng ra nó phải là:

Yến dục **di** mưu **khê** thủy viễn  
Phụng mao **tế** mỹ **cầm** sơn cao.

Thứ hai, theo thiển nghĩ của tôi, nó thiếu nguyên tác chữ Hán, một trở ngại lớn cho độc giả hiểu hơn về tài hoa của cụ. Và lại, từ Hán Việt đồng âm rất nhiều. Thiếu nguyên tác sẽ không giúp người đọc nhận ra đâu là đúng, đâu là sai. Xin ghi lại nguyên tác như sau:

燕翼貽謀溪水遠  
鳳毛濟美錦山高

Thứ ba, phần giải nghĩa đi quá xa với nguyên tác. Không rõ dựa vào đâu mà tác giả lại dịch “yến dục di mưu” là “tử tôn nối nghiệp”, “khê thủy viễn” là “khê vàng thắm”, “phụng mao tế mỹ” là “khoa hoạn nhiều đời”?

**3** Theo sự tìm hiểu của tôi thì:

a. “Yến dục di mưu” theo *Tự điển Thiệu Chử* là “người ta mưu tính cho đàn (đời) sau (tr.510). Nghĩa từng chữ của thành ngữ này là: yến: chim én, dục: cánh, di: để lại, mưu: mưu kế. Con chim én nó sẽ cánh ra ấp con, hình ảnh tượng trưng cho việc ông cha che chở, mưu tính công này việc nọ cho con cháu.

b. Tự điển trực tuyến, *zdict.net* giải thích, 燕翼貽謀 (Yến dục di mưu): 原指周武王謀及其孫而安撫其子。后泛指为后嗣作好打算。(Nguyên chỉ Chu Vũ Vương mưu cập kỳ tôn nhi an phủ kỳ tử. Hậu phiếm chỉ vị hậu tự tác hảo đả toán = Nguyên chỉ việc Chu Vũ Vương bàn mưu tính việc cho cháu để an lòng con của mình. Về sau chỉ chung chung việc vì con cháu đời sau mà an bài kế sách hay).

c. “Phụng mao tế mỹ” là một thành ngữ khá thông dụng vào thời Nguyễn. Trong các đồ thờ tại nhà thờ cụ Đặng Huy Trứ ở Thanh Lương, Hương Xuân, Thừa Thiên Huế có cái đĩa “Phụng mao tế mỹ” do cụ đặt làm ký kiểu vào năm Mậu Thìn (1848) đời Tự Đức. Nghĩa từng chữ của thành ngữ này là: phụng: chim phượng, mao: lông, tế: càn, mỹ: đẹp

d. Cũng theo tự điển trực tuyến, *zdict.net* giải thích, 鳳毛濟美 (Phụng mao tế mỹ): 比喻后继者能与前人的业绩齐美而发扬光大。旧时多用以称颂贤良父兄有优秀子弟。(Tỉ dụ hậu kế giả năng dữ tiên nhân đích nghiệp tích tế mỹ nhi phát dương quang đại. Cựu thời đa dụng dĩ xưng tụng hiển lương phụ huynh hữu ưu tú tử đệ = Âm chỉ việc người đời sau có khả năng tạo nên nghiệp tích tốt đẹp sánh người đời trước rồi từ đó phát dương ngày càng xán lạn. Thời trước, cụm từ này được dùng nhiều để khen tặng các bậc phụ huynh giỏi giang lương thiện có được con cháu ưu tú).

Vậy suy ra câu đối trên nên hiểu như sau:

Yến dục di mưu **khê** thủy viễn: Tổ tiên lo cho con cháu

đời sau như nước khe từ xa chảy về (nuôi dòng sông ở hạ lưu), ý nói đời trước lo cho đời sau.

Phụng mao tế mỹ **cầm** sơn cao: Con cháu tạo công nghiệp xán lạn, làm rạng rỡ tổ tiên như núi gấm ngày càng cao, ý nói đời sau làm rạng danh đời trước.

Câu đối này treo trong nhà thờ gia tộc vô cùng phù hợp, vừa ca tụng công lao của ông cha vừa nhắc nhở bổn phận của con cháu. Chúng ta ai cũng là con cháu của các thế hệ trước, và rồi trở thành ông cha của các thế hệ sau. Vậy các điều trên, “yến dục di mưu” và “phụng mao tế mỹ” là bổn phận của tất cả chúng ta.

**4** Sau khi viết bài này, tình cờ tôi biết được hai chuyện có liên quan đến các thành ngữ trên:

a. Tại nhà thờ họ Đinh thuộc làng Kế Võ (xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, Thừa Thiên - Huế) có câu đối cũng dùng cặp thành ngữ trên:

燕翼貽謀觀世德  
(Yến dục di mưu quan thế đức)  
鳳毛濟美振家聲  
(Phụng mao tế mỹ chấn gia thanh)

Tạm dịch:

- Nhìn vào phước đức của gia đình hiện nay ta biết sự an bài của ông cha cho đời sau.

- Làm rạng tiếng tăm của gia tộc ấy do nỗ lực của con cháu biết phát dương quang đại công nghiệp của cha ông.

b. Tại phủ thờ Ngọc Sơn công chúa, đường Nguyễn Chí Thanh, TP. Huế (tức nhà ở hiện nay của học giả Phan Thuận An) có một bức hoành phi cổ thép vàng, điêu khắc rất đẹp có chạm hai chữ “Tế Mỹ”. Nếu ta hiểu được như trên thì “Tế mỹ” là nói tắt của thành ngữ “Phụng mao tế mỹ” đã bàn kỹ ở phần trước của bài viết này.

Theo ông An, bức hoành phi này do cụ Trần Đình Bá (1867-1933), Tổng đốc Nghệ An và Hà Tĩnh tặng phủ Ngọc Sơn vào năm Khải Định thứ 6 khi phủ tổ chức lễ lạc thành. Tổng đốc Trần Đình Bá và Phò mã Trung quân Đô thống Nguyễn Hữu Tiển (chồng của công chúa Ngọc Sơn) vừa là đồng liêu, vừa là sui gia với nhau, cho nên mới có món quà mừng tân gia quý báu như thế.

**5** Không rõ còn ở đâu sử dụng cặp thành ngữ trên. Đọc câu đối trên, tôi không khỏi tự xét lấy mình.

Thế hệ chúng tôi đã làm rạng danh tiên nhân tiên tổ chưa, đã an bài tốt đẹp cho con cháu mai sau chưa hay chỉ để lại vô số bể bộn nợ nần?

Nghĩ mà không khỏi chạnh lòng. ■

**Chú thích:**

1. Tập san Nghiên cứu Huế, tháng 8.2012, tr.444.

2. Đông các học sĩ là hàm quan văn, chánh tứ phẩm theo quan chế đời Gia Long. Nó khác với Đông các điện Đại học sĩ, hàm quan văn chánh nhất phẩm, là một trong Tứ trụ triều đình (Theo *Tự điển Nhà Nguyễn* của Võ Hương An, tr.202).



**B**uddhadasa Bikkhu (1906-1993) là một nhà sư Thái Lan uyên bác và khác thường. Tư tưởng và sự hiểu biết về Đạo pháp của ông vượt lên trên những hình thức màu mè của một tín ngưỡng, loại bỏ được tất cả những thêm thắt và diễn đạt không thể tránh khỏi của người sau suốt trên dòng lịch sử phát triển lâu dài của Phật giáo.

Các quan điểm vô cùng trong sáng và khoa học về Đạo pháp cũng như các chủ trương thật tinh khiết trong việc tu tập của ông cũng đã khiến cho một số người Phật giáo thủ cựu - và cả những người làm chính trị cực đoan - ngay trên quê hương ông phải khó chịu. Kể cả một vài học giả Tây phương cũng đã hiểu lầm ông. Thế nhưng con đường thênh thang và tinh khiết do ông khai mở ngày càng được nhiều người bước theo. Hai trong số các quan điểm chính yếu nhất của ông về Phật giáo là trước hết ông chỉ quan tâm đến kiếp sống hiện tại và không giảng hay đề cập đến các kiếp sống quá khứ cũng như tương lai, và sau đó đối với ông thì "tam giới" (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) cũng như "lục đạo" (địa ngục, quỷ, súc sinh, A-tu-la, người và trời) cũng chỉ là những thể dạng biến đổi và tiếp nối của tâm thức trong kiếp sống hiện tại mà thôi. Nói cách khác là chúng ta đang luân hồi trong từng khoảnh khắc một trong kiếp sống này.

Bài thơ dưới đây được ông viết vào năm 1988, tức là năm năm trước khi ông qua đời, và đã được rất nhiều người biết đến vì nội dung thật nhân bản và khoan dung của nó. Bài thơ cũng đã được đăng tải trên rất nhiều trang web của Thái Lan cũng như trên toàn thế giới. Một Phật tử Thái Lan "vô danh" - có lẽ vì muốn chứng tỏ sự khiêm tốn của mình chăng (?) - đã dịch bài thơ này sang tiếng Anh với sự giúp đỡ của một Tỳ-kheo người Mỹ vào năm 1993, tức vào năm Buddhadasa Bikkhu qua đời. Tuy người Phật tử Thái trên đây không cho biết người Tỳ-kheo hiệu đính bản tiếng Anh là ai, thế nhưng cũng có thể nghĩ rằng vị này là một đệ tử trẻ người Mỹ của Buddhadasa mang pháp danh là Santikaro Bikkhu, đã từng dịch nhiều bài giảng và thơ của ông.

Gần đây hơn là vào năm 2011, một học giả Pháp là ông Louis Gabauche, cựu thành viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ (École française d'Extrême Orient) đã căn cứ vào bài thơ này của Buddhadasa để viết một bài báo khá khúc chiết mang tựa đề "*Những sự rạn nứt xã hội và Phật giáo dưới con mắt của nhà sư Buddhadasa Bikkhu*" (*Fractures sociales et Bouddhisme: le regard de Buddhadasa Bikkhu*) nhằm bênh vực quan điểm của nhà sư này trên phương diện Đạo pháp cũng như xã hội và chính trị. Khi viết bài này, Louis Gabauche cũng đã dịch bài thơ của Buddhadasa sang tiếng Pháp và đặt vào cuối bài trong phần thư tịch.

Bài thơ của Buddhadasa không mang tựa đề gì cả mà chỉ ghi bên dưới là làm tại Suan Mokkh (Khu vườn Giác Ngộ) ngày 22 tháng 5, Phật lịch 2531 (tức là năm 1988). Louis Gabauche cũng có đề nghị ghép thêm cho bài thơ này một cái tựa: "*Những kẻ khác... và chúng ta*" (*Les autres...*

*et nous*). Thật ra bài thơ của Buddhadasa không cần phải có một cái tựa nào cả hầu nói lên ý nghĩa của nó, bởi vì từng vắn trong bài thơ tự nó cũng đã nói lên được lòng bao dung và độ lượng của một con người tu hành chân chính. Tuy nhiên người dịch sang tiếng Việt cũng mạn phép nghĩ rằng một cái tựa nào đó chẳng hạn như "*Giữa con người với nhau*" biết đâu cũng có thể mang lại một chút tiền vị hầu có thể giúp chúng ta bước vào bầu không gian rộng mở trong lòng nhà sư Buddhadasa được dễ dàng hơn chăng? Dưới đây là bản dịch tiếng Anh bài thơ của Buddhadasa.

TREAT EACH HUMAN FRIEND BY THINKING THAT:

He is our friend who was born to be old, become ill, and die, together with us.

He is our friend swimming around in the changing cycles with us.

He is under the power of defilements like us, hence he sometimes errs.

He also has lust, hatred, and delusion, no less than we.

He therefore errs sometimes, like us.

He neither knows why he was born nor knows nibbana, just the same as us.

He is stupid in some things like we used to be.

He does some things accordingly to his own likes, the same as we used to do.

He also wants to be good, as well as we who want even more to be good - outstanding - famous.

He often takes much and much more from others whenever he has a chance, just like us.

He has the right to be madly good, drunkenly good, deludedly good, and drowning in good, just like us.

He is an ordinary man attached to many things, just like us.

He does not have the duty to suffer or die for us.

He is our friend of the same nation and religion.

He does things impetuously and abruptly just as we do.

He has the duty to be responsible for his own family, not for ours.

He has the right to his own tastes and preferences.

He has the right to choose anything (even a religion) for his own satisfaction.

He has the right to share equally with us the public property.

He has the right to be neurotic or mad as well as we.

He has the right to ask for help and sympathy from us.

He has the right to be forgiven by us according to the circumstances.

He has the right to be socialist or libertarian in accordance with his own disposition.

He has the right to be selfish before thinking of others.

He has the human right, equal to us, to be in this world.

If we think in these ways, no conflicts will occur.

Buddhadasa Indapanno

Mokkhabalarama, Chaiya 22 tháng 5, Phật lịch 2531 (1988)

[Một Phật tử vô danh đặt hết lòng tin nơi lòng nhân ái và từ bi vô biên của nhà sư Buddhadasa nên đã mạn phép dịch bài thơ này của ông sang tiếng Anh, với sự giúp đỡ của một Tỳ-kheo người Mỹ.

Ngày 2, tháng 6, Phật lịch 2536 (1993)]

**Bản Việt dịch của Hoang Phong:**

HÃY XEM MỖI NGƯỜI LÀ BẠN TA VÀ NGHĨ RẰNG:

Người ấy là bạn ta, cùng sinh ra đời để rồi sẽ già nua, bệnh tật và chết cùng ta.

Người ấy là bạn ta, cùng ngập lặn với ta trong vòng sinh diệt.

Người ấy cũng vướng bụi trần ô nhiễm như ta, do đó đôi khi cũng phạm vào lầm lỗi.

Người ấy cũng mang đầy dục vọng, thù hận và mê lầm, nào có khác ta đâu!

Cũng như ta, người ấy cũng lầm khi nhầm lẫn.

Người ấy cũng chẳng biết tại sao mình lại sinh ra đời, và cũng chẳng biết thế nào là niết bàn, quả là giống y như ta!

Có những thứ mà người ấy cũng ngộ nghê như ta trước đây.

Người ấy cũng làm những thứ theo sở thích mình, như ta cũng từng làm trước đây.

Người ấy cũng muốn mình giỏi giang, cũng như chính ta luôn muốn mình giỏi hơn, sáng chói hơn, danh tiếng hơn.

Người ấy thường chiếm lấy thật nhiều những gì của kẻ khác mỗi khi có cơ hội, nào có khác gì ta đâu!

Người ấy có quyền cuồng điên, say mê, đắm mình trong cái tốt đẹp, cũng như ta vậy.

Người ấy là một kẻ bình thường với bao nhiêu thứ ràng buộc, cũng như ta vậy thôi.

Người ấy nào có bổn phận phải gánh chịu khổ đau và chết thay cho ta đâu

Người ấy là một người bạn cùng quê hương và tín ngưỡng với ta.

Chẳng khác gì ta, người ấy cũng hành động bồng bột và thiếu suy nghĩ.

Người ấy có bổn phận với gia đình mình chứ nào có trách nhiệm gì với gia đình của ta đâu.

Người ấy có quyền chạy theo các sở thích và những thú vui riêng.

Người ấy có quyền chọn lựa bất cứ gì (kể cả tôn giáo) theo sở thích của mình.

Người ấy có quyền thụ hưởng các tiện nghi công cộng ngang hàng với ta.

Người ấy có quyền để cho tâm thần bấn loạn và điên rồ, chẳng khác gì với ta.

Người ấy có quyền kêu gọi sự giúp đỡ và chờ đợi sự ân cần xót thương của ta.

Người ấy có quyền được ta tha thứ tùy theo từng hoàn cảnh.

Người ấy có quyền theo xã hội chủ nghĩa hay chế độ tự do tùy theo hoàn cảnh đẩy đưa.

Người ấy có quyền ích kỷ trước khi nghĩ đến kẻ khác. Người ấy được hưởng nhân quyền ngang hàng với ta trong thế giới này.

Nếu tất cả chúng ta đều biết nghĩ suy như thế thì xung đột nào có thể xảy ra!

**Bản dịch tiếng Pháp của Louis Gabauche:**

**Les autres... et nous**

Agissons avec nos compagnons d'humanité en gardant ceci à l'esprit:

Ils sont nos compagnons de naissance, de vieillesse, de souffrance et de mort!

Ils sont nos compagnons d'errance dans le même tourbillon des morts et des naissances!

Ils tombent sous le pouvoir des passions, comme nous!

Ils n'ont pas moins d'envies, de colères, de choix stupides que nous!

Ils s'oublient parfois, comme nous! Ils ne savent pas pourquoi ils sont nés, comme nous!

Ils ne savent pas ce qu'est le nirvana, comme nous! Ils sont idiots, parfois, comme nous!

Ils se font plaisir, parfois, comme nous!

Ils sont ambitieux, comme nous qui cherchons le succès, la gloire et la célébrité!

Ils s'enrichissent et profitent de leur position à l'occasion, comme nous!

Ils ont aussi le droit d'être fous de réussite, drogués de réussite, trompés par la réussite, noyés dans leur réussite, comme nous!

Ce sont des gens ordinaires qui s'attachent à des tas de choses, comme nous!

Ils n'ont pas à souffrir ou à mourir à notre place!

Ils sont nos compatriotes et nos coreligionnaires,

Ils prennent des décisions irréflechies, comme nous!

Ils ont le devoir de prendre soin de leur famille, pas de la nôtre!

Ils ont le droit d'avoir les goûts qui leur plaisent!

Ils ont le droit de choisir ce qui leur plaît, y compris leur religion!

Ils ont le droit de profiter des biens publics, autant que nous!

Ils ont le droit d'être névrosés ou fous, autant que nous!

Ils ont le droit de demander notre aide et notre compréhension!

Ils ont le droit d'obtenir notre pardon à la mesure des circonstances!

Ils ont le droit d'être socialistes ou libéraux, comme il leur plaît!

Ils ont le droit d'être égoïstes avant d'être généreux!

Ils ont le droit, comme êtres humains, de vivre dans le monde, comme nous!

Si nous arrivions à penser ainsi, il n'y aurait plus aucun conflit possible. ■



# Minh hạnh túc

MỸ DUNG

“**M**inh hạnh túc” hay “minh hạnh cụ túc” (*vijjācaranasampanno*) là một trong mười danh xưng của Đức Phật sau khi Ngài thành tựu đạo quả vô thượng Bồ-đề và cũng là một thuật ngữ được dùng trong Phật học để chỉ về công năng tu tập mà một người sở hữu được nhờ thực hành theo giáo pháp giác ngộ – giới-định-tuệ – của Phật. Đức Phật được tôn xưng là bậc Minh hạnh túc bởi Ngài là người có đầy đủ giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức. Nhưng Phật là người “*tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định và khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến*”. Chính vì thế mà “minh hạnh túc”

trở thành một thuật từ để chỉ cho những ai nỗ lực đi theo con đường của Phật và có đầy đủ các phẩm chất giác ngộ giống như Phật.

Sau đây là bài kinh đề cập các pháp môn tu tập để đạt được “minh hạnh túc” hay đường lối thực hành Phật pháp từ địa vị hữu học đến địa vị vô học, cùng với các minh định rõ ràng về “minh” (*vijjā*), “hạnh” (*carana*), “minh hạnh cụ túc” (*vijjācaranasampanno*), do Tôn giả Ānanda thay lời Phật trình bày cho các gia chủ thuộc dòng họ Thích Ca ở Kapilavatthu<sup>2</sup>:

“*Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh, hộ trì các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, thành tựu bảy diệu pháp, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.*

“*Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn*

Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học các học pháp. Nay Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh.

“Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Nay Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn.

“Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong ăn uống? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử chơn chánh giác sát, thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: ‘Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn’. Nay Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong sự ăn uống.

“Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Nay Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác.

“Và này Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp? Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử có lòng tin, có sự tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: ‘Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Vị này có lòng từ, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp. Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp. Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy

đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Nay Mahànàma, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp.

“Và này, Mahànàma, thế nào là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, chúng đặc không phí sức? Ở đây, này Mahànàma, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Mahànàma, như vậy là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, chúng đặc không phí sức.

“Này Mahànàma, khi một vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, chúng đặc không phí sức như vậy, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược. Nay Mahànàma, ví như có tám, có mười hay có mười hai trứng gà, được gà mái khéo ấp ngồi, khéo ấp nóng, khéo ấp dưỡng; dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: ‘Mong rằng, các con gà con của ta, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân, hay với mỏ của chúng, thoát ra ngoài một cách an toàn’. Những con gà con ấy, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân hay mỏ của chúng, có thể thoát ra ngoài một cách an toàn. Cũng vậy, này Mahànàma, khi một vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, chúng đặc không phí sức như vậy, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

“Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được

vô thượng xả niệm thanh tịnh này, nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là sự phá vỡ thứ nhất của con gà con ra khỏi vỏ trứng. Đây Mahànàma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh.. đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là sự phá vỡ thứ hai của con gà con ra khỏi vỏ trứng. Đây Mahànàma, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là sự phá vỡ thứ ba của con gà con ra khỏi vỏ trứng.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy. Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào, nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... cùng với các nét đại cương và các chi tiết như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

"Này Mahànàma, vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

"Như vậy, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử được gọi là minh cụ túc, hạnh cụ túc, minh hạnh cụ túc".

Nhìn chung, "minh hạnh túc" là một thuật ngữ dùng để chỉ hạnh đức và trí đức của một người đã đạt đến giải thoát, giác ngộ, nhờ thực hành theo con đường Trung đạo giới-định-tuệ do chư Phật giảng dạy. Nó được dùng để chỉ cho Sa-môn Gotama sau khi Ngài thành đạo và cũng được dùng để chỉ cho bất cứ người nào thành tựu các đức năng giác ngộ giống như Ngài.

Cứ theo các định nghĩa trên thì hạnh đức (*carana*) chính là sự thực hành và thành tựu đầy đủ về giới học và định học, trong khi trí đức (*vijjà*) là sự thành tựu tam minh (*tevijjà*), đặc quả giải thoát. Vì vậy, "minh hạnh túc" là sự thành tựu trọn vẹn về giới-định-tuệ, con đường mà bất cứ ai mong muốn tìm cầu sự giác ngộ giống như Phật hay còn gọi là "cần cầu vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn" đều phải trải qua để thực chứng mục tiêu giải thoát, với một ý thức rất rõ về mình: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái sanh tử này nữa". ■

#### **Chú thích:**

1. Kinh Hạnh phúc cho ai, Tăng Chi Bộ.
2. Kinh Hữu học, Trung Bộ.





# Phật tánh và tâm tử

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Từ Bi Hỷ Xả là những đức tính của một bậc Giác ngộ:

“Đại từ đại bi đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai” (phẩm *Bồ-tát Sư Tử Rống*, kinh *Đại Bát Niết Bàn*).

Trong bài này chúng ta tìm hiểu tâm tử và Phật tánh, y cứ vào kinh *Đại Bát Niết Bàn*, chủ yếu lấy từ phẩm *Phạm Hạnh*. Kinh này gắn liền với tâm tử. Ngay trang đầu, Đức Phật đã nói: “Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thương mến che chở chúng sanh, là ngôi nhà lớn rộng cho chúng sanh về nương ở, xem chúng sanh như con một là La Hầu La”. Suốt kinh đều nhắc đến tâm tử, cho đến gần cuối kinh, phẩm *Bồ-tát Ca Diếp*, có bài kệ tán thán Đức Phật, chủ yếu tán thán đại từ đại bi của bậc Giác Ngộ.

Tâm tử là một thuộc tính của giác ngộ, đến độ nếu không có tâm tử thì không thể gọi là giác ngộ:

“Này thiện nam tử! Tâm tử tức là Đại thừa. Đại thừa tức là tâm tử, tâm tử tức là Như Lai. Tâm tử tức là đạo giác ngộ. Đạo giác ngộ tức là tâm tử, tâm tử tức là Như Lai.

“Này thiện nam tử! Tâm tử có thể vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ, cha mẹ tức là tâm tử, tâm tử tức là Như Lai.

“Này thiện nam tử! Tâm tử là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật chính là tâm tử. Nên biết tâm tử chính là Như Lai.

“Này thiện nam tử! Tâm tử chính là Phật tánh của chúng sanh. Phật tánh ấy từ lâu bị phiền não che lấp nên khiến cho chúng sanh chẳng được nhìn thấy. Phật tánh tức là tâm tử, tâm tử tức là Như Lai” (Phẩm *Phạm Hạnh*).

Qua đoạn kinh trên, chúng ta có thể nói rằng thực hành để đạt đến tâm tử trọn vẹn tức là đạt đến giác ngộ. Đạt đến tâm tử là đạt đến Phật tánh, đạt đến tâm tử hay Phật tánh một cách trọn vẹn là thành Phật.

Kinh thường nhắc đi nhắc lại câu nói, “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Phật tánh là cái vốn có sẵn, không do tạo tác, nhưng chúng sanh vì bị phiền não che lấp nên không thấy.

Nhưng tâm tử chính là Phật tánh của chúng sanh. Như thế tâm tử cũng là cái vốn có sẵn, không do tạo tác, ở nơi chúng sanh mà từ lâu bị phiền não che lấp khiến chúng sanh chẳng được nhìn thấy.

Nếu Phật tánh “không do tạo tác, không sanh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch” thì tâm tử cũng “không do tạo tác, không sanh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch”.





Nói thế nghĩa là chúng ta đang hiện có tâm từ này, đang sống và hoạt động trong hay trên tâm từ này, dù chúng ta chưa thể nghiệm được nó.

Tâm từ là Phật tánh vốn có sẵn, toàn thiện, không tăng thêm không giảm bớt. Đây là tâm từ của chân lý tuyệt đối và tối hậu. Còn những pháp môn tu để khai mở, tương ứng với tâm từ của chân lý tuyệt đối và tối hậu này như phát Bồ đề tâm, quán tưởng tâm từ, bố thí... thuộc về chân lý tương đối và quy ước. Cho đến khi chân lý tương đối tương ứng và hợp chất với chân lý tuyệt đối, lúc đó có giác ngộ viên mãn.

Sống là để tìm gặp nguồn từ bi vốn có sẵn, như Phật tánh vốn có sẵn, và khai mở cuộc sống của chúng ta với tâm từ, thấm đẫm cuộc đời chúng ta bằng tâm từ, làm lớn rộng hiện hữu của chúng ta bằng tâm từ. Cho đến khi tâm từ trở thành vô lượng (Bốn vô lượng tâm) thì hiện hữu của chúng ta cũng trở thành vô lượng.

Tâm từ là tâm thương mến, yêu mến, quý mến, dịu dàng, gần gũi, bao che, muốn cho đối tượng không bị đau khổ mà luôn luôn được hạnh phúc. Lòng tốt luôn luôn có nơi tâm từ: có tâm từ với đối tượng nào là có lòng tốt (hào tâm), có ý muốn tốt (thiện ý), không có ý làm tổn hại đối tượng ấy. Tâm từ là sự ấm áp, sự thương mến cho đi một cách thuần túy mà không đòi hỏi đáp lại cái gì cả. Như cha mẹ với con nhỏ, như mặt trời mặt trăng với cỏ cây.

Hơn nữa, kinh thường nói “tâm từ xem tất cả chúng sanh đồng như con một”. Bạc “nhất tử địa” là bạc xem chúng sanh như con độc nhất (nhất tử) của mình. Thế nào là ý nghĩa con một, đứa con độc nhất?

- Con là một liên hệ, kết nối về thân thể, huyết thống.

Con là một thân thể khác, một tâm thức khác của cha mẹ. Sự liên kết này không thể đứt lia trong bất cứ trường hợp nào, nhất là khi lại là con một. Tâm từ xem tất cả chúng sanh là con một là tâm từ nối kết chặt chẽ với chúng sanh, không thể để đứt lia dù bất cứ nguyên nhân hoàn cảnh nào.

- Con một phải là quan trọng hơn mình, về mọi mặt, mạng sống, tiền đồ tương lai, thành công, hạnh phúc... tất cả đều phải quan trọng hơn cuộc sống của mình. Con một chính là tương lai và sự sống của cha mẹ.

- Cuộc đời cha mẹ phải làm mọi việc để con được an toàn, hạnh phúc và thành đạt.

- Sự thương mến, yêu quý... dành cho đứa con độc nhất là sự thương yêu lớn lao nhất, sâu đậm nhất và cũng là duy nhất.

Khi giữ được năm giới đối với chúng sanh (không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không say sưa) là chúng ta bắt đầu biết thế nào là tâm từ, vì giữ năm giới chính là sự biểu lộ của tâm từ với bên ngoài. Từ đó, chúng ta mở cuộc đời mình ra với tâm từ, huấn luyện tâm bằng thiền định thiền quán để tâm từ có ngày trở thành vô lượng.

Phẩm *Phạm hạnh* nói: “Bồ-tát đối với chúng sanh phân làm ba hạng: Một là những người thân yêu, hai là những người oán ghét, ba là những người không thương không ghét. Mỗi hạng lại chia ra nhiều, trung bình, ít. Vị này đối với hạng thân yêu nhiều ban cho sự vui lớn lao. Với hạng thân yêu trung bình và ít cũng bình đẳng ban cho sự vui lớn lao. Với hạng oán ghét nhiều thì cho ít phần vui. Với hạng oán ghét trung bình thì cho sự vui trung bình. Với hạng oán ghét ít thì cho sự vui lớn lao.

“Bồ-tát dần dần tu tập thêm lên. Với người oán ghét nhiều thì cho sự vui trung bình, với người oán ghét trung bình và ít, cho sự vui lớn lao. Lại tu tập tăng thêm, với những người oán ghét nhiều, trung bình, và ít đều bình đẳng cho sự vui lớn lao. Nếu với người oán ghét nhiều mà cho sự vui lớn lao, bấy giờ gọi là thành tựu tâm từ”.

Khi với cả ba hạng người, nghĩa là mọi người trong thế giới này, đều có thể tặng cho sự vui lớn lao, như thế có phải thế giới này đã biến thành niềm vui lớn lao?

Kinh nói đến một số lợi lạc của việc thực hành tâm từ:

“Vi trừ những sự không lợi ích cho các chúng sanh, đây gọi là đại từ. Muốn cho chúng sanh được vô lượng lợi ích an vui, đây gọi là đại bi. Với các chúng sanh sanh lòng vui mừng, đây gọi là đại hỷ. Nếu chẳng thấy có ta, tướng các pháp, thân mình, tướng chúng sanh, thấy tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác, đây gọi là đại xả. Tự rời bỏ sự vui của mình mà đem cho người khác, đây gọi là đại xả.

“Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể làm cho Bồ-tát đầy đủ được sáu pháp ba-la-mật. Bốn tâm vô lượng của Bồ-tát có thể làm cội gốc cho tất cả hạnh lành” (Phẩm *Phạm hạnh*).

“Người tu tâm từ có thể dứt tham dục, sân giận”.

Bồ thí cho những đạo sĩ có ngũ thông đồng đảo



khắp mặt đất thì phước đức ấy “chẳng bằng tu lòng từ, trong một phần mười sáu”.

Tâm từ làm căn bản cho mọi pháp môn:

“Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật có được căn lành đều do tâm từ làm căn bản. Bồ-tát tu tâm từ có thể sanh vô lượng căn lành như quán bất tịnh, số túc, vô thường, bốn niệm xứ, mười hai nhân duyên... cùng với bốn gia hạnh pháp noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất, kiến đạo, tu đạo... cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, bốn thiền, bốn vô lượng tâm, không, vô tướng, vô nguyện, vô tranh tam muội, trí biết bốn tế, trí Thanh văn, trí Duyên giác, trí Bồ-tát, trí Phật” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Bồ-tát luôn luôn với tâm từ mà làm các hạnh. Chẳng hạn bố thí thức uống:

“Lúc bố thí các thức uống, Bồ-tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng: Những thức uống bố thí hiện giờ đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Nguyện các chúng sanh rời niệm ưa sanh tử mà ưa thích Đại Niết-bàn trọn vẹn Pháp thân, được các tam muội vào đại dương trí huệ sâu thẳm. Nguyện các chúng sanh được vị cam lồ trí huệ xuất thế tịch tịnh lìa dục. Nguyện các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp. Rưới mưa pháp rồi Phật tánh trùm khắp đường như hư không...” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Tâm từ phối hợp với trí huệ soi thấy tánh Không và cuối cùng hợp nhất với trí huệ thì tâm từ ấy trở thành Đại từ, tâm từ vô lượng và vô thượng:

“Này thiện nam tử! Tâm từ tức là Đại Không. Đại Không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

“Tâm từ là đạo vô thượng của tất cả Bồ-tát. Đạo là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

“Tâm từ nếu chẳng có thể thấu rõ các pháp (là tánh Không), nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh văn. Tâm từ nếu thấy các pháp có tướng, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh văn.

“Này thiện nam tử! Nếu tâm từ chẳng có thể được mười trí lực của Phật và bốn vô sở úy, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh văn” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Nhờ tương ưng với “tâm từ là Phật tánh” này mà Bồ-tát “có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

“Bậc Bồ-tát Thập trụ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng thấy chưa được rõ ràng, như trong đêm tối thấy vật chẳng rõ” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Nhờ “tâm từ là Phật tánh” này mà “các Bồ-tát do ở trong Phật tánh mà xem chúng sanh bình đẳng như nhau không sai khác” (Phẩm *Văn tự*).

Trọn vẹn ở trong “tâm từ là Phật tánh” này, Đức Phật “thấy rõ hoàn toàn Phật tánh của tất cả chúng sanh” (Phẩm *Bồ-tát Sư tử rống*).

Như vậy nhờ Phật tánh như là tâm từ, nói đầy đủ là từ, bi, hỷ, xả mà thấy được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, và chính vì thấy biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh mà có được từ bi hỷ xả đích thực và rộng lớn. Từ bi hỷ xả đích thực và rộng lớn đặt trên nền tảng Phật tánh chung của mình và người, của tất cả muôn loài chúng sanh.

Phật tánh là nền tảng của tất cả đạo đức Phật giáo. Đạo đức ấy không chia lìa với nhận thức của trí huệ, với hiểu biết của khoa học (thấu rõ các pháp), với các ngành xã hội – nhân văn (tất cả chúng sanh), với tất cả mọi mặt của xã hội con người.

Như vậy, tất cả mọi ngành học nghiên cứu của con người, tất cả mọi sinh hoạt của thân, ngữ, tâm của con người, đều nằm trong câu nói “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Chúng ta hiểu rõ hơn tại sao gọi đó là “tiếng rống của sư tử”, phẩm *Bồ-tát sư tử rống*.

Tâm từ có sức mạnh ảnh hưởng đến chung quanh: “Ví như người ta thấy thú dữ từ xa thì tự nhiên sanh sợ sệt. Ngược lại, chúng sanh thấy người tu tâm từ thì tự nhiên sanh vui vẻ, sung sướng” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Tâm từ có sức mạnh lớn lao mà kinh nói là những thần thông: “Ta nói tâm từ có vô lượng môn, chính là những thần thông” (Phẩm *Phạm hạnh*).

Trong phẩm *Phạm hạnh* này có nhiều câu chuyện về Đức Phật để minh họa cho sức mạnh của tâm từ. Đức Phật nhập “từ tâm tam muội” để điều phục con voi say do vua A-xà-thế thả ra để hại Đức Phật. Hất văng tảng đá lớn năm trăm lực sĩ không làm gì nổi, “nên biết chính là sức thiện căn của tâm từ khiến các lực sĩ ấy thấy như vậy”. Rừng cây bị chặt, môi trường bị nhiễm bẩn do các Ni-kiền-tử làm để ngăn cản Đức Phật đến

một thành phố. "Lúc ta đến ngoài thành kia chẳng thấy rừng cây, chỉ thấy trên mặt thành vũ trang chặt chẽ, ta liền thương xót khởi tâm từ. Những cây cối mọc lên như cũ, có phần tươi tốt hơn.

"Nước sông, ao hồ, đều trở nên trong vắt, nhiều thứ hoa nở đầy mặt đất... Lúc ấy thật ra ta chẳng hóa ra những rừng cây, cũng chẳng làm cho nước trong sạch, cũng chẳng biến vũ khí thành những cành hoa. Nên biết những việc ấy đều do sức căn lành của tâm từ làm cho nhân dân thành Thủ-ba-la thấy như vậy".

Còn nhiều chuyện về sức mạnh của tâm từ như vậy nữa. Nhưng chúng ta có thể học một điều: sức mạnh của tâm từ có thể cải biến vật chất, từ dơ thành sạch, từ hư hỏng biến thành tốt lành, và nhất là đối với con người, có thể biến một tâm xấu ác thành một tâm hiền thiện.

Để kết luận về tâm từ, chúng ta trích bài kệ Bồ-tát Ca-diếp tán thán Đức Phật, chủ yếu nói về tâm từ của bậc Giác ngộ.

Bài kệ này kết thúc chương *Bồ-tát Ca-diếp*:

Đại Y Vương thương mến thế gian  
Thân và trí huệ đều tịch tĩnh  
Trong pháp vô ngã, có chân ngã  
Nên con kính lễ bậc Vô thượng.

Phát tâm, rốt chót, hai không khác  
Hai tâm này, tâm trước khó thay  
Mình chưa được độ, độ người trước  
Nên con kính lễ Sơ phát tâm.

Sơ tâm đã là Thấy trời người  
Vượt hẳn Thanh văn và Duyên giác  
Phát tâm như vậy vượt ba cõi  
Nên được gọi bậc Tối vô thượng.

Đời phải mong cầu, rồi mới được  
Phật không chờ thỉnh, làm chỗ quy  
Phật theo thế gian như ghé con  
Nên được gọi là bậc Đại bi.

Công đức Như Lai khắp mười phương  
Người vô trí không thể ngợi ca  
Nay con tán thán tâm từ bi  
Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu.

Thế gian thường thích lợi riêng mình  
Như Lai trọn chẳng làm việc ấy  
Dứt báo thế gian cho chúng sanh  
Nên con lễ bậc Tự, Tha lợi.

Thế gian theo đuổi lợi người thân  
Như Lai làm lợi không thân, oán  
Phật không các tướng như người đời  
Nên tâm bình đẳng, không hai tướng.

Thế gian nói khác, việc làm khác  
Như Lai nói, làm không khác nhau  
Phàm chỗ tu hành, dứt các hành  
Nên được xưng gọi là Như Lai.

Trước đã rõ biết lỗi phiền não  
Thị hiện ở đó vì chúng sanh  
Từ lâu giải thoát khỏi thế gian  
Vào trong sanh tử, từ bi vậy.

Tuy hiện thân trời cùng thân người  
Từ bi theo sát như ghé nhỏ  
Như Lai tức là mẹ chúng sanh  
Tâm từ đó chính là ghé nhỏ.

Tự chịu các khổ vì chúng sanh  
Nhớ nghĩ xót thương lòng chẳng hối  
Quá thương yêu nên không biết khổ  
Nên con kính lễ bậc Bạt khổ.

Như Lai tuy tạo vô lượng phước  
Nghiệp thân khẩu ý thường thanh tịnh  
Thường vì chúng sanh, chẳng vì mình  
Nên con kính lễ Nghiệp thanh tịnh.

Như Lai chịu khổ, chẳng biết khổ  
Thấy chúng sanh khổ như mình khổ  
Dầu vì chúng sanh, ở địa ngục  
Chẳng sanh tưởng khổ và hối tiếc.

Tất cả chúng sanh khổ khác nhau  
Thấy đều Như lai một mình chịu  
Biết rồi, tâm trở nên kiên cố  
Nên chuyên cần tu đạo Vô thượng.

Phật chỉ đại từ tâm một vị  
Nghĩ thương chúng sanh như thương con  
Chúng sanh chẳng biết Phật thường cứu  
Chê bai Tam bảo Phật, Pháp, Tăng.

Thế gian đầy đủ mọi phiền não  
Cùng với vô lượng lỗi xấu ác  
Phiền não và tội lỗi như vậy  
Phật sơ phát tâm đã trừ diệt.

Duy chỉ chư Phật ca ngợi Phật  
Ngoài Phật không ai biết tán thán  
Nay con chỉ xưng tán một điều:  
Là tâm từ trải thắm thế gian.

Tâm từ Như Lai gồm mọi pháp  
Từ ấy độ được hết chúng sanh  
Đó là vô thượng Chân giải thoát  
Giải thoát, đó là Đại Niết Bàn. ■



# Giáo dục Phật giáo Phẩm chất của người thầy

THÍCH GIÁC TOÀN

## I. KHÁI QUÁT

Giáo dục được hiểu nôm na là sự giảng dạy, người thực hiện việc dạy là người thầy; do đó có thể nói không có người thầy thì không có giáo dục. Hình ảnh của người thầy là vô cùng quan trọng đối với người học, hình ảnh ấy phải được biểu lộ từ những phẩm chất tốt đẹp, bao gồm kiến thức, kỹ năng sư phạm và nhiều phẩm chất khác như kiên nhẫn, tận tụy, lòng thương yêu học trò v.v. Nhưng trên hết và bao quát hết là phẩm chất đạo đức của người thầy. Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 ở chương III, điều 4 có ghi mấy điểm về đạo đức của người thầy: 1. Tâm huyết, ý chí giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo, có tinh thần đoàn

kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp, có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, hòa nhã với người học, đồng nghiệp và cộng đồng; 2. Tận tụy với công việc; 3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất, năng lực của người học; 4. Thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có khá nhiều bài viết về phẩm chất của người thầy được đăng tải trên các trang web, nội dung thường vẫn tât và không khác nhau mấy.

Trong bài *Teaching as a career* (Nghề dạy, đăng trên [www.uefap.com](http://www.uefap.com)). H.C. Dent nêu ra sáu điểm về phẩm chất của người thầy: 1. Có nhân cách; 2. Đồng cảm với học sinh; 3. Chân thật về đạo đức và trí tuệ; 4. Có tinh thần vững vàng; 5. Kiên nhẫn; 6. Học hỏi không ngừng.

Shashank Nataka đã viết trên trang [www.Buzzle.com](http://www.Buzzle.com) như sau về các đức tính của người thầy: 1. Thân tình với học sinh; 2. Hiểu biết học sinh; 3. Kiên nhẫn; 4. Sáng tạo; 5. Nhiệt tình.

Trên trang [www.hubpage](http://www.hubpage), Henry Adams cho rằng một vị thầy cần phải: 1. Thân mật, tâm đắc với học sinh; 2. Có nhân cách, cá tính; 3. Có kiến thức và sự phạm; 5. Biết lắng nghe; 6. Vui vẻ, có tính hài hước; 7. Tốt bụng, thương yêu học sinh.

Người thầy trong giáo dục Phật giáo trước hết là người chấp nhận đạo đức học Phật giáo, nền đạo đức lấy giải thoát (tức vô ngã) làm tiêu chuẩn, lấy trí tuệ để soi sáng mọi sự, lấy lý nhân quả để suy xét mà làm lành tránh ác cho mình và cho người khác, lấy từ bi để đối đãi với học trò của mình và với những người khác.

## II. HÌNH ẢNH CỦA VỊ THẦY VĨ ĐẠI, ĐỨC PHẬT

Chúng ta hãy nhìn qua hình ảnh Đức Phật, vị thầy sáng lập giáo dục Phật giáo và sau đó thử minh họa hình ảnh của một người thầy khi vị này thực hiện giáo dục Phật giáo.

Thực ra, không thể nào nói hết phẩm chất đạo đức của Đức Phật. Ngài là đấng tuyệt đối, vượt ngoài ngôn ngữ, lượng định trong miêu tả của thế gian. Những miêu tả về Ngài chỉ là phát xuất từ cái nhìn trần tục, tuy vậy vẫn được xem là khuôn mẫu cho phẩm chất tốt đẹp nhất mà một người bình thường có thể noi theo.

Trong ý nghĩa này, ta tóm tắt những gì hàng ngoại đạo ca ngợi Đức Phật trong kinh *Phạm võng* của *Trường bộ kinh*: Sa-môn Cù-đàm đã: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ đao trượng, có lòng từ bi đối với mọi chúng sanh; sống thanh tịnh, chỉ nhận những thứ đã được cho; từ bỏ tà hạnh, tu phạm hạnh; nói lời chân thật, không nói lời độc ác, tà vạy; không làm hại hạt giống, cây cỏ, xa rời mọi thứ xa hoa, vật chất; tiết độ, đặm bạc trong ăn uống, trong các vật dụng. Tiếp đó, Đức Phật đã tuyên bố rằng “*Đó là lời tán thán của kẻ phạm phu*”; và “*đó chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu tán thán Như Lai*”.

Qua đó, ta thấy Đức Phật gọi các phẩm chất ấy chỉ là nhỏ nhặt, không quan trọng, chỉ thuộc giới luật. Vậy phẩm chất của một vị thầy không phải chỉ ở giới luật. Trước hết và trên hết, trí tuệ. Từ Phật, Buddha, có căn gốc là Bodhi nghĩa là trí tuệ. Đức lớn nhất là trí đức vậy. Có trí đức mới tuệ tri được mọi sự việc. Cho nên cũng trong đoạn kinh nói trên, Đức Phật phê phán các tà kiến của hàng ngoại đạo và kết luận: “*Này các Tỳ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: ‘Những sở kiến, những chấp trước như vậy (của hàng ngoại đạo, tức những tà kiến) sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy’. Như Lai còn tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ các thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm của chúng và sự*

*xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỳ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền dạy lại*” (Kinh Phạm Võng của Trường Bộ kinh).

Trí đức của Đức Phật khó mà miêu tả được thì bi đức, lòng đại từ bi muốn cứu vớt hết thảy chúng sanh của Ngài cũng vô lượng vô biên. Nếu không vì đại từ bi thì Ngài đã nhập Đại Niết-bàn sau khi đã chứng ngộ dưới cội bồ-đề, đã không phải nán thêm bốn mươi lăm năm giảng pháp, thu thập đệ tử, du hành khắp Bắc-Tây bắc Ấn Độ. Chư Bồ-tát, chư Thánh đệ tử của Ngài đều lấy từ bi làm đại nguyện.

Kinh điển cho thấy Đức Phật luôn thương yêu, gần gũi, khuyên nhủ, chăm sóc đệ tử, Ngài kiên trì giảng pháp, dùng mọi phương tiện thiện xảo để người học có thể hiểu và thực hành Phật pháp. Sự tận tụy, kiên trì bao gồm cả sự nhẫn nại, can đảm, hy sinh cả ngại vàng, vợ con, chịu khó khăn gian khổ hiểm nguy trong nếp sống cũng chỉ vì lòng đại từ bi muốn cho chúng sanh thoát khổ.

Đại trí, đại bi, đại dũng, đại giải thoát là hình ảnh của Đức Phật. Chính các đức tối thượng này đã tỏa khắp kim thân của Ngài, khiến năm vị Tỳ-kheo nhóm Kiều-trần-như ở Vườn Nai, Ba-la-nại khi thấy Đức Phật từ xa đã bảo nhau hãy tỏ ra lạnh nhạt với Ngài do nghĩ rằng Ngài từ bỏ lối tu khổ hạnh vì không kham nổi. Nhưng khi Đức Phật đến gần thì vẻ uy nghiêm, hiền hòa của Ngài đã thuyết phục chư vị và chư vị liền đảnh lễ Ngài (xem *Mahavagga*, *Đại phẩm I*, chương *Tụng yếu*). Cũng chính thái độ, cốt cách chứng ngộ của Ngài đã chiến thắng ác ma, thu phục voi dữ, chiêu dụ được hàng ngoại đạo.

## III. PHẨM CHẤT CỦA NGƯỜI THẦY

Những ý kiến của nhiều bài viết của nhiều tác giả, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo như đã nêu ở đầu phần này là nhằm cho vị thầy nói chung trong thời đại ngày nay. Hình ảnh Đức Phật với những phẩm chất của Ngài là tuyệt đối mà mọi người con Phật đều cần nỗ lực để noi theo. Ở đây chỉ xin nêu một số nét căn bản của một vị thầy trong giáo dục Phật giáo. Vị thầy ở đây có thể là chư Tăng Ni, cư sĩ đang giảng dạy Phật pháp hoặc những ngành học khác mà Phật giáo có thể liên quan đến. Mỗi vị thầy có căn cơ khác nhau, hoàn cảnh khác nhau cho nên việc phấn đấu xây dựng nhân cách của mỗi người có khác nhau. Nói chung, trình độ tu tập, phát triển tâm linh của hàng cư sĩ thì khó có thể ngang bằng với chư Tăng Ni, trừ một số ít trường hợp.

Trước hết, phẩm chất của người thầy là phẩm chất đạo đức. Với ý thức mình luôn tu học, luôn tìm cách để thăng tiến tâm linh, người thầy giữ đúng giới luật mà

mình đã thệ nguyện tuân thủ, luôn luôn hành thiện, xa lánh điều ác. Phẩm chất đạo đức của vị thầy còn thể hiện trong cách đối xử với mọi người chung quanh, nhất là đối với các vị đồng sự.

Về cách đối xử với đồng sự, ta có thể mô phỏng theo *Lục hòa kính pháp* mà Đức Phật đã dạy trong kinh *Làng Sama* (số 104) của *Trung Bộ kinh* hay kinh *Chu-na* của *Trung A-hàm*. Đó là sáu sự chia sẻ giữa những người trong một nhóm, một đoàn thể: Thân hòa (cùng thân nghiệp, kính ái nhau); Khẩu hòa (lời nói hòa nhã, chân thật); Ý hòa (cùng ý định, hòa thuận, đoàn kết, không mâu thuẫn nhau); Kiến hòa (cùng có kiến giải theo giáo lý của Đức Phật); Lợi hòa (chia sẻ với nhau những thứ vật chất, nhất là những lợi lạc tâm linh mà mình thu đạt được). Đối với mọi người nói chung thì vị thầy nên áp dụng *Tứ nhiếp pháp* mà Đức Phật dạy trong kinh *Tứ thập nhị chương* hay kinh *Duy-ma-cật*. Đó là bốn phương cách đối đãi với mọi người: Bố thí nhiếp (giúp vật chất, giúp nhận rõ điều hay, Phật pháp, giúp người ta vững tâm, không lo lắng, sợ hãi); Ái ngữ nhiếp (lời nói nhẹ nhàng, chân thật); Lợi hành nhiếp (làm những gì có lợi ích cho người khác); Đồng sự nhiếp (đối đãi tốt, chân tình với người đồng sự).

Ngoài ra, xin tạm xếp một số phẩm chất căn bản của người thầy theo ba nhóm của một đặc trưng trong tính chất Phật giáo là BI, TRÍ, DŨNG. Ở đây chỉ nhấn mạnh đến đặc trưng này của một vị thầy trong môi trường giáo dục Phật giáo, cụ thể là đối với học sinh.

**1. Bi:** Bi là lòng thương yêu rộng lớn. Người thầy phải yêu thương, gần gũi, đậm đà, thăm thiết, vỗ về, khuyên nhủ, khích lệ và còn nghĩ rằng trong quá khứ thầy trò còn có mối liên hệ huyết thống, thân thích hay bằng hữu nên thương yêu học sinh như người mẹ thương yêu đứa con độc nhất của mình (xem *Từ kinh*, *Metta sutta* của *Tiểu Bộ kinh*). Thầy tha thứ những lỗi lầm của học trò, ngay cả những em lười biếng, ngang ngạnh, học kém, ham chơi... Tất cả những nỗ lực dạy tốt cũng nhằm vì lòng thương yêu học trò. Thầy đối xử bình đẳng với tất cả học sinh, tôn trọng các em vì biết rằng các em đều có Phật tính. Sự gần gũi, tìm hiểu cá tính, hoàn cảnh gia đình của học sinh cũng là một phương pháp căn bản của khoa sư phạm vậy.

**2. Trí:** Trí ở đây là sự sáng suốt trong nhận định, trong quyết định hành động. Trí còn có nghĩa là kiến thức, kiến thức Phật học, kiến thức phổ thông, kiến thức ngành, môn mình giảng dạy, kiến thức sư phạm. Người thầy có trí sẽ biết với đám học sinh như thế này, với một học sinh như thế này, với hoàn cảnh thế này thì mình sẽ dạy như thế nào, đâu là những khó khăn, thuận lợi v.v. Cần nhớ là trí sẽ được phát sinh, tăng cường là nhờ thiền định, nhờ học hỏi, nhờ thực hành (xin xem lại bài *Giáo dục thực hành* đã đăng trong tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* số 173) và nhất là nhờ thiền định.

**3. Dũng:** Dũng là sự can đảm, dám làm các sự việc

trong niềm tin tưởng mình sẽ thành công. Dũng còn bao hàm cả sự kiên trì, nhẫn nại, nhẫn nhục, chịu đựng, chấp nhận hy sinh. Người thầy chịu đựng mọi khó khăn trong việc dạy của mình, chấp nhận dạy dỗ ở vùng sâu vùng xa, chấp nhận những thiếu thốn vật chất. Người thầy luôn chân thành, thẳng thắn, bênh vực cái đúng, nêu cao giáo pháp của Đức Phật, dù bị hăm dọa, bị chèn ép, tù tội... Người thầy còn phải nhận thấy những khuyết điểm của mình, nhận lỗi trước những người khác, sẵn sàng chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm, phải luôn luôn học hỏi, tu tập, tinh tấn không ngừng.

Thực ra, Bi, Trí, Dũng là ba trong một, cả ba cùng một thể tính vì liên hệ với nhau, thậm chí còn mang ý nghĩa của nhau. Có bi nhờ có trí, trí càng lớn thì bi càng sâu rộng. Bi khiến cho trí càng thêm sáng suốt. Có trí thì dũng mới có ý nghĩa tốt lành, không có trí thì dũng chỉ là sự táo bạo, bừa bãi, thậm chí là thô lỗ, gây hại. Có dũng mới có bi mạnh mẽ, có bi mới làm cho dũng có ý nghĩa cao đẹp. Bi-Trí-Dũng phải được thực hiện trên tinh thần vô ngã, vị tha mới phù hợp với một người con Phật.

Để minh họa Bi-Trí-Dũng, xin trích đoạn chính của kinh *Giáo giới Phú-lâu-na* (số 145 *Trung Bộ kinh*). Trong đó, Tôn giả Phú-lâu-na (Punna) thể hiện Bi (thương yêu những người mình dạy dỗ), Trí (biết chắc mình sẽ có cách để thành công trong giáo dục) và Dũng (không sợ khó khăn, nguy hiểm có thể phải hy sinh tánh mạng):

“*Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tắt, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây phương Du-na quốc), con sẽ sống tại đấy. - Nay Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Nay Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Nay Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc ông, nhục mạ ông, thời này Punna, tại đấy ông sẽ như thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: ‘Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta.’ Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập ông, thời này Punna, tại đấy ông sẽ nghĩ như thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con, thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: ‘Thật là thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta.’ Bạch Thế Tôn, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thệ, tại đấy con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh ông, thời này Punna, tại đấy ông sẽ nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh con; thời tại đấy, con sẽ nghĩ như sau: ‘Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là*

chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.-- Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập ông, thời này Punna, tại đây ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao đánh đập ông, thời này Punna, tại đây ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: 'Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ta. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ông, thời này Punna, tại đây ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta sẽ lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: 'Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy'. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ

như vậy. - Lành thay, lành thay, này Punna! Này Punna, ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Punna, ông nay hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, Tôn giả Punna đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta. Rồi Tôn giả Punna nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung".

#### IV. KẾT LUẬN

Như trên đã nói, phẩm chất của người thầy được các nhà giáo dục đề cập rất nhiều. Phật giáo cũng công nhận những tính chất ấy là tốt đẹp và cũng bao gồm quan điểm của Phật giáo về người thầy. Tuy vậy, những phẩm chất của người thầy trong giáo dục Phật giáo có nguồn gốc sâu xa hơn, chân thực hơn, hậu quả tốt đẹp, lâu dài hơn. Người thầy trong giáo dục Phật giáo còn là những người dạy đạo đức, tâm linh, là vị hành giả đang kính tín Tam bảo, Phật pháp, đang tìm về giải thoát tối hậu cho mình và giúp người học theo con đường của mình. ■





# Lễ hội

## dưới lăng kính giáo dục

NGUYỄN CĂN

### **Mục đích của lễ hội**

Người ta thường gọi mùa xuân là mùa của lễ hội, của chợ phiên, của tề tựu họp mặt vui chơi thư giãn. Về mặt tâm linh, đó còn là mùa cầu nguyện khi lên chùa vào đền, cầu mong một năm may mắn, tràn đầy phúc lộc. Từ đồng bằng lên cao nguyên, ở đâu người ta cũng dễ thấy lòng lâng lâng cảm xúc dạt dào khi đi giữa ngàn hoa trái...

Ở nhà quê, xuân còn là ngày hội làng, ngày hội của quê hương, ngày hội tưởng nhớ về cội nguồn, cha ông. Người ta tổ chức những trò chơi dân gian như: đấu vật, kéo co, đánh cờ, đua thuyền... Đặc biệt là lễ tế Thành hoàng làng diễn ra trong không khí trang trọng và thiêng liêng, cầu nguyện cho một năm mưa thuận gió hòa, một

cuộc sống no đủ, bình an cho tất cả mọi người. Ở thành phố, những chương trình ca múa nhạc tổng hợp diễn ra ngoài trời, những đường hoa chen chúc nhiều sắc màu thu hút đông đảo mọi người thường ngoạn, mua sắm... Lễ hội mùa xuân là dòng thời gian tiếp nối sức sống truyền thống và hiện đại, chảy khắp các miền đất nước. Có những lễ hội thiêng liêng, trang trọng, như kỷ niệm Chiến thắng Đống Đa, kỷ niệm Khởi nghĩa Hai Bà Trưng sau đó nhưng cũng trong mùa xuân...

### **Những biến thái... hôm nay**

#### **Lễ hội đổ máu**

Nhìn lại hôm nay, người ta thấy gì? Qua mạng, người ta được biết đã diễn ra những lễ hội đầy máu me như:



“chém lợn tế thần”, “phóng lao giết trâu”... đang tạo ra những cái nhìn trái chiều về lễ hội truyền thống. Nghĩ sao khi người ta hò reo trước hình ảnh lưỡi dao sắc ngọt, chém lia đôi con lợn ở Tiên Du (Bắc Ninh). Đáng nói hơn, tại lễ hội có cả trẻ em cũng tích cực tham gia cổ vũ vì chính ông bà cha mẹ chúng đã tỏ ra phấn khích! Có chuyên gia tâm lý như ông Trịnh Trung Hòa cho rằng, những lễ hội dã man như đâm trâu ở Tây Nguyên là tín ngưỡng lâu đời, là phong tục cổ truyền từ thời người ta còn sống bằng săn bắt. Tâm lý con người muốn ăn mừng những chiến thắng, tế thần khi săn bắt thành công... Nhưng rừng rợn thay! Trong lễ hội chọi trâu, người ta còn mua thịt của con trâu “vô địch” với giá đến 3 triệu/1kg khi nó bị xẻ thịt ngay sau phút chiến thắng!

### Lễ hội chen và giặt

Đã có không ít những bài viết phân tích về những điều phản cảm diễn ra ở lễ hội chùa Hương trong dịp đầu năm nhưng xem ra tệ trạng này không hề giảm mà xảy ra trên phạm vi không gian rộng hơn, đơn cử như tình trạng lễ đầu năm ở chùa Bái Đính (xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Thử đọc một vài dòng phóng sự:

*“Những kỷ lục nhất Việt Nam và nhất châu Á của chùa Bái Đính, với bức tượng bằng đồng dát vàng đoạt nhiều kỷ lục “khủng khiếp” thì chưa thấy đâu, chỉ thấy toàn những ám ảnh buồn bã.*

*Đường từ Quốc lộ 1 vào, nhiều đoạn bùn nhào nhoe nhoét, xe nào cũng phủ kín toàn một màu... trâu đầm. Bãi đỗ xe rộng mênh mông, không một bóng cây, không một manh che chắn cũng như biển chỉ dẫn, kẻ vạch. Cứ như chỗ bỏ hoang, bạ ai cứ việc “đổ” nấy, chỉ người thu tiền là sướng tay... Tai quái hơn, không ai cảnh báo du khách về việc đi dọc các hành lang La hán dài nhất châu Á, đạt nhiều kỷ lục (như quảng bá của ban tổ chức) của chùa Bái Đính mới sẽ mất nhiều giờ đồng hồ. Thành thử, người già, trẻ em bị đói meo, như bị “đem con bỏ chợ” lên trên chùa. Trên đó lại không có hàng quán. Muốn ăn uống phải đi xe điện 4-5km về lại khu xuất phát gần bãi đỗ ô tô xe máy.*

*Và kinh hoàng hơn: việc chen lấn xô đẩy, chờ đợi, xếp hàng, chửi bới loạn xạ để... được đi xe điện từ chùa trở về bãi đỗ xe (4-5km) còn đông đúc, bừa phứa, loạn xạ ngập hơn cả lúc lên. Nhiều người bị chen vỡ đồ đạc, máy ảnh rơi ra đất, phụ nữ trẻ bị xô đổ oe óe... thôi rồi! ... Việc hành hương ùn ứ, tắc tị, gây bức xúc, chửi bới chán nản ngay từ cổng vào. Chúng tôi vừa đến, đã thấy đông nghịt toàn người, không tài nào chen nổi. Đợi hai tiếng đồng hồ, vẫn không có dấu hiệu nào có thể mua vé lên... chùa. Nhiều người mở hôi rỗng rỗng thờ dài: “Như xếp hàng, chen lấn thời... bao cấp”. “Như cướp ấn đền Trần”. “Đi chùa mà như đi... đánh vật, tranh nhau như ngoài hàng tôm hàng cá”.*

*Chúng tôi thử ghi âm đoạn khách chửi bới, cần nhân, cãi cọ, hàng trăm khách gào thét van xin với các cô để mua được vé xe điện lên chùa mà... không tài nào nghe được. Nó như một cái chợ vỡ. Lô cốt nhất các cô có nhiều nan, lỗ bé*

*xíu. Mỗi lỗ chỉ nhét vừa... bàn tay người mua. Ai cũng phải lên gông để tránh bị chết bẹp... Trông đúng cảnh mua tranh bán cướp (Đỗ Lăng Quân – Báo Lao Động 6/3/2013).*

Còn ở chùa Hương hay những chùa nổi tiếng khác thì vẫn thế, người ta không thấy Phật đâu vì họ đã dán những đồng bạc lẻ che kín tượng mất rồi. Họ vẫn tiếp tục “mặc cả” với chư Phật hay thánh thần về “cái may cái lộc” của năm mới, biết đâu chỉ bỏ ra 1.000 đồng mà thu về cả tỷ. Họ nghĩ mình khôn ngoan và tinh quái biết bao! Còn dọc đường thì hàng quán với đặc sản thú rừng. Chỉ trên một đoạn đường mà có đến 40 quán trong đó 36 quán phục vụ nai, mễn, gấu, nhím, các loại thú, bắt kể trong danh sách xanh hay đỏ!

### Giáo dục gì qua lễ hội?

Câu hỏi này có nên đặt ra với những nhà văn hóa, những người làm công tác hướng dẫn tư duy thời đại, nắn dòng chảy tâm linh dân tộc, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ...? Họ nghĩ gì? Họ sẽ làm gì? Hay họ cũng đang hòa theo dòng người lấy xe công đi chùa, cầu vong, hầu đồng? Còn những nhà giáo dục? Liệu có ai nghĩ đến tác động tâm lý, sự giết chóc, đâm chém, máu me... sợ hãi với người xem, đặc biệt, gây ấn tượng kinh hãi đối với trẻ em. Thạc sĩ Tâm lý học Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, (Trường ĐH Sư phạm TP. HCM) phân tích, trẻ em dưới sáu tuổi rất dễ tiếp thu những hình ảnh làm cho trẻ bị “sốc”. Ông nói, “Chém giết súc vật tạo nên những hình ảnh bạo lực, dã man trong mắt trẻ thơ. Đôi khi, những hình ảnh này có thể đeo đuổi dai dẳng tâm trí, gây cho trẻ tâm trạng sợ hãi. Thậm chí còn có thể tạo nên những cơn ác mộng ám ảnh trong giấc ngủ”. Theo các chuyên gia tâm lý, trẻ em dưới 11 tuổi là đang ở giai đoạn rất hay bắt chước hành vi của người lớn. Nếu chúng chứng kiến cảnh cầm dao chém lợn, đâm trâu... chúng hoàn toàn có thể bắt chước để đối xử với các vật nuôi trong nhà. Từ đó ẩn tàng tính bạo lực di chuyển trọng tâm đối tượng từ súc vật sang con người không phải là không có. Chúng ta thường phê phán việc cha mẹ thiếu lưu tâm khi để trẻ vi thành niên chơi game bạo lực, xem phim chém giết.

Nhà xã hội học Đặng Vũ Cảnh Linh cho rằng nếu để những biểu trưng văn hóa vào bối cảnh phi văn hóa, nhuộm thêm màu bạo lực, chết chóc, thì cái hay cái đẹp trở thành cái ngược lại. Đó là sự đảo ngược các giá trị, niềm tin của xã hội. Ông nói: “Tôi ví dụ, lễ hội chọi trâu, chúng ta truyền tải thông điệp văn hóa nào khi đưa những con vật (con trâu là con vật biểu trưng cho lao động, đem lại cơm ăn, áo mặc cho con người) lên sàn đấu đẫm máu? Rồi sau đó, dù thắng hay thua thì cũng bị đi điện và làm thịt”.

Có nhà tâm lý khi phân tích trường hợp Lê Văn Luyện trong vụ án giết cả gia đình một chủ tiệm vàng từng làm rúng động xã hội cho rằng nguyên nhân có thể ảnh hưởng một phần từ thói quen nhìn thấy giết, mổ lợn. Bởi nhà Luyện làm nghề buôn bán thịt lợn. Chúng ta

đồng ý rằng không phải ai làm nghề đồ tể cũng đều giết người nhưng sự ám ảnh là không tránh khỏi. Nếu đương sự lại sống trong một môi trường có những điều kiện xấu khác tạo điều kiện cho ác nghiệp tăng trưởng. Những nghi lễ đâm, giết... là hủ tục xưa tồn tại, không còn phù hợp với xã hội văn minh. Nhất là những hình ảnh tàn sát động vật tạo ấn tượng với trẻ em, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể hệ tương lai.

Còn việc mặc cả với Phật hay thánh thần thì sao? Điều này phản ánh nếp tư duy thực dụng đến mê muội, điên cuồng khi cứ nghĩ “người trên” cũng như “kẻ dưới”, thánh thần như người phàm, cứ “Có tiền là xong!”. Suy nghĩ theo tà kiến ấy phải được chấn chỉnh từ trong gia đình. Nếu cha mẹ cũng mê tín như thế thì trách sao con trẻ không lầm lạc... Những kiểu lễ hội ấy xuất phát từ lòng tham nên khởi si, không còn chánh kiến hay chánh niệm.

Trong kinh *Tiểu nghiệp phân biệt* (kinh số 135 thuộc *Trung bộ*), Đức Phật đã giảng rõ cho thanh niên Subha Todeyyaputta về quả xấu của những hành vi liên quan đến việc giết hại các loài hữu tình như sau: “... có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình”.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, chương *Ba pháp*, phẩm *Chánh giác*, Đức Phật cũng nói rõ về sự tập khởi của các nghiệp xấu, “... Tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi”. Tiếp theo, Ngài giảng về hậu quả của sự tập khởi các nghiệp xấu, “Phàm nghiệp nào do tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, do tham làm nhân duyên, do tham tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt”.

Nghiệp tập khởi từ tham sân si, tác động và thể hiện qua thân khẩu ý. Một khi những ác nghiệp do thân khẩu ý còn tạo ra thì sự khủng hoảng tinh thần trên thế gian này còn kéo dài, ngày một trầm trọng thêm. Khi cuộc sống đang bị thói mê đắm vật chất làm băng hoại tinh thần, con người chạy theo những phù hoa giả tạo trên cuộc đời này: nào xe, nào cộ, nào nhà cao cửa rộng, nào áo nào quần... thì vô minh vẫn còn che lấp trí tuệ khiến con người điên đảo trong cuộc đời. Từ chỗ điên đảo ấy, họ không còn làm chủ được tâm trí mình, sẵn sàng kết liễu cuộc sống kẻ khác, bất chấp nhân tình và nhân tính.

Thế mà, lễ hội là nhằm giáo dục truyền thống và kết nối tương lai, qua đó dạy con trẻ lòng tôn trọng quá khứ, hướng thiện và “giữ gìn bản sắc dân tộc” như những khẩu hiệu mà người ta vẫn nghe trong bất cứ lễ hội nào, câu cửa miệng của các quan “văn hóa”!

### **Khôi phục nét nhân văn**

Trước khi tiến hành cuộc “cách mạng văn hóa”, cần phải chấn chỉnh ngay những biến thái hay... bệnh thái văn hóa lễ hội như vừa nêu trên. Ngoài ra, phải nhìn nhận đây là sự kế thừa “thiếu chọn lọc” khi bung bê cả những hủ tục (mà có người vẫn cho là mỹ tục!) của thời mông muội. Tai hại hơn, lại có sự pha trộn của tính thực dụng nên sự đổi mới văn hóa diễn ra một cách không bình thường. Giải thích theo những nhà nghiên cứu xã hội học trong tác phẩm *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* do Viện Nghiên cứu Văn hóa thực hiện (chủ biên: Ngô Đức Thịnh, Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành năm 2010) thì ở đây đã “... không có sự kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ, mà thường là sự đan xen hỗn loạn giữa cái cũ và cái mới... tạo nên sự hụt hẫng trong đời sống văn hóa và hệ quả là đời sống văn hóa của nhân dân bị suy kiệt và trở nên nghèo nàn”.

Để xác định đâu là tính giáo dục trong các lễ hội văn hóa truyền thống đích thực cần phát huy, ngành nghiên cứu văn hóa phải tiến hành một cuộc khảo sát rộng rãi, tìm hiểu sâu sát và yêu cầu hay tư vấn cho từng địa phương và cả nước nên loại bỏ lễ hội nào và nên tiến hành lễ hội như thế nào. Đồng thời đưa vào chương trình giáo dục không chỉ là một chương mà có thể là một môn học về giá trị văn hóa ngàn xưa, nếu khó, có thể đưa vào môn Sử hay Địa lý...

Căn bản của mọi nền giáo dục vẫn là hướng thiện. Thế nên Đức Phật mới dạy phải thực hành thiện nghiệp ngay từ trong ý nghĩ. Trong kinh *Saleyyaka* (kinh số 41 thuộc *Trung Bộ*), Đức Phật khuyên các vị gia chủ Bà-la-môn nên có những ý nghĩ đúng Chánh pháp, nhờ không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, rằng, “Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!”. Không chỉ không tạo ác nghiệp với người, mà với cả các sinh vật khác, và cả môi trường cây cỏ, khí trời... Muốn có sự an bình hạnh phúc cho chính mình thì phải biết tôn trọng sự sống bình yên của mọi người, mọi vật. Tất cả phải được thấm nhuần không chỉ từ bài học trên ghế nhà trường mà còn từ trong những lễ hội dân gian hay hiện đại, sao cho mọi hoạt động ở đó đều mang tính giáo dục, không chỉ đối với trẻ thơ, mà còn đối với người trưởng thành; và như vậy, nhờ thông qua những sinh hoạt cộng đồng đó, con người gần bó hơn với đất nước, đồng bào...

Hãy nhìn lại và làm lại, nếu không, dân tộc này sẽ rơi vào một nền văn hóa dung tục và không bản sắc, nói cách khác, không còn là... văn hóa! ■



# Trải nghiệm núi thiêng Ngân Sơn, Tây Tạng

Bài & ảnh: HỒNG DIỆP

Nhiều người nói đến được Tây Tạng không phải là một điều dễ. Với tôi thì ngược lại. Mọi việc dường như rất suôn sẻ từ khi tôi mua vé máy bay từ Hà Nội tới Thành Đô. Từ Thành Đô, thông qua một anh bạn tốt bụng làm ở Công ty China Youth Travel Services, tôi xin giấy phép đặc biệt vào Tây Tạng và tiếp tục hành trình từ Thành Đô tới Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng. Khi tôi quyết định bước chân vào thế giới Phật giáo, mọi việc bỗng trở nên suôn sẻ và linh nghiệm một cách lạ kỳ.

Sau ba tuần loanh quanh ở thủ phủ Lhasa và các tỉnh lân cận, tôi đăng ký *chuyến du lịch* hai tuần đi về phía Tây Tây Tạng, nơi có một trong những vương quốc cổ xưa đầu tiên của Tây Tạng là Guge Kingdom và đỉnh núi thiêng Ngân Sơn (Kailash) huyền thoại. Đoàn gồm mười người đến từ nhiều nước khác nhau, Pháp, Úc, Israel và Hà Lan. Chỉ có tôi là bé nhỏ nhất, nhưng dường như lúc đầu không mấy ai bận tâm về điều đó.

Khi đi du lịch ở Tây Tạng, mọi người chủ yếu gặp gỡ và hình thành nhóm qua bản tin ở các khách sạn. Nếu bạn tới Lhasa, bạn sẽ bắt gặp ở hầu khắp các khách sạn những bản tin dán đầy thông báo tìm bạn đường. Thường chúng có nội dung: “Chúng tôi đang chuẩn bị đi địa điểm... Ai muốn tham gia xin liên lạc theo số điện thoại... hoặc email...”. Sau đó những người quan tâm gặp gỡ, trao đổi và thế là tạo thành một nhóm. Nhóm của tôi cũng không nằm ngoài định lệ này.

Đoàn mười người chúng tôi đăng ký *chuyến du lịch* của một công ty lữ hành địa phương. Đây là quy định bắt buộc của chính quyền Trung Quốc ở Tây Tạng. Đối với những vùng giới hạn, khách du lịch phải thông qua một công ty lữ hành địa phương mà không được tự ý đi một mình. Công ty này xin các giấy phép theo yêu cầu và lái xe sẽ trình các giấy tờ này khi qua mỗi trạm kiểm soát. Chúng tôi hợp với công ty lữ hành này vài lần, thống nhất về giá cả, lộ trình, thời gian và địa điểm



xuất phát rồi bắt đầu khởi hành vào cuối tháng Chín. Chúng tôi là những du khách cuối cùng của năm vì lộ trình này thường đóng cửa vào cuối tháng Mười, khi băng tuyết bao phủ một số tuyến đường.

Muốn tới đỉnh Ngan Sơn, bạn phải đăng ký tuyến lộ trình ít nhất là hai tuần. Đường đi cũng không phải dễ dàng. Đoàn chúng tôi đi hai xe, nhằm đảm bảo nếu một xe có vấn đề thì có xe kia hỗ trợ. Dự liệu này đã tỏ ra không thừa khi một trong hai xe của chúng tôi bị nổ lốp liên tục và phải thay hết lốp dự phòng. Trên đường đi, chúng tôi còn thấy một chiếc xe của đoàn

khác nằm chổng chơ dưới vệt cát hàng chục mét so với mặt đường.

Để đi được vòng quanh đỉnh Ngan Sơn, khách du lịch thường phải mất hai ngày rưỡi. Người Tây Tạng đi nhanh và quen đường thì chỉ mất một ngày. Tổng cộng cả quãng đường dài 52km. Khó khăn vậy nhưng khi nhìn thấy mỏm núi tuyết Ngan Sơn nhô lên trên nền bầu trời Tây Tạng xanh biếc, không ai không khỏi bồi hồi và có cảm giác chộn rộn khó tả. Đoàn dừng chân ở làng Darchen và bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi bộ. Dù lạnh giá và thiếu nước song tôi vẫn cố xin vài phích nước nóng, tắm gội sạch sẽ chuẩn bị cho chuyến đi quan trọng nhất của cuộc đời.

Tại sao đỉnh Ngan Sơn lại quan trọng đến vậy? Danh tiếng của ngọn núi này trên thực tế tỏa rộng và vượt trội so với mọi ngọn núi thiêng khác trên thế giới. Không một ngọn núi nào có thể so sánh được với Ngan Sơn vì nó là cầu nối hai nền văn minh lớn nhất và lâu đời nhất của loài người: Ấn Độ và Trung Quốc. Ngan Sơn là trung tâm của thế giới theo quan niệm của cả Phật giáo và Ấn Độ giáo và là đích hành hương quan trọng nhất của các tín đồ của cả hai giáo phái này. Đối với Ấn Độ giáo, nơi đây là trú xứ của thần Shiva, còn trong Phật giáo, Ngan Sơn là man-đa-la vĩ đại của các vị thiên Phật và Bồ-tát. Những con sông lớn và quan trọng của vùng châu Á đều bắt nguồn từ ngọn núi này, trong đó có cả sông Cửu Long của Việt Nam chúng ta. Nếu đi vòng quanh ngọn núi này một lần, con người sẽ gột rửa sạch được tội lỗi của kiếp trước. Đi 108 lần sẽ đạt được Niết-bàn diệu quả.

Hành lý gọn nhẹ, chỉ có một ba-lô nhỏ và một bình khí ô-xy, và với hy vọng lớn lao sẽ gột sạch tội lỗi của một kiếp và bước chân vào thế giới Phật giáo nhiệm màu, tôi hòa mình vào nhóm và hồi hộp bước những bước hành hương đầu tiên trong cuộc đời nhỏ bé của mình. Nhỏ bé cả về nghĩa bóng lẫn nghĩa đen vì tôi nhỏ nhất trong đoàn mười người. Rất may trước khi khởi hành, một thanh niên người Hàn Quốc vừa đi tuyến này về đã khuyên tôi chân tình rằng, để đi được vòng quanh đỉnh Ngan Sơn trong hai ngày rưỡi, tôi nên đi đúng theo khả năng và thể lực của mình. Đừng cố gắng đi nhanh quá mà mất sức. Áp dụng lời khuyên này, cộng với tình trạng thiếu ô-xy trong không khí do độ cao gần 6.000m trên mực nước biển làm tôi mệt mỏi ghê gớm, tôi đã không thể bắt kịp được với tốc độ của đoàn toàn người phương Tây to cao khỏe mạnh. Đi mười bước, tôi phải dừng lại một bước để thở. Lúc đầu, mọi người trong đoàn còn kiên nhẫn chờ tôi. Sau này thấy tôi đi quá chậm, họ để mặc tôi tự xoay xở. Con đường núi vắng, không người qua lại, thỉnh thoảng có vài người hành hương giống chúng tôi nhưng họ đều vượt tôi cả. Đỉnh Ngan Sơn không có cây lớn, chỉ có cây bụi thấp, cỏ, đất đá, tuyết và chỉ có một con đường nên có lẽ vì thế mọi người trong đoàn không sợ tôi bị

lạc. Ngày đầu tiên, hầu khắp quãng đường chỉ có tôi và đàn chó hoang. Tôi lúc đó không thấy sợ sệt gì cả, mà ngược lại thấy rất bình an. Sau này kể lại cho nhiều người, tôi mới biết lúc đó mình đang ở trong hoàn cảnh rất nguy hiểm.

Không ở đầu chó lại dữ tợn như ở Tây Tạng, đặc biệt là chó hoang ở vùng núi Ngán Sơn. Chúng thường tấn công khách bộ hành, đặc biệt là người hành hương. Bạn phải hết sức cẩn thận khi nhìn thấy những con chó ba chân, vì đây là những con chó đã tấn công người và bị (thường là người Tạng) cắt đứt một chân. Chính vì vậy để tránh bị tấn công, hầu như người Tạng nào cũng mang theo mình một con dao găm. Ở những vùng hẻo lánh, họ thường đi theo đoàn. Không biết thực tế này, mặc dù hơi sợ nhưng tôi vẫn cất bước song song với đàn chó hoang. Thỉnh thoảng dừng lại nghỉ chân, tôi lấy bánh quy ra chia cho chúng, và nói với chúng rằng tôi mong muốn chúng bảo vệ tôi vào lúc tôi chỉ có một mình. Đây là một sự kỳ diệu nho nhỏ trong số vô vàn điều kỳ diệu tôi trải qua ở Tây Tạng. Lũ chó này đã không tấn công tôi, chỉ chạy theo cho tới khi tôi gặp được những người hành hương khác rồi biến mất.

Cứ thế đi một mình, nhiều lúc mười bước nghỉ một bước, hơi thở nặng nề. Quá nửa ngày thì tôi quen dần với độ cao và bắt đầu đi nhanh hơn, tuy nhiên vẫn không thể bắt kịp được với đoàn. Một mình một con đường, xung quanh là những vách núi hùng vĩ, trong đầu tôi thêu dệt đủ chuyện, nhất là về các vị Phật và Bồ-tát. Trong suốt cả chặng đường, tôi chỉ nhất tâm nghĩ đến các ngài, tâm niệm mong các ngài nhìn thấy tôi và phù hộ độ trì cho tôi hoàn thành chuyến đi. Khi trông thấy tôi xuất hiện ở nhà nghỉ trong khuôn viên của một tu viện, tất cả mọi người trong đoàn đều hết sức ngạc nhiên. Anh bạn người Israel bảo tôi rằng anh đang lo không biết tôi có vượt qua được ngày đầu tiên này không. Đường như mọi người đều áy náy vì đã bỏ tôi lại một mình.

Đêm đầu tiên nghỉ lại trên đỉnh Ngán Sơn đánh dấu bước ngoặt trong suy nghĩ của tôi. Đêm ấy, do ăn món lạ bụng là bột mì trộn bơ (tsampa), cộng với độ cao, bụng tôi trương lên và đau dữ dội. Cả đời tôi chưa từng trải qua cơn đau bụng nào khủng khiếp như thế. Tôi từng bị đau bụng ruột thừa phải mổ, đau dạ dày, đau đại tràng nhưng không cơn đau nào có thể so sánh được với cơn đau đêm hôm ấy.

Ở Tây Tạng, đã có một đêm tôi trải qua cảm giác đau đớn tương tự. Đó là khi ở qua đêm bên hồ thiêng Nam-Tso. Đêm ấy, cũng do chưa quen với độ cao và không khí loãng, tôi bị đau đầu ghê gớm. Đường như có hàng vạn mũi khoan xuyên sâu vào đầu tôi, buốt tới tận xương tủy. Cơn đau dữ dội tới mức tôi tưởng mình sắp chết. Lê ra tôi nên đánh thức mọi người trong đoàn dậy để xin thuốc nhưng thấy mọi người ngủ ngon, cộng với bản tính không muốn làm phiền ai nên tôi nằm im

bất động, một mình chịu đựng. Lúc đó, không hiểu sao tôi chỉ nhớ tới mẹ và cầu nguyện cơn đau mau qua để tôi được trở về với mẹ. Mẹ là hình ảnh cuối cùng trước khi tôi chìm vào giấc ngủ và cơn đau ấy.

Nhưng lúc này trên đỉnh Ngán Sơn, nằm trong phòng nghỉ của tu viện cũng với cơn đau dữ dội không kém, tôi bắt đầu niệm Phật và các vị Bồ-tát, cầu xin các ngài độ cho tôi qua khỏi cơn đau này. Nằm một lúc, tôi ôm bụng lăn mò ra nhà vệ sinh bên ngoài tu viện. Chỉ có trăng sao, những cơn gió và đàn chó hung dữ đang nằm bên ngoài. Lúc này, cơn đau đã át mọi sợ hãi. May quá, chỉ sau vài cơn đi hơi, bụng tôi đã xẹp xuống và bớt hẳn đau. Các bạn sau này nếu có dịp đi hành hương ở Tây Tạng nên tránh ăn các món có nhiều tinh bột (tsampa) để không bị như tôi.

Vượt qua được ngày đầu tiên một cách kỳ diệu, chúng tôi bắt đầu sang ngày quan trọng nhất của cuộc hành hương, ngày vượt đỉnh đèo Dolma cao nhất, 5.650m trên mực nước biển. Nhưng không phải tất cả mọi người trong đoàn đều tiếp tục được hành trình. Đôi vợ chồng người Hà Lan đã không thể tham gia, do người vợ quá yếu. Họ phải quay về làng Darchen, để lại đoàn còn tám người. Do sự cố này, cộng với việc thấy một mình tôi vượt ngày đầu tiên, mọi người trong đoàn bắt đầu để ý và chờ tôi. Cũng do đã quen với độ cao, tôi đi nhanh hơn, không còn chậm chạp như ngày đầu. Ngày thứ hai này hầu như ai cũng phải sử dụng bình ô-xy. Mọi người mài miết tập trung vào việc đi bộ, hầu như không nói chuyện để giữ sức. Trời lạnh buốt đến mức chai nước tôi cầm tay cũng đóng băng. Những đoàn khách hành hương khác còn phải thuê bò Tây Tạng (yak) để chở hành lý. Nhiều đoạn dốc đường bắt đầu đóng băng, làm mọi người phải dò dẫm từng bước một.

Đến gần giữa trưa thì cả đoàn tới đèo Dolma (Dolma pass). Nơi đây cơ man nào là cờ phướn (prayer flags) của những khách hành hương khác treo bay phần phật trong gió. Do không biết tập tục nên tôi không chuẩn bị trước cờ phướn này để treo. Cờ phướn nhiều màu sắc có in mặt chú và hình ảnh các vị Phật và Bồ-tát khi chuyển động trong không khí sẽ gửi những năng lượng linh thiêng này theo gió vào khắp không gian, mang lại lợi ích cho toàn thể chúng sinh.

Qua được đèo Dolma, đoạn đường về dễ dàng hơn nhiều. Tất cả chúng tôi trong lòng đều tràn ngập một niềm vui lạ kỳ. Tôi có cảm giác mãnh liệt rằng mình đã gột sạch được mọi tội lỗi, chia tay quá khứ và phơi phơi niềm tin vào tương lai. Chúng tôi nghỉ thêm một đêm nữa tại một tu viện khác trên núi Ngán Sơn và về tới làng Darchen vào trưa ngày thứ ba. Đôi vợ chồng người Hà Lan thán phục tôi mãi. Còn tôi thì chắc chắn rằng chư Phật và Bồ-tát mười phương đã giúp tôi hoàn thành tốt đẹp chuyến hành hương này. Và rằng cuộc đời tôi từ đây sẽ bước sang một trang hoàn toàn mới. ■



# Lòng can đảm tự nhiên

GAYLON FERGUSON  
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

**S**áng nay tôi bắt đầu liệt kê những điều tôi sợ. Giống như nhiều người, tôi sợ chết. Tôi cũng sợ những cái chết của những người trong gia đình tôi, bạn bè tôi và những người tôi yêu thương. Tôi sợ mất những người thân yêu, và tôi sợ mất tình yêu, sợ cô độc. Và tôi có những nỗi sợ hãi liên quan đến cơ thể mỗi ngày mỗi già đi của tôi. (Tôi tập thể dục như vậy là đủ chưa? Tôi uống đủ thuốc bổ không? Làm sao né tránh được căn bệnh do di truyền?). Là một hành giả đi trên con đường học Phật để đạt đến giác ngộ, tôi cũng đã biết sợ sức mạnh của những thói quen thâm căn cố đế - thói quen vô minh, thói quen phản ứng có tính tự vệ, thói quen luôn không quan tâm đến cái thực tế mà mình trải nghiệm - kể cả thực tế của sự âu lo.

Khóa tu học mà tôi gọi là “Lòng Can Đảm Tự Nhiên” dựa trên những truyền thống trí tuệ cổ xưa về lòng

dũng cảm và từ bi là những thứ mà bây giờ là quý báu hơn bao giờ hết. Khóa tu học này phá vỡ một phương pháp từng bước một, lấy sự sợ hãi làm con đường trực tiếp đưa đến việc biến đổi chính chúng ta và thế giới của chúng ta. Mục đích của con đường này là để đạt đến một cuộc sống khôn ngoan và hỷ lạc trong sự hòa hợp sâu sắc với tha nhân và với thế giới tự nhiên.

Sự thực hành tâm linh đích thực mang lại cho chúng ta một phương cách để đối diện với thế giới nội tâm và thế giới bên ngoài chúng ta và để mang hai thế giới có quan hệ với nhau này vào trong một cuộc đối thoại sinh động và đầy tình thương. Làm bạn với nỗi sợ hãi của chúng ta - nếm trải mùi vị của nó, nghiền ngẫm nó, thân thiết gắn gũi với nó - sẽ mở ra cho chúng ta một cánh cửa. Chúng ta có thể phát triển một sức mạnh và sự tự tin bên trong chúng ta không tùy thuộc vào những cuộc thăng trầm của thế giới hiện tại của chúng

ta với những chuyện được mất liên tục suốt tuần suốt tháng. Ở giữa cơn đói khát, bạo động, sự cay nghiệt, và sự hèn nhát bên trong và bên ngoài chúng ta, phương pháp Lòng Can Đảm Tự Nhiên mời gọi bạn đi trên con đường của lòng dũng cảm cùng với tổ tiên tinh thần của chúng ta, những người dũng cảm trong suốt lịch sử đã biểu lộ vô úy trong cuộc sống hằng ngày.

Lòng Can Đảm Tự Nhiên bắt đầu bằng việc khám phá ra rằng lòng can đảm là bản chất tự nhiên của chúng ta. Bản chất tự nhiên này biểu lộ như là sự tự tin mà chúng ta chứng tỏ hằng ngày trong việc đương đầu với những thách thức của các mối quan hệ gia đình, công việc, tiền bạc và sức khỏe. Phương pháp này xác nhận rằng chúng ta vốn là dũng cảm – và rằng chúng ta có thể làm mạnh mẽ thêm và làm chín muồi chủng tử vô úy bẩm sinh này qua việc thực hành thiền định tĩnh giác. Như đạo sư Suzuki Roshi đã khuyên các đệ tử của ngài, “Các con vốn đã hoàn hảo rồi, và các con vẫn còn có thể tốt hơn nữa”. Con đường tu học được phác họa ở đây xuất phát từ sự nhận biết lòng can đảm bẩm sinh thông qua một loạt những trải nghiệm có định hướng trong việc đối mặt với bốn nỗi sợ hãi chính yếu: sợ chính mình, sợ tha nhân, sợ khoảng không và sợ biểu lộ.

*Làm bạn với chính mình* – với cơ thể, cảm xúc của mình và những trạng thái khác nhau của tâm mình – là nền tảng của toàn bộ cuộc hành trình đi vào lòng can đảm. Như Chogyam Trungpa Rinpoche tóm lược: “Sau rốt, đây là định nghĩa của dũng cảm: không sợ hãi chính mình”. Đôi khi chúng ta tránh gặp người khác là do chúng ta thiếu tin tưởng vào chính mình, không tin mình có đủ lòng từ bi, sức mạnh và sự nhanh nhẹn. Do đó, một tình bạn sâu đậm với chính con người mình sẽ mở ra khả năng có được *mối quan hệ đầy tình thương mến với tha nhân*. Do đó, khi mở rộng lòng mình một cách tự nhiên, có hệ thống, chúng ta sẽ biết được cách chuyển tiếp sự thấu cảm mà chúng ta đã vun đắp được đối với chính mình đến với những chúng sinh khác: gia đình, bạn bè, ngay cả với thú vật nuôi trong nhà và trong thế giới thiên nhiên quanh chúng ta. Điều này có nghĩa là biến đổi thái độ cố hữu sợ hãi tha nhân của chúng ta thành ra lòng yêu mến và cảm thông vô hạn để làm phương cách sống chủ yếu của chúng ta.

Con đường dẫn đến sự vô úy hoàn toàn tĩnh giác này tiếp tục khi chúng ta biết cách *mở lòng mình ra để đi vào không gian chung quanh chúng ta*; hãy buông bỏ đi và thôi đừng lo lắng lượng định xem chúng ta đang tiến bộ hay thụt lùi trên cuộc hành trình này và đang tiến bộ hay thụt lùi như thế nào. Chúng ta khám phá ra rằng tiếng nói phê phán bên trong ta thường giám sát quá mức sự tiến bộ của chúng ta. Trở trêu thay, kể phê phán chỉ trích quá bận rộn bên trong ta nói không rõ ràng và mang lại kết quả ngược với sự mong đợi. Tin tưởng vào lời bình phẩm dường như lan man không ngừng chảy qua đầu óc chúng ta chỉ làm cản trở chúng

ta trở thành những con người can đảm như chúng ta vốn thật sự như thế. Sự thận trọng quá mức như vậy dĩ nhiên là xuất phát từ lòng sợ hãi. “Nếu tôi không tự kiểm tra mình thường xuyên, ắt tôi sẽ mắc phải lỗi lầm?”. Buông bỏ việc liên tục đánh giá và so sánh mình với người khác sẽ dẫn đến những hành vi dũng cảm và tử bi một cách tự nhiên. Cũng giống như chúng ta học một bước khiêu vũ nhuần nhuyễn đến độ chúng ta không cần phải liên tục nhìn xuống chân nữa. Cuối cùng chúng ta cảm nhận được tiếng nhạc và động tác; và chỉ với chừng ấy thôi chúng ta kết hợp hoàn hảo với bạn nhảy và nhảy đúng nhịp điệu.

Sau cùng, điều thách thức chính yếu của chúng ta trên con đường tu tập là *đi vào hành động sáng tạo để đương đầu với lòng sợ hãi biểu lộ của chúng ta*. Cho đến nay, nhiều người trong chúng ta rất quen với việc trải qua thời gian ngồi trên đệm thiền như là một hình thức biểu lộ tĩnh giác của lòng từ bi và dũng cảm trong việc đối diện với chính mình. Nhưng vào một thời điểm nào đó, bước đi cốt yếu kế tiếp trên con đường tu tập là *thiền định dẫn thân*. “Đừng chỉ ngồi đó mà thôi, hãy làm một điều gì đi”. Khi mà những vấn đề đối diện với thế giới chúng ta và những mối đe dọa sự tổn vong tập thể của chúng ta trên hành tinh này hiện ra to lớn hơn bao giờ hết, chúng ta không thể tách biệt cuộc hành trình trong nội tâm chúng ta ra khỏi sự đáp ứng tự nhiên của nó trong sự thể hiện bên ngoài. Câu hỏi thúc bách nhất đối với những hành giả tâm linh như chúng ta trở thành câu hỏi như thế này: Ở trong gia đình và nơi làm việc của chúng ta, trong khu vực chúng ta ở hay trong cộng đồng sinh thái của chúng ta, chúng ta đang bộc lộ sự tỉnh thức hay sự yếu đuối, sự hèn nhát hay can đảm?

Định nghĩa lại “nghệ thuật” như là bất kỳ một hoạt động nào xuất phát từ sự nhu hòa và lòng trân quý, thầy tôi, ngài Trungpa Rinpoche, gọi đó là việc thực hành “nghệ thuật trong đời sống hằng ngày”. Việc nấu một bữa ăn rồi dọn dẹp sau đó có thể được thực hiện với sự tỉnh giác và sự cẩn trọng của một cuộc sống đầy nghệ thuật. Lúc đó chúng ta là những nghệ sĩ của cuộc đời chúng ta và của số phận tập thể của chúng ta, cùng nhau tạo dựng một tương lai thâm khốc hay lành mạnh: điều này tùy thuộc vào chúng ta. Cầu mong cho tất cả những chủng tử bẩm sinh của lòng can đảm tự nhiên của chúng ta đơm hoa kết trái thành những cộng đồng của lòng dũng cảm đầy từ bi. ■

*Tiền sĩ Gaylon Ferguson tu học dưới sự hướng dẫn của các vị thiền sư Phật giáo Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche và Sakyon Mipham Rinpoche. Ông là giáo sư tại Đại học Naropa và là tác giả các cuốn sách Natural Wakefulness: Discovering the Wisdom We Were Born With (2009) và Natural Bravery: Fear and Fearlessness as Path to Awakening Society (2013). Ông đã hướng dẫn các khóa tu trong 35 năm nay.*

# Đi tìm nhành hoa thạch thảo

LÊ DUY ĐOÀN



Những người có chút máu văn nghệ một lúc nào đó nổi hứng, thường buột miệng hát đôi câu vu vơ. Những câu hát nằm trong bộ nhớ có khi chỉ là một đoạn của bài hát. Khúc đầu, khúc giữa, khúc đuôi, khúc nào cũng được, tự nhiên bật ra như radio bắt được tần số dò đài, những bài hát cóp nhặt trên dòng đời một cách cố ý hay vô tình nghe đầu đó thỉnh thoảng được hát nho nhỏ như thế...

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, Em nhớ cho, mùa thu đã chết rồi...*

Đó là câu hát tôi thường nghe ngao nhất, có lẽ vì không gian đượm buồn nhẹ nhàng của lời bài hát, mà cũng vì trong câu hát có tên một loài hoa gây ấn tượng vì vẻ huyền hoặc của nó.

Có lẽ với người Tây phương, người ta biết ngay hoa thạch thảo là hoa gì, một cái gì thấy được, ngắt được, thậm chí ngửi được mùi hoa ngắt hương của nó. Trừ những người đã đi Tây và có quan tâm tìm hiểu thì còn có thể biết chứ phần nhiều người Việt chúng ta thật ra đọc thì đọc, hát thì hát chứ chẳng biết hoa thạch thảo là hoa gì, mặt mũi vóc dáng ra sao?!

Bài viết này không bàn luận gì về bài thơ *L'Adieu* mà

Bùi Giáng đã dịch và Phạm Duy đã phổ nhạc, tôi chỉ muốn nhân câu chuyện liên quan đến bài thơ để đi tìm ra một cành hoa đúng thật là một cành hoa thạch thảo đặt lên mộ của Léopoldine tiếc thương người bạc mệnh.

Léopoldine là con gái cưng của Victor Hugo, đại văn hào Pháp (1802-1885). Léopoldine đã chết đuối cùng chồng trong một vụ lật thuyền trên sông Seine vào trưa ngày 4-9-1843, khi cô chưa đầy 20 tuổi và đang mang thai 4 tháng. Hugo chỉ biết tin con mất khi ông vô tình đọc một tờ báo ở quán cà phê nọ. Mộ Léopoldine được chôn gần nơi cô qua đời trên bờ sông Seine đoạn chảy qua Villequier gần cảng Havre, cạnh khu bờ biển Normandi. Apollinaire làm bài thơ *L'Adieu* sau khi đi thăm mộ Léopoldine vào ngày 16 tháng 9 năm 1913.

*L'Adieu*

*J'ai cueilli ce brin de bruyère*

*L'automne est morte souviens-t'en*

*Nous ne nous verrons plus sur terre*

*Odeur du temps brin de bruyère*

*Et souviens-toi que je t'attends*

Lời vĩnh biệt, Bùi Giáng (1925-1998) dịch:

*Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo*

*Em nhớ cho, mùa thu đã chết rồi*

*Chúng ta sẽ không tao phùng được nữa*

*Mộng trùng lai không có ở trên đời*

*Hương thời gian mùi thạch thảo bốc hơi*

*Và nhớ nhé ta đợi chờ em đó...*

(Trích *Đi vào cõi thơ*, Bùi Giáng, trang 80-82, Nhà xuất bản Ca Dao, Saigon, Việt Nam, 1969).

Cũng dựa trên ý thơ của bài thơ nói trên, năm 1965, Phạm Duy viết bài *Mùa thu chết* mở đầu bằng hai câu:

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo*

*Em nhớ cho: Mùa Thu đã chết rồi!*

Bùi Giáng thì dịch "hái nhành lá" còn Phạm Duy thì viết "ngắt cụm hoa". Đây là khởi đầu của những suy diễn sai lầm của nhiều người viết về hoa thạch thảo.

*Ngắt cụm hoa* trong lời nhạc của Phạm Duy gợi hình ảnh một "cây thân thảo", hình ảnh người ngắt cụm hoa là hình ảnh một người cúi xuống một bụi hoa.

*Hái nhành lá cây* trong câu thơ dịch của Bùi Giáng gợi hình ảnh một cây "hoa thân mộc" cao vừa tầm hái.

1. Những cây không phải là Hoa Thạch Thảo nhưng bị ngộ nhận:



Việc ngộ nhận hoa thạch thảo của người đọc bài thơ dịch và lời bài hát này có nguyên do từ tên gọi tiếng Việt, một sự đồng hóa, lồng ghép khiến cường của chữ nghĩa do tên gọi giống nhau.

a. Ngoài Bắc, người ta gọi Cúc cánh mối (vì hoa mỏng nhẹ như cánh mối) là thạch thảo, cúc thạch thảo nên nhiều người cứ thần nhiên coi cây hoa thạch thảo trong bài thơ nói trên là cây cúc cánh mối.

Cúc cánh mối có nguồn gốc châu Âu châu Á, là cây thân thảo, sống nhiều năm nhờ có thân rễ mọc bò dưới đất; thân cao 15 – 50cm, đơn hay phân nhánh ít ở ngọn; lá dài, thuôn hình giáo tù, hơi có lông mịn, nguyên, các lá ở thân không có cuống; cụm hoa hình đầu đơn độc ở ngọn các nhánh; vòng hoa đều dài, cánh môi thuôn hẹp, thẳng màu lam tím; các hoa ở ngoài hình lưỡi, màu lam tím, dài 1cm; hoa giữa hình ống hẹp màu vàng, xếp sát nhau; hoa thường màu tím nhạt; quả bế có mào lông mịn màu vàng.

Cúc cánh mối, tên *Aster amellus L*, hay còn gọi là cúc thạch thảo, là một loài thuộc chi Cúc sao (*Aster*) thuộc về họ Cúc (*Asteraceae*); tên tiếng Anh *European Michaelmas Daisy*, tiếng Pháp *Oeil de Christ*.

Như vậy, có thể nói ngay Cúc cánh mối không phải là cây hoa thạch thảo mà Appolinaire gọi là bruyère. Sự nhầm lẫn bắt nguồn từ việc trùng tên theo cách gọi của người miền Bắc Việt Nam mà thôi.

Rất nhiều bài viết trên mạng internet về hoa thạch thảo kể một câu chuyện tình lãng mạn của đôi thanh niên nam nữ có tên hân hoi. Có thể đó là một câu chuyện bịa như hầu hết truyền thuyết, cố ý tạo một câu chuyện đầy kịch tính rồi gán ghép vào xuất xứ tên gọi một loài hoa. “*Ami và Edible thường hay cùng nhau vào rừng. Ami hái nấm còn Edible săn thú. Rồi, Edible vượn người ra vách đá dựng hái hoa thạch thảo cho Ami. Edible sẩy chân rơi xuống vực chỉ kịp nói xin đừng quên tôi*”. Kèm theo các bài viết ấy đều có hình chụp Cúc cánh mối để minh họa.

Bắt đầu từ đây, những bài viết đó kéo thêm những ngộ nhận tiếp theo “*Ban đầu họ đặt tên cho nó là Forget me not, sau nhiều năm và được trồng ở nhiều nước nó lại có những cái tên khác nhau như Muget De Mai (Pháp), Thạch Thảo (Việt Nam)...*

b. Thực ra, loài hoa có tên forget me not chính là loại hoa năm cánh mà tiếng Việt gọi là Hoa Lưu Ly. Trong một số ngôn ngữ, tên của hoa lưu ly được gọi là hoa “xin đừng quên tôi”. Tên tiếng Anh “*Forget me not*” được mượn từ tên tiếng Pháp là “*Ne m’oubliez pas*” và được dùng lần đầu tiên vào khoảng năm 1532.

Có khoảng 50 loài lưu ly trong chi này, và chúng khác biệt nhau một cách đáng kể. Tuy nhiên, một lượng lớn các loài có chung các đặc điểm được miêu tả như hoa màu lam tím nhỏ (đường kính 1cm) với 5 cánh hoa mọc dày đặc trên các thân cây bò lan um tùm, ra hoa vào mùa xuân. Các loại màu sắc khác của hoa cũng không phải là bất thường trong chi này, với các dạng màu hồng hay trắng vẫn có thể tồn tại. Chúng hay được trồng trong vườn và các giống

trồng thường có hoa với màu sắc hỗn tạp. Các loài lưu ly có thể là cây một năm hoặc cây lâu năm. Hệ thống bộ rễ của chúng nói chung là rễ chùm. Hạt của chúng được tìm thấy trong các quả, dạng quả đậu nhỏ, hình tulip dọc theo thân tới hoa. Quả đậu bám vào quần áo khi va chạm phải chúng và cuối cùng rơi xuống đất, giải phóng các hạt nhỏ để chúng có thể nảy mầm ở mọi nơi.

Họ (*familia*) : Boraginaceae  
Phân họ (*subfamilia*) : Boraginoideae  
Chi (*genus*) : Myosotis

Đây chỉ là sự gán ghép tên gọi. Dựa vào lời của người bạn trai nói với bạn gái khi rơi xuống vực trong câu chuyện thương tâm nói trên để cho rằng hoa thạch thảo còn có tên gọi là forget me not thể hiện một sự nhầm lẫn.

c. Thêm một loài hoa được kéo vào đây để tung hỏa mù làm người đọc không biết đầu mà lẫn là *Muget De Mai (Pháp)*,

Hoa này có tên là Hoa Linh Lan, trong tiếng Anh còn được gọi là *Our Lady's tears* (Nước mắt của Mẹ). Các tên gọi khác trong tiếng Anh là May Lily (huệ tháng Năm), May Bells (hoa chuông tháng Năm), Lily Constancy (huệ chung thủy), Ladder-to-Heaven (thang tới thiên đường), Male Lily.

Theo truyền thống, hoa linh lan được bán tại Pháp trên các đường phố vào ngày 1 tháng 5. Kể từ năm 1982, hoa linh lan là quốc hoa của Phần Lan

Bộ (*ordo*) : Asparagales  
Họ (*familia*) : Rusceae  
Chi (*genus*) : Convallaria  
Loài (*species*) : C. majalis

Linh lan hay lan chuông (danh pháp khoa học: *Convallaria majalis, L.*) là loài duy nhất trong chi *Convallaria* thuộc một họ thực vật có hoa là họ Rusceae. Nó có nguồn gốc trong khu vực ôn đới của Bắc bán cầu tại châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ. Nó là một loài cây thân thảo sống lâu năm có khả năng tạo thành các cụm dày đặc nhờ loang rộng theo các rễ ngầm dưới mặt đất gọi là thân rễ. Các thân rễ này tạo ra rất nhiều chồi mỗi mùa xuân. Thân cây cao tới 15–30cm, với hai lá dài 10–25cm và cành hoa bao gồm 5-15 hoa trên đỉnh ngọn thân cây. Hoa có màu trắng (ít khi hồng), hình chuông, đường kính 5–10mm, có mùi thơm ngọt; nở hoa về cuối mùa xuân. Quả của nó là loại quả mọng màu đỏ, nhỏ với đường kính 5–7mm. Nó là một loại cây cảnh trồng phổ biến trong vườn vì các hoa có mùi thơm của nó.

Kết 1: Cúc cánh mối (*Aster amellus L*), forget me not hay còn gọi là hoa lưu ly (*Myosotis*), linh lan hay lan chuông (*Convallaria majalis, L.*), cả ba loài đều không phải là Cây Hoa Thạch Thảo trong bài thơ của Appolinaire.

## 2. Hoa Thạch Thảo là cây gì?

Guillaume Apollinaire làm bài thơ *L'Adieu* sau khi đi thăm mộ Léopoldine con gái của Victor Hugo vào ngày 16 tháng 9 năm 1913. Bài thơ được viết lên một phần là để tưởng nhớ Victor Hugo, một phần là tiếc thương người bạc mệnh.

Câu đầu:

*J'ai cueilli ce brin de bruyère,  
được Bùi Giáng dịch rất sát:  
Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo,*

Brin de bruyère là nhánh, cành, nhành cây thạch thảo. Có lẽ Bùi Giáng cũng không biết cây thạch thảo ra sao, nên cứ bảm vô chữ mà dịch cho chắc ăn. Mấy câu dưới ý tứ thoáng hơn nên có thể dịch thoát cũng được. Còn Phạm Duy phổ nhạc nên lại càng thoáng hơn một chút nữa. Cành lá hay cụm hoa cũng được, có hoa hay chỉ trơ cành cũng chẳng sao, thì cứ chữ gì động được đến tầng vi tế rung động của con tim là phổ. Phạm Duy có biệt tài phổ nhạc, ý nhạc nâng ý thơ, nên những bài thơ ông phổ hầu như tất cả đều nổi tiếng và đôi khi làm những nhà thơ vô danh cũng nổi tiếng theo.

Điều chính yếu của bài viết này là tìm ra đúng cây Hoa Thạch Thảo mà Apollinaire đã từng hái nhành hoa và đặt lên mộ Léopoldine vào ngày cuối thu (16/9).

Cây Hoa thạch thảo có

Tên Hoa: 紅方柏 (hồng phương bách),

石楠 (thạch nam)

Tên Anh : heather

Tên Pháp: bruyère

Thuộc Họ Đỗ Quyên (Ericaceae)

Tất cả các loại thạch thảo đều trong họ Ericaceae, có một loài hoa thạch thảo duy nhất thuộc Chi Calluna, ngoài ra là Chi Erica. Dưới đây là một số loài thuộc Chi Erica trong hàng vài trăm loài khác nhau trên thế giới. Loài Calluna vulgaris là loài thạch thảo thật sự (true heather), loài cây nhỏ, có hoa nhỏ hình chuông màu tím, hay hồng nhạt.

Chi Erica gồm nhiều loài khác nhau từ loài cây nhỏ mọc từng bụi nhỏ hoặc có thể là cây lớn.

- Erica arborea, cây nhỏ ở vùng Địa Trung Hải có chùm hoa trắng hình chùy, thơm và có rễ cứng như gỗ được dùng để làm ống điếu hút.

- Erica carnea, là loại cây hoa nhỏ mùa đông hay mùa xuân, ở châu Âu, có hoa hình chuông màu đỏ hay hồng; phân bố ở vùng núi Alpes

- E. cinerea: loại thạch thảo có lá nhỏ, hoa hình chuông màu đỏ tím từ Tây Âu cho đến Đan Mạch.

- Erica ciliaris phân bố ở phía Tây nước Pháp, nước Anh, bán đảo Ibérique và Bắc Maroc.

- E. tetralix, bellheather, cross-leaved heath là loại cây nhỏ lùn có hoa màu hồng ở Tây Âu

- E. vagans hay còn gọi là Cornish heath là loại thạch thảo mọc cả bụi có hoa màu hồng hay trắng thường thấy ở cánh đồng hoang tại Cornish và đông nam châu Âu.

- E. lusitanica mọc rậm rạp có hoa trắng hồng phân bố ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha và ở vùng bán đảo Ibérique.

- E. perspicua hay Prince of Wales heath mọc rất nhiều ở nước Anh và Nam châu Phi, có hoa màu trắng; hoa dài và trông tựa như chùm lông của huy hiệu trên

Coat of Arms của Hoàng tử xứ Wales- Anh Quốc, nên mang tên Prince-of-Wales heath

- Erica mammosa là loại Erica có nhiều màu nhất từ màu trắng, tím, cam đến màu đỏ. Hoa chuông đặc biệt dài hơn các loại Erica khác

Có thể kể thêm một số loài:

Erica australis phân bố ở Bắc Maroc; Erica ciliaris ở phía Tây nước Pháp và ở nước Anh; Erica cinerea, Erica erigena, Erica mackaiana, Erica manipuliflora, Erica multiflora, Erica scoparia, Erica sicula, Erica terminalis, Erica tetralix, Erica umbellata,

Những loài này phân bố cùng khắp nên ở đây chỉ đề ý đến những loài cư trú trong vùng Normandi là bờ biển phía Tây của nước Pháp và phân bố rộng rãi ở nước Anh. Sau khi đã nghiên cứu, phân loại và loại suy cùng đối chiếu với hình ảnh hoa thạch thảo trong văn chương, văn bản, người viết đi đến kết luận:

*Kết 2: Loài Calluna vulgaris là loài thạch thảo thật sự (true heather), loại cây nhỏ, có hoa nhỏ hình chuông màu tím, hay hồng nhạt chính là Cây Hoa Thạch Thảo mà người viết muốn tìm.*

Loài hoa này gốc ở châu Âu, nhờ mấy nhà thơ, nhà văn nên nó mới thành hoa kiểng, chứ trước kia thế kỷ 17-19 nó là hoa dại. Ở miền Bắc nước Anh cây hoa thạch thảo này mọc đầy đồng, giống như cỏ tranh ở Việt Nam. Dân Scotland lấy thân của nó bện lại làm chổi, hoặc lợp mái, ken vách và nhiều công dụng thực tế khác hơn là làm kiểng. Bây giờ di cư sang châu Mỹ nó thành Cô Bé Thị Thành đồng đánh ở trong các tiệm bán hoa, chứ ngày xưa nàng gốc nhà quê rất.

Ai từng đọc qua truyện Đỉnh Gió Hú (*Wuthering Heights*) của Emily Bronte chắc cũng nhớ đến những cánh đồng hoang (moors) mọc đầy hoa thạch thảo (heather), và tiếng hót líu lo của những con chim chiến chiến (moor-lark). Hoa thạch thảo là loài hoa mà chính tác giả, Emily Bronte, yêu thích, nàng đã nhiều lần đưa nó vào truyện và thơ của mình<sup>1</sup>.

Hành trình đi tìm *Nhành Hoa Thạch Thảo* khởi đi từ những ngộ nhận về một loài hoa đã đi vào văn thơ của thế giới và thơ nhạc Việt Nam. Người ta thường muốn biết chân dung thật sự người trần mắt thịt của một Nàng Thơ là như thế nào. Vì thế mới có Ngô Vũ Bích Diễm của *Diễm xưa*, có Ngô Vũ Dao Ánh của *Thư Tình Gửi Một Người*, Minh Đức Hoài Trinh của *Đừng Bỏ Em Một Mình*, Khánh Ngọc của *Nửa Hồn Thương Đau*....

*Nhành Hoa Thạch Thảo cũng là một Nhành Thơ trong tâm hồn của nhiều người Việt.*

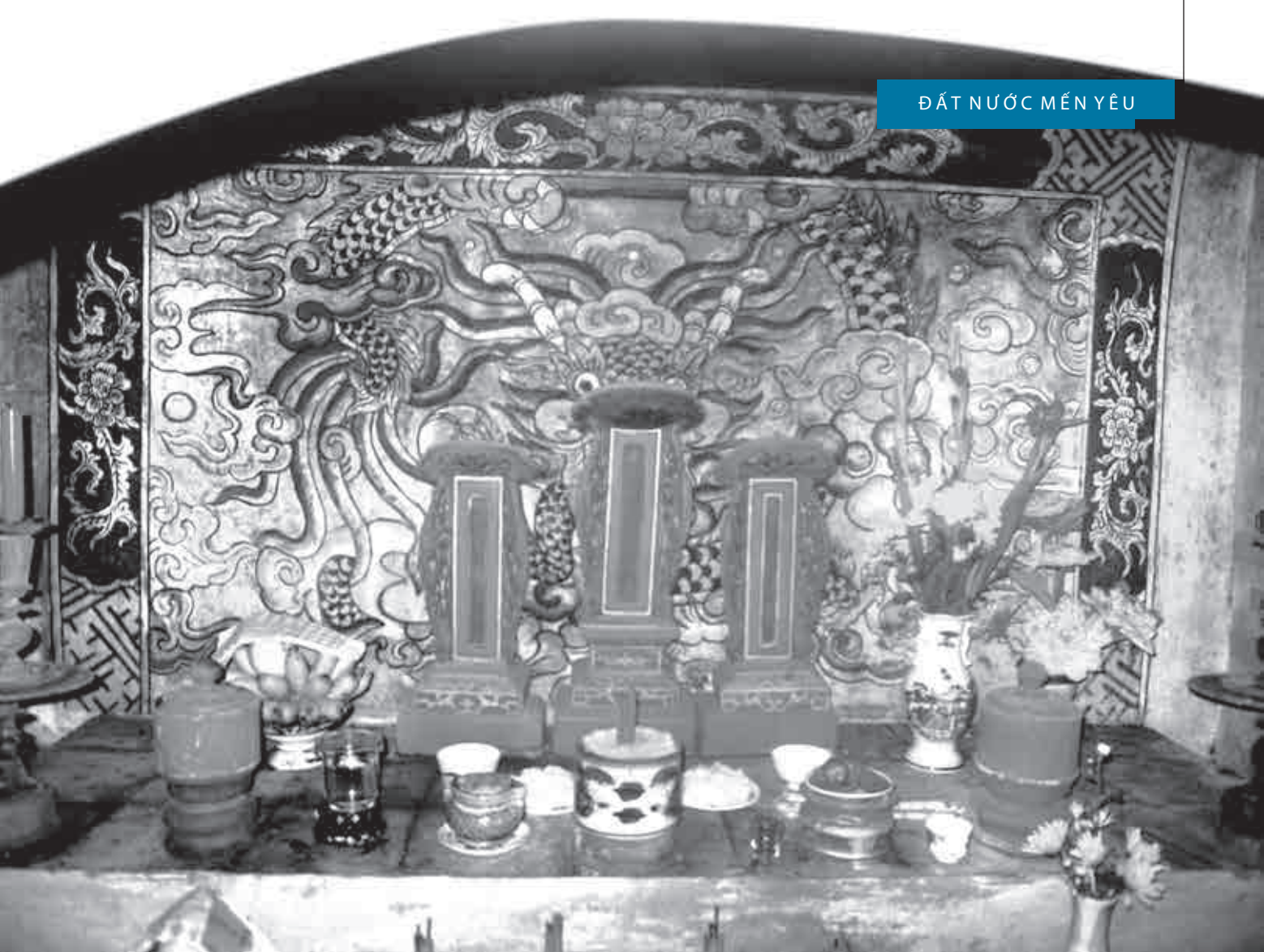
*Chân dung Nàng đã hiển lộ nhưng nét duyên của Nàng không bao giờ phai mờ.*

Ồi ngát hương thời gian mùi thạch thảo,

Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em... ■

**Trích:**

1. Một đoạn ngắn trong bài *Hoa tương tư* của Lê Phạm Trung Dung.



# Am Xóm

## đốm sáng tâm linh

Bài & ảnh: NHỤY NGUYỄN

**Đ**i qua nhiều vùng quê, đến nay ta vẫn thường gặp những ngôi đền và đình làng còn nguyên sơ cổ kính. Ở một góc xã hội nhất định, khi giá trị đạo đức xuống cấp thì văn hóa tâm linh luôn có tính chất tươi mát dòng đời. Tôi may mắn là lúc rời quê lên phố, chỗ trú ngụ vẫn thấp thoáng bóng dáng của một vùng quê thuần Việt; đình không có, nhưng am Xóm tại đây còn bề thế hơn đền làng nơi tôi sinh ra.

Đền làng quê tôi chính là chỗ hội hè vào mỗi dịp xuân về. Từ người già đến trẻ nhỏ, vào thời điểm cận tết cho đến hết những ngày mồng... mọi người đều đua nhau tụ về sân đình vui hội với đủ trò dân gian như đánh đu, ném còn, tôm cua bầu cá... Am Xóm ở An Tây trước cũng là một nơi như vậy; nhưng càng về sau, những trò chơi dân gian mất sức hấp dẫn, về tụ họp ở sân am chỉ còn các bậc trung niên trở lên. Bên ấm trà hay chén rượu suông, họ có dịp ôn lại niềm vui nỗi buồn sau một năm lo toan cuộc sống.

An Tây là phường mới lập, vốn được tách ra từ xã Thủy An cũ (cùng với An Đông). Một đơn vị hành chính mới lập vinh hạnh được “sở hữu” nhiều giá trị văn hóa lịch sử hiếm có như chùa Thuyền Tôn, chùa Tra Am, Khu tượng đài Quang Trung, Khu di tích lịch sử Chín Hầm và Trung tâm Văn hóa Huyền Trân, khu mộ dòng họ Nguyễn Khoa, lăng Cụ Kinh Tế, lăng các công chúa, quan lại, hệ thống mộ Tàu, Am Xóm...

Nghe tên am Xóm chắc không ai nghĩ am lại lớn đến vậy. Ở Huế, am thường được dựng lên làm nơi trú ngụ cho những âm hồn bơ vơ không nơi nương tựa. Phải chăng nó là chốn ở chung cho tất cả những người tử nạn chẳng may chết trên đất xóm? Không hẳn. Am Xóm An Tây thực ra có quy mô như một ngôi đền. Từ ngoài vào, trước là hồ nước sắp bằng đá (nay được dựng thêm hòn non bộ lớn ở giữa và xây thêm thành), tiếp đến là sân rộng, tiếp nữa là “trung điện” với bốn bài vị thờ các thị vệ của Thần. Sau hết mới là “điện” thờ Mẫu. Am trước là điểm tâm linh chính của cả làng An Cựu, nay làng phân ra nhiều xóm. “Tín đồ” của am giảm nhiều song vào dịp lễ chính thường vẫn về khá đông đủ.

#### **Am Xóm nhìn từ ngoài vào**

Tôi đến am Xóm nhiều lần. Một khuôn viên rộng, xanh mát với nhiều loại cây cối thuộc hàng cổ thụ. Con đường dẫn tới am hiện còn quanh co nhỏ hẹp, nhiều đoạn phải bỏ lại xe mà cước bộ. Năm vừa rồi xóm có vận động dân làng đóng góp làm đường nhưng chưa đủ kinh phí. Ai đầu tiên đến sẽ hết sức ngạc nhiên. Đây chính là chốn yên bình mà người ta có thể thả hồn theo mây gió. Thoáng đặng mà thâm nghiêm. Dòng trích lục đã mất. Các cụ áng chừng am Xóm đã tồn tại trên hai trăm năm, do ngài khai canh làng lập nên (chứ không phải dân lập thờ ai). Hỏi ông trưởng xóm thì được biết am thờ Bà Thánh Mẫu như ở điện Hòn Chén. Hay là nơi thờ một Bà nào đó liên quan mật thiết đến Thiên Tiên Thánh giáo? Tuy nhiên, ở bài vị ghi: “*Tả ban công tử chư vị/Hữu ban công tử chư vị*”; và hai vị (không ghi tên tuổi) được phong thần: “*Hữu vị tướng tiến phụ quốc cấm y vệ*” và “*Tả vị y cựu đại tướng quân*”.

Trên thực tế, với người dân nơi đây, việc am thờ ai không quan trọng lắm. Họ chỉ biết rằng am Xóm rất linh. Ngoại trừ người xa lạ, kẻ “làm liều” hay bọn thanh niên choai choai chưa đủ tâm suy nghĩ, còn lại đều đến am bằng những bước chân nhẹ nhàng và với niềm kính trọng. Chẳng ai tự dưng mà vác rựa chặt một nhánh cây ở trong khu vực am. Anh hàng xóm từng kể với tôi, hồi còn nhỏ anh rử một đứa bạn tới bắn chim. Thấy một con to như gà choai ở trong hàng rào cách vài mét, cả hai tranh nhau dùng ná bắn mãi mà tuyệt chẳng trúng phát nào; nó cũng chẳng lui mất hay bay đi, cứ đứng đực ra đó. Về nhà kể lại bị cha mẹ mắng té tát, bảo nếu còn bắn chim ở am Xóm nữa thì liệu thần hồn! Người dân thường gọi am là “Ngài”; có gì thì lên

khấn nguyện, thỉnh Ngài dạy bảo chở che... Suy cho cùng, đây cũng là một phần thuộc tín ngưỡng của người Việt. Nếu trong tâm thức ai đó không tồn tại một vị thần, không tồn tại một bậc siêu nhiên, biết đâu họ sẽ vung tay quá trán?

#### **Bài vị trong am Xóm**

Cũng như ở nhiều đình làng được ban sắc phong và những hoành phi từ nhà nước phong kiến, am Xóm được vua Nguyễn ban bức hoành bốn chữ “Phong Đôn Tục Mỹ” thếp vàng. Dăm năm trước nó đã có lần bị đánh cắp. Chẳng lâu sau, kẻ trộm, có lẽ bị Ngài “trách phạt”..., đêm hôm đã lén lút bày lễ trước cửa am thắp hương khấn vái, tạ lỗi và trả lại bức hoành mà y đã [l]ấy cắp vàng. Đây là sự thật hiển nhiên, người đứng tuổi nào trong xóm cũng thừa nhận.

Hàng năm xóm tổ chức cúng am hai lần, một vào tháng Hai, Xuân kỳ, và một vào tháng Tám, Thu tế. Các xóm cùng chung lễ gồm: xóm Hành, xóm Gióng, Tứ Tây, Ngũ Tây, và một số người ở An Lăng (An Cựu). Mỗi lần cúng như vậy sẽ có một người đứng ra lo toàn bộ chi phí (giá bây giờ cũng trên chục triệu); sau đó người trong xóm cúng vào, tiền đó sẽ đưa lại cho người đứng lo lễ; nhiều nhất là bù được một nửa. Mỗi người là chủ hộ trong một đời người chỉ lo một lần. Cho đến bây giờ số người tự nguyện đăng ký lo lễ nói đến năm 2015 mới hết (và sẽ tiếp tục có những người khác đăng ký, “xếp hàng” chờ). Nhiều người dẫu tóc đã bạc, biết đời mình không thể lo lễ, bèn tới am xin trước xóm cho đóng số tiền từ một phần tư đến phân nửa, cũng được chấp thuận xem như xong phận sự.

Lễ khó nhất là phải mua cho được ba con heo đen tuyền. Điều này không bắt buộc; song đã thành lệ, vì họ ngại nếu năm nào đó cúng heo trắng nhớ ra trong xóm có chuyện (dẫu chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên)..., nên ai cũng ngại ngần. Xét cho cùng điều này hơi mê tín; có lẽ nên thay đổi cho tiện. Với lại không nhất thiết phải giết heo mổ bò, vừa tốn kém vừa mang sát nghiệp. Theo quan điểm Phật giáo, thật khó chấp nhận việc không tốt là lúc ta giết những sinh mạng như heo, bò (làm vật cúng) mà lại muốn cầu xin một điều tốt đẹp cho mình. Ở trong xóm cũng có gia đình là Phật tử muốn lo lễ và yêu cầu được cúng chay, đã không được xóm đồng tình.

Dịp Tết, xóm cũng duy trì lễ thượng và hạ nêu. Lễ hạ nêu theo theo lệ xưa là ngày cuối cùng của Tết Nguyên đán, được định kỳ vào mùng bảy Tết hàng năm tại am Xóm. Lễ bày biện khá tươm tất. Các ông các cụ đều khăn đóng áo dài, trước lúc vào lễ thì cùng trải chiếu ngồi uống trà trên thêm am, chuyện trong thôn ngoài xóm đều được “thông qua” rôm rả, tạo nên nét đẹp vốn có nay nhiều làng đã mai một. Có một việc khá quan trọng nữa là người đứng ra lo lễ, đêm trước phải đến am để được các cụ trong ban điều hành “tập dượt” cách lễ lạ cho đúng với nghi thức xưa nay. Cách mấy

năm trước, người lo lẽ do điều kiện khá giả nên thuê cả phường chầu văn có nghề về hát xướng. Đêm đó thanh niên trai gái nhân dịp kéo về thỏa thuê vui vẻ mà không ngại bị Ngài trách phạt.

### Am Xóm nằm giữa lùm cây quý hiếm

Am Xóm nằm giữa lùm cây hơn hai mẫu đất. Xưa lùm có vô số cổ thụ, thời Pháp bị đốn hạ để chúng làm trại lính (như trại An Cựu, trại An Lăng, trại Trường Bia). Hiện nay nhiều cây thuộc hàng "chít chắt" vẫn to cao lừng lững. Cuối năm kia bị mất một cây sanh (ước giá mấy chục triệu) ngay phía sau am. Kẻ xấu đã thấp đèn đào trộm về đêm, vào lúc mưa lớn. Mất cũng khá lâu người dân xóm mới phát hiện. Xét về bản chất cũng như diện mạo, vị trí tọa lạc, phải khẳng định am Xóm là một di tích văn hóa rất quý. Việc mất cắp hiện vật ở trong am, cũng như cây cảnh cổ thụ bên ngoài bị bứng đã đặt ra vấn đề phải giữ nguyên trạng toàn thể khuôn viên am (gồm cả đất đai, cây cối...). Việc này nhất thiết phải có sự giúp đỡ của các cơ quan văn hóa liên ngành chứ không đơn thuần phó thác hẳn cho xóm được.

Am Xóm An Tây là một địa chỉ tâm linh độc sáng của cả phường và một số con dân lân cận vào dịp Tết, lễ Xuân kỳ, Thu tế, lễ cúng đầu năm. Trong mỗi dịp lễ trọng như vậy, tình cảm xóm giềng, dòng họ thêm gắn kết vững bền. Tôi bỗng nhớ năm đầu đến ngụ cư nơi đây, buổi ấy chùng chập choạng chợt nghe tiếng phèng la từ đầu xóm. Người đàn ông ấy còn vác phèng la qua ngõ đánh rền vang mà không ai chạy ra, đến chó cũng chẳng buồn sủa. Hỏi mới

biết đó là thông tin báo hiệu xóm sắp chuẩn bị cúng lễ ở am, đánh phèng la cho khí thế, hơn thế để nhà nhà chuẩn bị tinh thần góp "chút chút" vào việc chung mà người ta vẫn gọi là "Việc Ông Trên". ■



## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

<b>Một độc giả</b>	: 50 cuốn/kỳ
<b>Ô. Vũ Châm</b> , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
<b>Ô. Phạm Văn Nga</b>	: 40 cuốn/kỳ
<b>Bà Huỳnh Kim Lưu</b>	: 30 cuốn/kỳ
<b>Nhà hàng Tib</b> , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
<b>PT Chánh An &amp; Chơn Hòa</b>	: 14 cuốn/kỳ
<b>Cư sĩ Lương Trung Hiếu</b>	: 12 cuốn/kỳ
<b>Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải</b> , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
<b>Cò Nga</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA)</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>Ô. Văn Cát Tiên</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>Ô. Huỳnh Văn Lộc</b> , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
<b>Tác giả Miền Ngọc</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>Nhà sách Thái Hà</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>Bà Lương Thị Ngọc Hạnh</b> , Q. 5	
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
<b>Ô. Trần Quốc Định</b>	: 10 cuốn/kỳ
<b>Bà Lý Thu Linh</b>	: 9 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Diệu Định</b>	: 8 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Nguyễn Thị Hoa</b>	: 7 cuốn/kỳ
<b>Cò Cẩm Hà (USA)</b>	: 6 cuốn/kỳ
<b>Hồng Phúc &amp; Xuân An</b>	: 6 cuốn/kỳ
<b>Ô. Võ Ngọc Khôi</b>	: 6 cuốn/kỳ
<b>Bà Tôn Nữ Thị Mai</b> , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

<b>Ô. Nguyễn Mạnh Hùng</b> , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
<b>Cửa hàng Tâm Thuận</b>	: 5 cuốn/kỳ
<b>Cò Tú Oanh</b> , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
<b>Ô/Bà Nguyễn Văn Bản</b> , USA	: 5 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Trương Trọng Lợi</b>	: 5 cuốn/kỳ
<b>Ô. Lê Xuân Triều</b> , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
<b>Cò Nguyễn Kim Sơn</b> , Q. 2	: 5 cuốn/kỳ
<b>Cò Nguyễn Thị Ngọc</b> , Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
<b>Lakinh.com</b>	: 5 cuốn/kỳ
<b>Cò Nguyễn Hòa</b>	: 4 cuốn/kỳ
<b>Bà Trần Thị Bích Trâm</b>	: 3 cuốn/kỳ
<b>Bà Lê Tự Phương Thúy</b>	: 3 cuốn/kỳ
<b>Bà Lê Thị Thu Thanh</b>	: 3 cuốn/kỳ
<b>Bà Phạm Thị Kim Anh</b>	: 3 cuốn/kỳ
<b>Châu Thiên An</b>	: 3 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Diệu Ân</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>BBT www.thuongchieu.net</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>Chị Tuyền</b> , CT TNHH Cơ khí <b>Mê Linh</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>Bà Kim Anh</b> , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Từ Minh</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>BBT Viện khongtu.com</b> CT TNHH SXTM	: 2 cuốn/kỳ

<b>Nén Hạnh Phúc</b> , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
<b>Cò Nguyễn Cao Nguyệt Ánh</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>CTy TNHH Thép Thiên Tâm</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Thiện Thành</b> , Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
<b>Ô. Lê Hưng Khanh</b> , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
<b>Nguyễn Dũng</b>	: 2 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Quảng Mỹ</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Cò Diệp Anh và Chị Ngân</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Cò Kim</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Chánh Hiếu Trung</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Phật tử Bùi Quang Việt</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Thầy Hạnh Thông</b> , TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
<b>CTy Dược phẩm Phúc Thiện</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Chị Kiều Oanh</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>PT. Nguyễn Thuận</b> (namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
<b>Cò Châu</b>	: 1 cuốn/kỳ
<b>Tổng số báo tặng kỳ này:</b>	<b>439 cuốn</b>
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: <b>Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.</b>	
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhpq@gmail.com	
<b>Ban Biên tập</b>	

# Cà phê chân cầu Tuần

Cũng như nhiều người dân thành phố Huế, tôi thường đi bộ sáng sớm, và con đường quen thuộc của tôi là đường đi bộ ven bờ sông Hương. Sau đó, cùng với những người quen, tôi vào quán cà phê lộ thiên, bàn ghế nhựa, giá bình dân. Thế mà thú vị vì ngồi giữa trời, bên cây xanh, không khí ban mai tốt lành, và nhất là nhìn lãng đãng sông Hương từ khi sương nhẹ phủ lên dòng sông cho đến lúc mặt trời vừa lên, sương tan, dòng sông trôi nhẹ.

Quán cà phê này được hưởng lộc trời từ sông Hương, và biết đâu có quán cà phê nơi khác ven sông cũng thú vị như vậy? Tôi vừa đặt câu hỏi như thế thì có người quen cho biết, quán cà phê dưới chân cầu Tuần cũng thật tuyệt, ngắm cảnh thích lắm. Địa danh Tuần của ngày xưa là nơi khám xét và thu thuế các sản vật từ miền núi về miền xuôi. Ngày nay, Tuần không còn xa lạ với mọi người, đặc biệt nơi đây tọa lạc tượng đài Quán Thế Âm trên núi Tứ Tượng (xây dựng từ năm 1969) mà theo dân gian lưu truyền Ngài đã hiển linh cứu khổ cứu nạn trong giai đoạn chiến tranh khốc liệt vừa qua, và nơi thiêng liêng này bây giờ đã được tôn trí thành một thắng tích có tầm cỡ quốc gia.

Vậy thì về Tuần, uống cà phê chân cầu, xem cảnh quan thượng nguồn sông Hương, và từ đó, bạn có thể đi thăm những thắng tích và những ngôi chùa không xa, chắc là không uống công để đi mười lăm cây số; và

chẳng đường đi khá tốt, ẩn hiện trong màu xanh rừng cây là những di tích hoặc công trình rất đẹp. Từ Huế, lên đèo Nam Giao, rẽ qua đường Minh Mạng, qua khỏi cầu Lim, bạn đi theo một trong hai đường. Một đường ven sông, qua lăng Thiệu Trị trầm mặc, qua chùa Đức Sơn nổi tiếng là ngôi chùa nuôi trẻ cô nhi, rồi chạy ven dãy đồi bạt ngàn thông và trà hoa vàng. Một đường khác đi lên đồi núi, xa hơn một chút nhưng cảnh quan ngoạn mục hơn, với những kiến trúc nhà rường, những cánh rừng thông bát ngát, đặc biệt qua lăng Khải Định nổi tiếng với kiến trúc cách tân pha nét châu Âu.

Quán cà phê rộng rãi, có bàn để trong nhà và bàn để ngoài trời, dưới bóng cây. Chúng tôi cho đưa bàn ghế ra xa về phía sông để tầm mắt được thoáng hơn. Cà phê thì vẫn bình dân, mà chế phin đàng hoàng và khá ngon, có lẽ giá cà phê rẻ theo mặt bằng chung của nông thôn so với thành thị. Nhưng điều quý nhất là vị trí của quán cà phê. Quán nằm bên chân cầu Tuần, một cây cầu dài qua sông Hương, khánh thành vào năm 2003, nằm trên đường huyết mạch Quốc lộ 1A, trên đường tránh Huế, nối liền Tuần với phía bên kia là Hiếu Lăng (lăng vua Minh Mạng), xa xa là núi Kim Phụng. Dáng cầu đơn sơ, kiến trúc giản dị. Đứng trên cầu, du khách có thể nhìn bao quát dòng sông Hương: về phía hạ lưu, dòng sông uốn lượn, xuôi về điện Hòn Chén, đồi Vọng Cảnh, chùa Thiên Mụ... rồi về kinh thành...;



## CAO HUY HÓA

về phía thượng nguồn, du khách thấy rõ hợp lưu giữa hai dòng Tả Trạch và Hữu Trạch ở Ngã ba Bằng Lăng.

Ngay ở quán này, bạn vẫn thường thức được vẻ đẹp sông Hương phía thượng nguồn. Xa xa, về phía Tây cao xanh là dãy núi Thiên Thọ, và ngọn núi cao nhất trong dãy này xem như là tiền án của Thiên Thọ lăng (lăng vua Gia Long). Gần hơn là lăng mộ chúa Nguyễn Hoàng, ở làng La Khê, huyện Hương Trà. Điều lý thú là vị chúa Nguyễn đầu tiên này thiết thân với chùa khi nuôi chí lớn trong thiên hạ và sau khi an nghỉ ngàn thu: Mới vào trấn thủ đất Thuận Hóa và suy tính mở mang bờ cõi về phía Nam, chúa đã xây dựng chùa Thiên Mục năm 1601, và mãi xa về sau, khoảng năm 1953, một ngôi chùa nhỏ do một đệ tử của cố Hòa thượng Mật Nguyên<sup>1</sup>, tạo dựng bên bờ thượng nguồn sông Hương xa xôi, thanh vắng, và như một cơ duyên, chùa của thứ dân nằm gần với lăng chúa Nguyễn Hoàng (lăng Trường Cơ). Đến năm 1957, cố Hòa thượng Mật Nguyên đã khai sáng ngôi chùa và chùa có tên chính thức là Từ Hàng<sup>2</sup> cho đến ngày nay. Những vị chúa Nguyễn kế tục sự nghiệp mở mang bờ cõi đều có lăng mộ trong vùng đó, còn những vị vua triều Nguyễn trong giai đoạn thịnh trị của đất nước (các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị) đều nằm lại bên dòng sông Hương, bắt đầu từ những ngọn núi xa, những địa thế hùng vĩ, rồi xuôi về phía hạ lưu, với những lăng tẩm uy nghiêm mà nên thơ, hài hòa với thiên nhiên.

Tỉnh Thừa Thiên Huế có địa thế hẹp; từ Huế, bạn có thể, trong vòng một giờ, hoặc xuôi về vùng đầm phá, vùng biển, hoặc đi ngược dòng sông Hương lên miền núi. Về hướng nào thì chuyến đi cũng thú vị; tuy thế, khi bạn lên miền núi, lên phía đầu nguồn sông Hương, có vẻ như bạn trở về nguồn, trở về với thiên nhiên, xa lánh bụi phồn hoa, về với bản thể thanh tịnh. Trên nguồn, con nước vượt qua bao ghềnh thác, để rồi hội tụ và hình thành con sông thông dong, nên thơ, hòa nhịp với đời sống con người. Có lẽ thiên nhiên, sông hồ, cây cỏ, mây trời, gió núi đã quen thuộc với mình từ hồi nào, mà cuộc sống thường ngày nơi đô thị đã che lấp đi không gian đó. Dầu cho công trình của con người đã mọc lên khá nhiều trên miền núi này, nhưng may mắn màu xanh vẫn ngự trị, và thật duyên dáng với những nét chấm phá như con đò rẽ sóng trên dòng sông lững lờ, như chiếc thuyền nhỏ gác chèo ngủ trên bến vắng, như bến nước, như bờ tre, khóm chuối, hàng cau, như cành cây la đà trên nước...

Quán cà phê chân cầu Tuần là bao lơ trông ra cõi khoáng đạt, mà nếu bạn chỉ chí thú với đô thị quen thuộc, với sông Hương hàng ngày mình đi qua, thì bạn chẳng khám phá cái bình dị tốt cùng thân thương đó.

Tuy thế, rất nhiều người vẫn lo lắng cho dòng chảy của sông Hương, cho màu trong xanh quý giá, và sự an toàn hai bên bờ khi đây đó bờ bị xói lở và thời gian nước đục ngày càng nhiều, cũng như mức nước bị thấp xuống. Toàn cảnh thì đẹp như thế, mà thỉnh thoảng vẫn xuất hiện những chiếc ca-nô lằm lũi khai thác cát, tập kết cát lên bờ, chở cát về xuôi. Sự khai thác quá đáng khiến dư luận lo ngại; ngoài ra, nơi này nơi khác trong cả nước còn có những vấn nạn về thủy điện, về an toàn của đập và sự cạn kiệt của dòng sông. Thế giới đã báo động về trái đất nóng lên, nguồn nước vơi đi và môi trường sống ngày càng xấu, cho nên sông Hương còn lại được gì thì mọi người cố giữ lấy, và thêm màu xanh cây cỏ vì hạnh phúc của mọi người.

Với dịp thư giãn ở quán cà phê này, sông Hương giữa trời mây bao la, sông Hương với hai dòng hòa hợp để đi về xuôi, đã thâm nhập tâm hồn bạn. Trên đường về, chỉ đi một đoạn ngắn, bạn có thể ghé vào ngôi chùa Ni, chùa Khải Ân. Không gian tĩnh lặng, phía trước là dòng sông, phía sau là rừng thông, chùa đẹp thêm với cây ăn quả, cây cảnh và vườn rau. Nhẹ nhàng. Thanh thản. Không gian như thế phải chăng làm cho con người bạn tịnh tâm và thấy yêu cuộc sống hơn? ■

### Chú thích:

1. Vào lúc đó, Hòa thượng Mật Nguyên là Trị sự trưởng Sơn môn Tăng già Trung Việt (theo website *Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán*, mục Thiên môn xứ Huế).

2. Từ hàng: Thuyền từ; chư Phật, Bồ-tát lấy tâm từ bi cứu độ chúng sanh, giống như thuyền bè đưa người thoát ly biển khổ sanh tử. (Theo *Từ điển Phật học tinh tuyển*, Thích Nguyên Tâm, NXB Phương Đông, 2012)

# Như một hòn bi xanh

HOÀNG TÁ THÍCH

*Như một hòn bi xanh, trái đất này quay tròn...  
Đây em, có mỗi con tim, nhớ mang quê hương của mình.*  
(Trịnh Công Sơn)

Những ngày cuối năm, buổi sáng, trời Saigon thường trở lạnh. Nhưng buổi sáng hôm nay thì khác. Không những lạnh mà còn rất lạnh, cái lạnh rất bất thường làm cho tôi liên tưởng đến mùa thu của xứ Canada tạm dung của tôi phía bên kia địa cầu.

Về đây một thời gian, tôi đã quen với cái không khí lúc nào cũng ồn ào nóng bức của Saigon, không còn sợ những xuôi ngược vô trật tự của dòng xe cộ trên khắp

các đường phố. Và bây giờ thì tôi đã có thể chạy xe gắn máy một cách thông dong lui tới khắp nơi.

Sáng hôm nay lạnh thật lạnh. Trời không có gió, nhưng cái lạnh vẫn thấm vào trong cơ thể qua làn áo. Càng lạnh lại càng dễ cảm nhận được cái thú lang thang trên đường phố bằng xe gắn máy. Ở Canada không bao giờ được hưởng cái thú này.

Hình như ở Huế đang mưa gió. Càng ngày thời tiết càng thay đổi khắp nơi trên trái đất. Nghe nói năm nay Hà Nội rét đậm. Tôi đang nghĩ





về những mùa đông ở Huế ngày còn thơ ấu. Trời mưa liên miên không dứt ngày này qua ngày nọ đến nỗi người Huế có câu “Mưa thú vị đất” để nói về mưa Huế. Mưa nhiều quá làm Huế đã nghèo lại càng nghèo thêm vì mùa mưa, mọi sinh hoạt đều chậm hẳn lại. Không những mưa nhiều mà lụt lội cũng nhiều. Có những năm lụt lớn làm thiệt hại cho dân chúng không biết bao nhiêu mà kể. Không những thế, mùa đông cũng rét chẳng kém gì ngoài Bắc.

Tôi đã từng lớn lên và sống ở cái xứ muôn đời nghèo nàn này, dù Huế đã là một thời kinh đô của các bậc vua chúa. Vì thế mà thấy Huế lúc nào cũng gần gũi và dễ thương. Trời mưa nhưng vẫn có thể dùng chân trên cầu Tràng Tiền nhìn những giọt mưa điểm trên mặt nước lững lờ không gợn sóng.

Phía Bắc tỉnh Thừa Thiên còn nghèo và khổ hơn. Nhiều vùng đất ở đây còn được liệt vào danh sách những xứ “chó ăn đá gà ăn muối,” vì đất ruộng chẳng có là bao, phần lớn đất đai cằn cỗi. Mùa hè, gió Lào từ phía Tây bắc thổi qua, xuống tận Thừa Thiên, khô và nóng. Nóng đến mồ hôi chưa kịp chảy ra đã khô cả rồi.

Ngoài ra, nói chung đời sống khó khăn, người dân phải luôn luôn lao động vất vả để mong có đời sống tốt.

Canada thì khác nhiều lắm.

Cách đây rất lâu, lần đầu tiên tôi đặt chân lên xứ này đúng vào đầu mùa đông. Ban đêm cảnh tuyết rơi thật nên thơ, lãng mạn. Bầu trời trắng xóa. Những bông tuyết như những cánh hoa màu trắng từ trên không lững lờ rơi xuống. Nhìn tuyết đọng trên những cành thông không khác gì hình chụp trên những thiệp Giáng sinh. Tôi đã từng mơ ước có ngày nào đó đưa nhà tôi qua một lần cho biết tuyết rơi nên thơ như thế nào.

Về sau, khi qua định cư, ở hẳn cái xứ lạnh lẽo quanh năm này, thì mới thấy tuyết không phải lúc nào cũng đẹp, cũng nên thơ như thế.

Có những hôm bão tuyết làm tê liệt cả thành phố Montreal. Lái xe đã là vất vả, đỡ được xe bên đường là một kỳ công. Một lúc sau, muốn lấy xe ra lại phải cạo hết lớp tuyết phủ đầy xe. Trời thì rét căm căm, làm việc dưới bầu trời tuyết chẳng có thích thú gì. Lái xe ra được chỗ đỗ xe cũng khá nhiều khó khăn. Về đến nhà, muốn đỗ xe lại phải lấy xẻng thu dọn một chỗ bên lề đường cũng không phải dễ dàng gì.

Nói chuyện về tuyết, có lẽ hoài không hết. Ở chừng năm ba năm, càng thấy mệt mỏi hơn với tuyết, nhất là lúc đã lớn tuổi, bớt sức phần đầu với cái lạnh gần như quanh năm trên đất nước này. Lắm lúc tôi cũng đã có ý nghĩ muốn dời qua miền cực Tây, không khí ôn hòa hơn nhiều.

Trái lại, người dân Canada không bao giờ thấy họ phàn nàn với cái lạnh lẽo đó. Tuyết giá lạnh lẽo cũng là một đặc trưng của quê hương họ. Ở Mỹ, có những vùng đất năm nào cũng bị lốc xoáy tàn phá nhà cửa mùa màng. Chính phủ cũng khuyến cáo dân chúng

nên di dời qua vùng đất khác để tránh bớt thiên tai, nhưng vẫn có rất nhiều người không chịu xa rời nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Họ thiết kế những nơi trú ẩn để chống chọi với những cơn lốc dữ dội của ông trời. Đi qua vùng khác cũng là nước Mỹ, cũng là quê hương của người Mỹ, thế mà họ vẫn không muốn rời bỏ nơi đã được sinh ra và lớn lên, mới là lạ.

Người mình bây giờ ở khắp hành tinh. Có xứ quá lạnh lẽo như miền cực Bắc địa cầu. Cũng có nơi quanh năm nóng như nhiều vùng ở Texas, hoặc một vài nơi ở Úc. Dù sao cũng là xứ tạm dung, không thích hợp thì có thể đi qua vùng khác một cách dễ dàng. Vùng nào cũng là vùng tạm dung. Nơi nào cũng tương đối trù phú, đẹp đẽ. Nói chung, không có nơi nào là “chó ăn đá, gà ăn muối” như ở vài vùng Việt Nam, không có “nước mặn đồng chua” như ở xứ mình, vì đất tạm dung do mình có thể lựa chọn. Nhiều người Việt, sau một thời gian di tản qua Mỹ, lúc trở về thăm quê hương đã phải than: “xứ mình nóng quá, không chịu nổi” hoặc “ở đây sao mà bụi bặm quá, chịu không nổi”. Thực ra thì có lắm điều chịu không nổi hơn là nóng nẩy bụi bặm kia, nhưng đây đúng là quê hương mình.

Ở bất cứ nơi đâu được chọn làm xứ tạm dung trên thế giới, điều kiện có lẽ cũng tốt hơn ở Việt Nam bây giờ, nhưng phần đông người ta cũng muốn trở lại thăm viếng quê hương của mình. Tuy nhiên có những người một lần đã rời bỏ đất nước với những lý do làm cho họ không thể trở về quê hương cũ, không thể nào trách được.

Nghĩ cho cùng...

Không thể nào có một quê hương khác nơi chôn nhau cắt rốn của mình được. Những nơi tạm dung thì muôn đời vẫn là nơi tạm dung. Ngay cả với một số người Việt Nam được sinh ra trên xứ người, có thể kể như nơi đó là quê hương thứ hai của họ.

Đi trên phố nhà nhớ về một nơi chốn khác, chỉ là nghĩ đến một nơi chốn khác hẳn với phố nhà.

Đi trên phố người nhớ về xứ mình mới cảm thấy cái da diết của thiếu vắng nhớ thương hai chữ quê hương.

Vào một quán trong một con hẻm lụp xụp ăn một tô phở, có thể nói với nhau “Bây giờ khắp nơi trên thế giới, đâu đâu cũng có bán phở”.

Ở đâu đó trên quả đất, vào một tiệm bán phở thật sang trọng, ăn phở trong một cái bát to dùng như một cái thau, thật ê hề, nhưng sẽ chắc lưỡi “Rau thơm ở đây thật vô duyên, không làm sao như cái cọng rau bé tí của bên mình được”.

Lá vẫn rụng về cội. Một hôm nào đó bỗng nhiên nghĩ ra, ở một nơi xa xôi trên trái đất, cha mẹ ông bà mình đã sinh ra, rồi bằng khoáng nhưng nhớ một cái gì đó không thể nào giải thích được.

Bây giờ bước ra đường, ngay giữa phố, có thể bị giật túi xách bất cứ lúc nào, nhưng ở đây chính là quê hương. ■

# Sến Già Nam

ĐỖ HỒNG NGỌC

**T**hấy tôi đứng loay hoay tìm kiếm mãi trên các kệ đầy nhóc băng đĩa ngổn ngang, cô bé bán hàng đến gần hỏi:

- Bác muốn kiếm loại nào?

- Nhạc. Nhạc xưa.

Cô đọc vài cái tên gì đó...

- Không. Xưa hơn nữa kia. Chừng nửa thế kỷ trước. Có không?

- Bác chờ con lấy.

Một lúc, cô mang ra một cái... giỏ, đúng hơn là một cái rổ to, hình chữ nhật, chứa hàng ngàn đĩa CD, buộc dây thun từng cọc nói bác lựa đi.

Tôi giật mình thấy trên thành rổ dán mấy mảnh giấy viết tay bằng chữ in khá to: SẾN GIÀ NAM.

Tuần trước, vào một siêu thị ở một tỉnh miền Đông họ tôi thấy nơi người ta bán băng đĩa có rất nhiều rổ đựng các thứ, được phân loại như có rổ phim hành động, phim kinh dị, phim Mỹ, phim Hồng Kông... và đặc biệt có hai rổ ghi: Nhạc sến nam, Nhạc sến nữ. Tôi định mua vài thứ xem sao, nhưng thấy kỳ kỳ nên thôi. Tuy vậy, tôi cũng học được vài từ mới. Có điều ở cửa hàng này, một cửa hàng bán băng đĩa khá lớn ở thành phố có cách phân loại độc đáo hơn: Sến Già Nam. Tôi đoán đây là loại nhạc "sến" dành riêng cho nam giới "già"!

- Có Sến Già Nữ không cháu? Tôi tò mò.

- Dạ có. Bác kiếm xong Sến Già Nam con đưa Sến Già Nữ ra bác lựa!

Thì ra nam nữ đây không phải khách hàng mà là ca sĩ. "Sến" do "nam" ca sĩ hát cho người "già" nghe thì gọi là... Sến Già Nam v.v. Tiếng Việt ta thiệt hay! Nhớ lần ra Hà Nội năm xưa, người ta giới thiệu tôi một xí nghiệp có tên là Xí nghiệp Cao Xà Lá. Hỏi "cao xà lá" là cái gì? Là cao su, xà bông và thuốc lá, gọi tắt Cao Xà Lá!

Tôi vừa tùm tùm cười vừa lựa đồng băng đĩa trong rổ Sến Già Nam, chọn được vài đĩa. Nhiều khi cả đĩa chỉ có một bài ưng ý. Thôi vậy cũng được. Có một bài mình thích là quý rồi! Tôi hỏi còn Sến Già Nữ đâu? Cô bung ra một rổ Sến Già Nữ nữa và nhìn tôi có vẻ nghi tôi mê cô ca sĩ nào đó của năm mươi năm trước!



"Sến" là gì? Người ta bảo là do chữ Marie sến, tức người giúp việc, người ở đợ, con sen, người nhà quê, ít học. Nhạc sến là nhạc... tầm thường, nhà quê mà các cô gái này thường hát hồng để trải tâm sự nổi lòng khi vô công rỗi việc.

Đã có những bài báo, những tranh luận sôi nổi về thứ nhạc "sến hay không sến" này. "Sến" mà sao người ta thuộc, người ta khắc cốt ghi tâm? "Sến" mà sao người ta cười người ta khóc?... Gần đây trên mạng, nhiều bạn trẻ "còm" rằng

nhờ "sến" mà nuôi dưỡng được tâm hồn trong một thế giới vô cảm, và có bạn còn rất tự hào rằng đã sưu tầm được hàng ngàn bản nhạc "sến" để làm của quý!

Còn tôi, tôi chỉ biết nhạc hay hay dở với mình mà thôi. Hay là thứ làm tôi "rung động sáu cách" (nhân nhĩ thị thiệt thân ý)..., còn dở là nhạc "nghe không vô"!

*Chiều làng em* của Trúc Phương chẳng hạn, với tôi là một bài hay, không chỉ rất lãng mạn "khó làm buồn như muốn ngừng thời gian" mà còn do tác giả viết bài này lúc ở Bình Tuy, quê tôi, cho một cô gái mà tôi có lẽ cũng quen biết.

*Anh ơi nhớ về thăm thôn xưa,  
Để nghe tiếng ngọt ngào ru bóng dừa  
Xa xôi bước người anh lữ thứ  
Nhớ thương hoài câu hát chiều làng em.*

Còn *Mộng ban đầu* của Hoàng Trọng làm sao quên được:

*Trông em mừng vườn cau  
Trái mận tròn xuân mới  
Bồng me cười me nói  
Con bé lớn thật mau  
Mai mốt mẹ ăn trâu*

"Mai mốt mẹ ăn trâu" bây giờ không còn nữa nên "đám trẻ" không biết là phải rồi. Còn những trái cau "mận tròn xuân mới" cũng khó kiếm! Bây giờ là buổi, là dưa hấu cả rồi!

Rồi *Lối về xóm nhỏ* của Trịnh Hưng:

*Có những chiều hôm  
Trời nghiêng nắng xế đầu non  
Nắng xuống làng thôn  
Làm cho đôi má em thêm giòn  
Lúa đã lên bông  
Mắt già tươi sáng thôi chờ mong  
Tiếng hò cô gái bên Cù Long  
Mơ rằng mai lúa lên đầy bông...*

hay *Tình lúa duyên trăng* của Hoài An:

*Quê hương ta đất xưa vốn nghèo  
Nhưng giàu tình thương nhau  
Biết yêu lúa mầu xa cuộc đời cơ cấu  
Gái trai biết làm tròn lời thề khi ban đầu.*

Tôi không hiểu vì sao những lời ca đầy tình quê hương, đất nước, tình gia đình, tình gái trai “biết làm tròn lời thề khi ban đầu” như vậy mà “sến” được?

Hà Đình Nguyên trong một bài báo về vấn đề nhạc sến đã viết: “... nhưng không biết do đâu mà hầu như tất cả các bản nhạc được sáng tác trước 1975 - nhất là những bản có điệu boléro, rumba... đều bị quy là nhạc sến (tiếng ‘sến’ được hiểu theo nghĩa dè biau, mỉa mai, khinh thị...)”.

... Nhưng sẽ thật sai lầm khi quan niệm ‘nhạc sến’ với hàm ý khinh thị, chê bai bởi trong dòng nhạc bình dân này có rất nhiều tuyệt tác mà chưa chắc các nhạc sĩ dòng nhạc ‘hàn lâm’ đã sáng tác được, như: *Khúc ca ngày mùa* (Lam Phương), *Hoài thu* (Văn Trí), *Xóm đêm* (Phạm Đình Chương), *Ai lên xứ hoa đào* (Hoàng Nguyên), *Nắng chiều* (Lê Trọng Nguyễn), *Đường xưa lối cũ* (Hoàng Thi Thơ), *Nửa đêm ngoài phố* (Trúc Phương), *Thương hoài ngàn năm* (Phạm Mạnh Cương), *Nắng lên xóm nghèo* (Phạm Thế Mỹ)...”

Còn nhà thơ *Đỗ Trung Quân* có một bài thơ được Vũ Hoàng phổ nhạc rất hay tên *Phượng hồng* có lần bực mình:

*“Nói chú đừng giận, bài Phượng hồng phổ thơ của chú sến chảy nước”, chàng trai 20 tuổi tóc tai kiểu hip-hop nói thẳng thừng. ... Thế hệ trẻ 8X hôm nay không thể tin nổi, không thể chấp nhận nổi có một gã nào đó trạc tuổi mình suốt một năm dài ngồi cạnh bàn, học cùng lớp để ý cô bạn gái mà vẫn cứ: ‘bài thơ còn trong cặp... giữa giờ chơi mang đến lại mang về...’ Nhát gái đến thế, ‘yếu’ đến thế thì ‘sến’ là cái chắc. Bây giờ, chỉ cần một cú nhấn tin chớp nhoáng là alê hấp! Ra cà phê hộp ngồi ngay. Yêu à? Tổ tình à? Đây, nhanh gọn lẹ: ‘Anh là number one, vừa đẹp trai lại vừa dễ thương...’ Không yêu nữa cũng chẳng sao: ‘thà như thế, thà rằng như thế...’ Đỡ lời thôi, đỡ mất thì giờ, khỏi mang tiếng ‘sến’...”*

Gần đây nhiều ca sĩ bắt đầu quay về với nhạc “sến” có lẽ để đáp ứng nhu cầu tình cảm của con người trong một thế giới ngày càng vô cảm chẳng! Có điều, vì sến...

thiếu gốc nên nhiều khi hát sai mà không hay. Chẳng hạn “Đêm qua chưa mà trời sao vội sáng” trong *Chiếc lá cuối cùng* của Tuấn Khanh, có ca sĩ hát ngon lành “đêm chưa qua mà trời sao vội sáng”! *Qua chưa với chưa qua* khác nhau xa quá! Cũng như “Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em” của Từ Công Phụng mà hát thành “Bây giờ mấy tháng rồi hỡi em?”... thì nguy tai!

Tôi vẫn còn nhớ những đêm ngồi nghe Tuấn Khanh đàn piano dưới chân cầu sắt Đa Kao trong một quán cà phê nhỏ chành vênh...

*Đêm qua chưa mà trời sao vội sáng  
Một đàn chim cánh nhỏ chờ mùa sang  
Chiều vào thu tiễn em sầu lạnh giá  
Lá trên cành từng chiếc cuốn bay xa ...*

(xin đừng nhầm với các nhạc sĩ Tuấn Khanh, Hoài An đương thời).

Tôi chắc rồi một hôm nào đó cậu trai 8X kia sẽ tìm đến bản nhạc “sến chảy nước” nọ và rồi 8X sẽ được thay thế bởi 9X, 0X... Rồi sẽ có những người tìm đến Sến Già Nam, Sến Già Nữ như tôi hôm nay cho mà coi!

Không lâu lắm đâu! Hãy đợi đấy! ■



# Khát uống trà mai

Bài & ảnh: ĐỖ QUANG TUẤN HOÀNG



**T**rà mai đượm vị thiền ghi dấu trong thơ văn xưa đã mấy thế kỷ làm đầu đầu giới trà sĩ. Hóa ra, đó là nước uống thông dụng của người Hương Sơn, một đặc sản của lễ hội chùa Hương.

## *Mai là mơ*

Trong bài *Ngôn chí I* của bộ *Ức Trai thi tập*, Nguyễn Trãi (1380-1442) tỏ rõ nếp sinh hoạt của mình:

*Cởi tục trà thường pha nước tuyết  
Tìm thanh trong vắt tịn trà mai.*

Cởi tục là cởi bỏ những ưu phiền thế tục, pha nước tuyết là nước trong nhất, nước băng, nước sương trong như tuyết.

Cũng trong tập đó, bài *Ngôn chí II*, ông ngâm ngợi:

*Trà mai đêm nguyệt dậy xem bóng  
Phiến sách, ngày xuân ngời chấm câu.*

Cuối thế kỷ XV, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) rũ áo từ quan ung dung tự tại hưởng nhàn trong bầu rượu, túi thơ, trang sách, chén trà mà du sơn lâm thủy.

Ông thành thơ:

*Khát uống trà mai hương ngọt ngọt  
Giấc nằm hiền nguyệt gió hiu hiu.*

Mấy câu thơ ấy đã để lại một công án trà mà mãi đến cả bốn thế kỷ sau mới có người luận giải. Kiều Oánh Mậu (1854 - 1912), đỗ phó bảng năm 1880 thời vua Tự Đức triều Nguyễn, từng viết: "Thiền gia dụng mai bì tác trà, danh hồng mai" (người nhà chùa dùng vỏ cây mai chế biến thành trà gọi là hồng mai).

Kể từ khi bén duyên với cửa Phật, cuối năm 1998, đến giờ, trong các buổi thiền trà ở chốn già lam nào tôi cũng mang chuyện trà mai ra bạch các thầy. Nhưng tịnh không ai nghe nói đến việc các thiền sư tự cổ chí kim để vỏ cây mai làm trà cả.

Đúng là vô duyên thì vật ngay trước mắt cũng chẳng nhìn ra. Thì đấy, tôi đi chùa Hương (xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội) đã 22 năm nay mà mãi đến hôm vừa rồi mới tình cờ biết người đất này gọi cây mơ bằng cả tên là mai nữa. Tối đó khi khách hành hương đã ra về hoặc đi nghỉ trọ cả, đất Phật trở lại về yên bình như vốn có. Tôi đi tha thần từ cổng chùa Thiên Trù xuống bến Trờ. Thấy một sạp bên tay phải ở cuối dốc bày dao cầu, thuyền tán và nhiều hộp đựng thuốc Nam; lại có những phôi bay trên giấy hồng điều, tôi vui chân rẽ vào. Một anh thanh niên buông sách ra mời trà. Anh là Bùi Nam Hải, 38 tuổi, chủ sạp, người thôn Yến Vĩ. Từ ngày còn lẫm chẫm đã theo cha mẹ vào núi khai hoang, trồng trọt... cho nên rừng nào nhiều thú, thung nào có nhiều cây thuốc, mơ mọc ở núi đá nào thì quả sai, nhiều nước... anh thuộc như lòng bàn tay. Khi đã vui chuyện, tôi than phiền rằng đặc sản mơ chùa Hương ngày càng vắng bóng; mỗi mùa hội, người dân đều phải lấy mơ từ các tỉnh Hòa Bình, Yên Bái, Lạng Sơn, Hà Giang về bán làm du khách phải ngơ ngẩn rừng chiều... giả hiệu. Anh bảo mơ trồng gần mười năm mới cho quả, không kinh tế nên bà con chẳng mặn mà. Rồi anh chép miệng: "Rồi mai này chả ai còn biết gì về thứ nước thanh mai đặc sản chùa Hương nữa!"...

*Càng già càng khô, càng quý, càng thơm*

Sáng sớm hôm sau, tôi vịn ngay vào hai tiếng thanh

mai để leo những bậc đá gập ghềnh của chốn rừng thâm Hương Tích.

Hỏi chuyện nước thanh mai, chị Bùi Thị Năm, 44 tuổi, bán hàng ở bụng Tiên Sơn, phẩm phẩm ra sau nhà mang lên một khúc gốc mơ cả trăm tuổi, già đanh, đã bị mối ăn hết lớp vỏ, còn trơ lõi. Chị lấy dao mác đểo dằm mảnh như cái đóm, rửa sạch rồi cho vào niêu đất đun. Khoảng mười lăm phút sau, chị bê lên một đĩa củ mài luộc trắng tinh, bỏ tung, một bát chè sắn, trong và một bát nước màu hồng. Thấy đều bốc hương ngào ngạt. “Nước thanh mai uống thanh nhiệt giải độc, mát gan bổ thận, lại thơm tho. Chè củ mài ăn ngọt, mát. Đặc sản chùa Hương đấy”, chị vỗn vĩa.

Tôi đang ung dung ngồi nhâm nhi nước thanh mai thì một bà lão từ lán bên sang bắt chuyện. Bà là Trịnh Thị Thịnh, 80 tuổi, mẹ chị Năm, người thôn Yến Vĩ. Hai mươi tuổi bà lấy ông Bùi Văn Châu (mất từ ba năm nay, thọ 77 tuổi) rồi vợ chồng lên khu bụng Tiên Sơn khai khẩn đất đai trồng củ mài, rau sắn, mơ... và mở quán bán hàng ăn lộc Phật từ đó đến nay. Sáu người con của bà cũng vậy, ngày thường thì trồng trọt, chăn nuôi trên núi; ba tháng xuân hội thì tụ về dựng sạp bán những thứ cây nhà lá vườn kết hợp cho khách thuê chỗ nghỉ, gửi hành lý. Bà Thịnh bảo, từ xưa từ xưa, người dân Hương Sơn vẫn thường tìm trong những thung lũng trên núi đá đào lấy những gốc, rễ của cây mơ già tuổi từ dăm bảy chục năm đến cả trăm năm, chết, bị mối ăn hết phần vỏ, chỉ còn trơ lõi, về dựng, xếp quanh năm ở góc nhà. Ngày ngày, người ta lấy dao đểo vài mảnh như cái đóm cho vào siêu đổ nước đun khoảng mười lăm phút là được một thứ nước từ hồng hồng đến đỏ như máu (tùy theo số lượng mảnh gỗ). Uống thơm, mát, vị thanh, ngọt hậu nên già trẻ lớn bé đều thích.

Ông Lưu Văn Đen, 83 tuổi, người làng Hội Xá, thì bảo rằng người dân ở đây quanh năm uống nước thanh mai (còn gọi là nước lũa mai, nước lũa mơ, trà lão mai), nhất là vào tháng tư, tháng năm nóng nực thì uống càng mát, càng sáng khoái. Sáng sớm, các bà nội trợ khi thức dậy nấu cơm thì cũng đun một nồi nước thanh mai để cả nhà uống suốt ngày. Gốc mai già lấy trong thung giữa núi đá, càng già càng khô, càng quý, càng thơm.

Hơn sáu năm trước, nhà văn Hoàng Đình Quang được bạn kỳ công mang khúc gỗ mơ già từ chùa Hương về thành phố Hồ Chí Minh chế dằm pha nước mời uống. Ông đã xúc động: “Nhìn bạn hiền ngồi chế từng thanh nhỏ khúc gỗ mơ già, một cách siêu chậm, tôi lại nghĩ đến cái thuở bé con, mới 13 - 14 tuổi đầu, ông bác tôi cũng ngồi chế nhỏ cái khúc củi ấy để pha vào cái ấm đá, rõ cẩn thận, rõ nhiệt thành... Đến lúc bác rót ra cái tách nhỏ xíu, thấy tôi cứ giương mắt nhìn, ông cũng rót cho tôi một tách mà bảo: ‘Uống đi!’ Tôi uống dè sẻn, rồi đại dột buông một câu: ‘Cháu chả thấy gì!’ Bác tôi lắc đầu: ‘Các anh thô thiển lắm!’ Tôi bị mắng nhưng tự dung lại thấy mình lớn lên. Bây giờ ngồi nhìn ngọn lửa liu riu,

nhìn mấy thanh gỗ già mà yếu điệu như cái tăm, tôi bồi hồi quá! Cây mơ (mà người xưa gọi là mai) mọc bạt ngàn trên đường lên Tuyết Sơn - Hương Tích cho hoa tuyệt sắc, cho đáng làm tứ thi, cho quả là đặc phẩm, khi già lão cho cái cốt cách làm một loại trà, ấy là trà lão mai!”

“Giờ thì tôi thấy rồi! Cái vị thanh thanh mơ hổ của lão mai khiến tôi thấy cái vị, cái hương của nàng thanh nữ với chiếc áo cánh lụa mờ gà lướt qua. Chỉ lướt qua thôi! Ấy thế mà cũng khiến cho ta nhóng cổ ngó theo... Giữa một sáng Sài Gòn bất thần trở mát, uống trà lão mai, thấy được ruột gan của mình mà ngấm ra muôn nhẽ”.

Thi sĩ Nguyễn Bính khi xưa trảy hội chùa Hương, trên đường trở về thấy cô con gái hái mơ già trong ánh chiều hôm dần một tắt nên rú “*hay cô ở lại về cùng ta*”. Hình ảnh lãng mạn ấy đã khiến bao nhiêu trái tim của văn nhân, tài tử rung động mà đưa bước đến đất Phật. Nhưng bây giờ, tìm được một cây mơ mọc bên đường để làm thi vị bước chân trảy hội của khách thập phương quá bằng mò kim đáy biển. Điều ấy làm Thượng tọa Thích Minh Hiền, trụ trì chùa Hương, người luôn đau đầu tìm nét quyến rũ cho lễ hội dài nhất trời Nam này trăn trở lắm. Thế nên thầy đang âm thầm phủ bóng mơ trên nền đá xám. Trước mắt, chỉ một, hai năm nữa, một rừng mơ sẽ chen bên các hốc đá ở khu vực tháp Viên Công của chùa Thiên Trù. Nhờ thế, những người mê trà cũng có cơ hội học cái thú tao nhã thường thứ nước trà mai hương ngọt ngọt như cụ Trạng Trình. ■



## Về đi thôi

CHƠN NGUYỄN

Gần bảy mươi tuổi rồi  
 chi nữa  
 gót đã mòn đường đi vạn dặm  
 nỗi buồn kết nối  
 dài hơn những sợi mưa  
 từ trời rơi xuống  
 những niềm vui lượm lại  
 không đong đầy bàn tay chim sẻ  
 có chi đâu, còn chi đâu  
 Về đi thôi  
 bám vó làm chi  
 đêm thì giấc ngủ nửa vời  
 đêm được đêm không  
 bám vó làm chi  
 ngày thì ghét với thương  
 như bàn tay sắp giữa  
 tuồng ảo hóa  
 sao còn đun đầu chịu trận  
 Về đi thôi  
 chuyện đã qua, qua rồi khôn nín lại  
 và một mai, trắng đáy lòng sông  
 ai vớt được  
 về đi thôi ... về đi thôi  
 gió trăng quê cũ mắt người mãi trông.

## Miền trung

NGUYỄN DŨNG

Là mảnh đất nắng run run tay cuốc  
 Đốt da người sôi những giọt mồ hôi  
 Kì không thè lưỡi khát cháy trên môi  
 Qua bãi cát một đời quang quang gánh gánh

Là nắng chưa đi bão giông đã tới  
 Dìm phận nghèo vớt lúa dưới dòng trôi  
 Hạt muối bột bèo diêm dân quệt mặn môi  
 Trâu thiếu cỏ trơ xương nhìn ngơ ngần

Là mảnh đất chứa nhiều bom hàng tấn  
 Có người chết hai lần chưa yên phận  
 Ôi! Làm dân sao quá nhiều lặn đạn  
 Miệng ngậm khoai mì gánh chạy tản cư

Là mảnh đất sinh ra nhiều anh tài  
 Nhiều vĩ nhân hiền triết vốn từ đây  
 Như sa mạc sinh ra loài bàn chải  
 Dầu nắng mưa vẫn sống mãi muôn đời.

## Bài thơ cuối mùa mưa

PHAN TRUNG THÀNH

Trở lại cầu Q nhiều lần trong giấc ngủ  
 nơi ấy có khi nước cạn trơ dòng  
 những tấm cá ngày mưa nước đầy bóng võ  
 lục bình từng vạt đứng như mong...

Không biết rồi đây trời cao bao tấc nữa  
 mệt quá nước ròng nước lớn thay nhau  
 mà em thì về mưa chiều nắng sớm  
 nắng sớm mưa chiều đời lặng lẽ sâu!

Không biết cuối mùa thu xa bao ngã  
 hơi đêm thâu buốt rượi một làn hương  
 anh trở lại cầu Q lần nữa  
 khi nắng thu vàng ủa cuối con đường...

# Tiếng chuông chùa trên đảo xa

PHAN THÀNH MINH

Tiếng chuông sười ám lòng nhân thế  
Đảo xa không hết một thời kinh  
Thầy đến đây vì tình yêu đất mẹ  
Vì phong ba bão tố rập rình

Xin nguyện cầu cho quê hương đất nước  
Mãi phú cường độc lập tự do  
Tiếp bước tiền nhân cháu con tiến bước  
Vượt cạn đói nghèo  
Xây dựng ấm no

Xin nguyện cầu yên lành ba giới  
Chết cho giang sơn siêu thoát thanh nhàn  
Sống vì nước vì vẹn nguyên bờ cõi  
Tuyên đầu đạn lửa bình an

Hạt đức ươm gieo  
Cây oản quả phúc  
Đảo xa nghìn trùng nhưng lòng không xa  
Tiếng chuông cũng phải vì Tổ quốc  
Hoàng sa Trường Sa xông pha.

## Thơ tháng giêng

HOÀNG KIM OANH

1. *Đi trong hương thiền*  
*Hái cánh Sala*  
*Bồng tiếng oanh vàng...*

2. *Nghiêng cành xuân.*  
*Gió qua thêm.*  
*Cài then nổi nhớ.*

3. *Tinh. Thức.*  
*Ngày. Đêm.*  
*Mộng du con chữ...*

4. *Ngon gió Vô thường*  
*Chao lòng trắng khuyết*  
*Biên biệt con tàu...*

5. *Đi tìm Hình*  
*Chỉ thấy Bóng*  
*Giấc Mộng tan...*

## Cháy

NGUYỄN TÁN ON

Chai bàn tay núi đốt than  
Rung rung mắt lá đại ngàn cuồng si  
Nghe trong tiếng lửa thị phi  
Cúi thành than, tôi thành gì... cho em

Chim buồn vỗ cánh chạm đêm  
Mái chuông Sơn Tự rêu mềm sương giăng  
Núi ngời nhập nửa vàng trăng  
Lặng yên không gió mà trần trở rừng

Đưa chân xuống phở người dung  
Ôm bài học cháy của rừng đi hoang  
Cháy ngấm âm i còn than  
Bùng lên cháy thoát thành tàn tro bay.

## Niệm như

PHAN NHƯ

Đi đâu về đâu như như một niệm  
Lang bang bốn cõi, lờ ngó ba thời  
Sông cạn núi mòn  
Gió mưa vùi đập  
Vẫn như như một niệm bên trời  
Nam-mô A Di Đà Phật!

Thôi không là viễn khách  
Lêu bêu đã mỗi kiếp rồi  
Về đây lui cui liếp rạ  
Đốt lửa gọi ma trời  
Xa lia đảo điên vọng tưởng  
Thu lu ngồi nhiếp tâm chơi  
Như hạt sương đầu cành nắng nhạt  
Hay trùng trùng mệnh mang gió cát  
Vẫn như như một niệm bên trời  
Nam-mô A Di Đà Phật!

Người chê tôi cả tin  
Ừ thì tôi tin cả  
Người khen tôi thiệt thà  
Ừ thì tôi thà thiệt  
Thiệt là tôi hay tôi là thiệt  
Vẫn như như một niệm mà thôi:  
Nam-mô A Di Đà Phật!

# Giải cứu LÒNG THAM

NGUYỄN HỮU ĐỨC

**1** Bữa tiệc chiêu đãi các đại gia đang tiếp diễn. Hôm nay tôi đã nâng cốc quá đà và hơi men làm tôi phải đi đến phòng vệ sinh. Vỗ nước lên mặt cho hả hơi xong, tôi thẳng thốt vì người đàn ông xuất hiện đối diện tự lúc nào. Lập tức tác dụng dược lý của rượu mà tôi học khi xưa chợt được nhớ lại mồn một. Khi uống rượu đến mức say ngà ngà, vùng vỏ não đảm trách sự kềm chế sẽ bị ức chế khiến người ta cởi mở, dễ bắt chuyện thân tình với người khác mà không tính lợi hại. Lạ chưa, người đàn ông trước mặt tôi không có vẻ gì xa lạ.

- Tôi là “nỗ lực hướng thượng” của ông bạn đây.

A, hẳn cũng đang xin như mình. Thôi kệ, cứ để hẳn nói cho hả hơi rượu.

- Chẳng phải đến giờ này, toàn bộ cuộc đời của ông bạn đã chất đầy ký ức đủ để phân biệt đâu là thiện đâu là ác hay sao? Và ông bạn há không luôn nỗ lực để đạt được điều tốt đẹp? Há không phải vì tôi, cái sẽ phải là đạo đức hoàn thiện, mà ông bạn không ngừng nỗ lực, thường xuyên chối bỏ, thay đổi cái hiện tại là sự xấu xa hay sao? Tôi biết ông bạn đang đánh vật với lòng tham. Hãy vì tôi mà đập chết lòng tham đi.

Hai tiếng “lòng tham” làm tôi giật nảy mình. Tôi buột miệng: “Này, ông là cái thá gì chú? Ông chỉ là ý niệm trong sách vở mà tôi đã tích tập từ nhỏ đến giờ. Gọi là điều thiện nhưng ông chỉ là chữ nghĩa thánh hiền mà tôi học được. Chúng cố điều khiển tôi đánh vật với con người thật của mình. Con người thật tôi đang sống đây với toàn bộ các giác quan đang hoạt động, với tâm tưởng luôn hướng đến an toàn và khoái lạc. Thế mà tôi cứ luôn phải khổ sở triển miên vì xung đột, đấu tranh với chính mình.

- Con người thật của ông bạn chính là lòng tham đấy.

Cửa phòng vệ sinh mở ra, có người vào. Tôi vội vàng len vào khoảng cửa còn mở để bước ra ngoài. Tôi muốn tránh xa ngay người đàn ông kia.

**2** Lần này bữa tiệc được tổ chức dành cho các quan chức có ảnh hưởng đến việc làm ăn của công ty. Một vị tai to mặt lớn khi tụng lý đã bảo nếu không “thật tình” thì ông ấy không hết lòng đâu. Thế là

tôi lại quá chén. Bước vào phòng vệ sinh thì người đàn ông lại xuất hiện.

- Tôi là “sự trừng phạt” của ông bạn đây.

- Này, đừng mượn hơi rượu để nói chuyện cà rỡn đấy nhà.

- Ông bạn không nhớ “sự thưởng phạt” trong cơ chế gây nghiện của thuốc đã học?

Trời đất, hẳn cũng học Dược như mình đây mà. Tôi loảng thoảng nhớ lại điều đã học về cơ chế gây nghiện của thuốc, trong đó có ma túy. Người nghiện bắt buộc phải tiếp tục dùng ma túy để hưởng *hiệu ứng thưởng* như được đê mê sảng khoái...

Lời ông ta vang lên như tiếp nối hột trí nhớ của tôi.

- Người nghiện phải tiếp tục dùng chất gây nghiện là để tránh *hiệu ứng phạt* xảy ra, như tiếp tục dùng ma túy để không bị vật vã, đau đớn ghê gớm. Thế lòng tham không dẫn đến sự trừng phạt sao?

- Sự trừng phạt nào? Ghê gớm nhất là chết sẽ sa vào hỏa ngục nhưng đó là chuyện của tương lai xa vời. Còn tôi đang sống phây phây và không muốn sợ hãi vì những ý niệm đầu đầu do suy nghĩ của con người phóng đại từ sự thưởng phạt của thân xác.

Cửa phòng vệ sinh mở ra, có người bước vào. Tôi vội tránh xa người đàn ông lần nữa.

**3** Công ty triệu tập các nhân viên chủ chốt từ khắp nơi về để thông báo tin vui trước sự ra đời của một dược phẩm mới. Tôi với tư cách lãnh đạo việc nghiên cứu phát triển đã phần khởi thuyết trình về quá trình thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm đầy gian truân, tốn nhiều công sức và tiền bạc để được chấp thuận lưu hành dược phẩm nổi tiếng. Tôi chấm dứt bài nói và rời bục thuyết trình. Âm hưởng triển vọng bành trướng uy tín và lợi nhuận của công ty còn vang vang trong đầu thì có người báo, tôi có cú điện thoại khẩn cấp. Đầu dây bên kia ở tận thành phố xa xôi cho biết mẹ tôi vừa qua đời ở bệnh viện. “Bà cụ không chết vì bệnh đang điều trị mà do tác dụng phụ có hại gọi tắt là ADR của một loại thuốc”. Tôi hỏi dồn dập để biết rằng tỷ lệ gây ra ADR của thuốc thuộc loại “hiếm gặp” và không may mẹ tôi nằm trong tỷ lệ chết tiệt đó.



Tôi thấy cần vào phòng vệ sinh để che giấu sự suy sụp. Trời, người đàn ông lại xuất hiện.

- Tôi là "lòng tham" của ông bạn đây. Đừng hòng tìm cách chạy trốn khỏi tôi nữa. Ông bạn suốt đời tìm cách che giấu để không thấy ẩn sâu trong tâm thức luôn có quá trình mong muốn. Muốn tăng thêm quyền lực, địa vị, tài sản, dục vọng được yêu, thèm khát khoái lạc, kể cả mong cầu đức hạnh, được bắt tử, được ngồi cạnh thượng đế. Tôi chính là sự bành trướng của cái "tôi" của ông bạn đó. Tôi chính là thủ phạm của việc tạo dựng số liệu khoa học giả để ông bạn đoạt bằng đồ khi tốt nghiệp đại học và giúp công ty được cấp phép cho ra đời dược phẩm nổi tiếng mới đây.

Thật kỳ lạ là tôi không còn ngạc nhiên chút nào khi hẳn kể lại vanh vách thủ đoạn bóp méo, che giấu, ngụy

biến các số liệu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm mà tôi đã khéo léo thực hiện. Để biến ADR của thuốc công ty tôi thuộc loại "rất thường gặp" thành "rất hiếm gặp", tức chứng tỏ an toàn.

- Biết đâu mẹ của ông bạn đã chết vì ADR được phát hiện theo kiểu thử nghiệm lâm sàng mà ông bạn vừa thực hiện đó.

Tôi đưa tay lên nhằm bịt miệng hẳn. Tiếng "xoảng" vang lên thật lớn. Trước mặt tôi chỉ là tấm gương soi to đã rơi xuống khi tôi chạm vào. Hẳn đúng là tôi rồi. Đúng lúc đó, tôi cảm thấy tỉnh thức lạ lùng. Chỉ có thể thoát khỏi lòng tham bằng cách tĩnh lặng quan sát nó. Nếu cứ lên án hoặc dọa trừng phạt thì chỉ tổ làm nó mạnh mẽ thêm lên. Chỉ thuần quan sát. Chỉ thuần nhận diện nó thôi để nó biến mất. Hãy thử xem sao. ■



# Một chuyến hành hương

Bài: PHÚC BÌNH  
Ảnh: THÔNG-HUYỀN-SA

**1** Trong phiên họp đầu năm 2013, nhân viên tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo* đồng thanh đề nghị tổ chức một chuyến hành hương về nguồn, thăm các danh lam xứ Huế với ý nghĩa trở về đất Thuận Hóa, nơi khởi nguồn thời kỳ trung hưng của Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ 17. Do điều kiện tài chính của Tạp chí không cho phép tòa soạn đài thọ toàn bộ chi phí chuyến đi, mọi người đã tự nguyện đóng góp một phần để thể hiện tinh thần đoàn kết và chia sẻ. Trước khao khát ấy, việc nghiên cứu và tổ chức chuyến hành hương tham quan đã được tiến hành. Các yêu cầu là chuyến đi thực hiện sau Tết, ngay khi vừa hoàn tất việc phát hành một số báo mà vẫn phải bảo đảm là khi trở về, số báo kế tiếp sẽ được in xong đúng hạn. Sau cuộc họp, mọi người lao vào làm việc, gấp rút tập trung bài vở và hình ảnh cho mấy số báo liên tiếp để có thời gian lên đường trong lúc tổ phụ trách tìm hiểu và lập kế hoạch cho chuyến hành hương tham quan Huế-Đà Nẵng.

Tuy tin tức chỉ được thông báo trong nội bộ và đến một số người thân, việc *VHPG* tổ chức hành hương ra Huế cũng đã được các vị tôn túc biết đến. Thế là đoàn liên tiếp nhận được nhiều sự cổ vũ. Hòa thượng Tổng Biên tập đang ở chùa Tường Vân nhận cung cấp một chiếc xe đưa đoàn di chuyển trong phạm vi thành phố suốt thời gian lưu trú tại Huế. Hòa thượng trụ trì chùa Từ Đàm hẹn cho xe ra đón đoàn tại sân bay. Chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức hiện lãnh đạo và phụ trách các tự viện Hiếu Quang, Hải Đức, Giác Lâm và Huyền Không sơn thượng sẵn sàng cho phép đoàn được lưu trú và đãi cơm chay thân mật tại chùa.

**2** Sáu giờ sáng ngày 17-3-2013, đoàn hành hương gồm 23 người, thành viên và người thân, bằng phương tiện riêng, đã có mặt đầy đủ tại sân bay Tân Sơn Nhất chờ lên tàu. Khi có thông báo chuyến bay sẽ bị trễ vì lý do kỹ thuật thì ai nấy đều nôn nao trông ngóng, nhất là những người lần đầu tiên được đi Huế. Mãi hơn tám giờ máy bay mới cất cánh và khi đáp xuống sân bay Phú Bài là đã hơn chín giờ. Sau khi nhận lại hành lý, mọi người nhanh chóng lên xe đã đợi sẵn để được đưa về nhà khách của chùa Hải Đức ở phố Phan Bội Châu phường

Trường An. Được thông báo, Đại đức Thích Không Nhiên nhanh chóng đến nhà nghỉ tiếp đoàn và tự thân bố trí phòng ốc cho mọi người. Vào đến nhà nghỉ, ai nấy đều òa ra vì sung sướng khi thấy nhà nghỉ cũng đầy đủ tiện nghi cho lữ khách, lại thêm ba phòng có trang bị máy lạnh, được thầy Không Nhiên dành ưu tiên cho những người lớn tuổi và hai sư cô là thành viên của đoàn.

Mọi người nhanh chóng mang hành lý vào các phòng đã được chỉ định rồi vội vã tập trung trước tiền sảnh nhà nghỉ, bên ngoài đã có một chiếc xe du lịch 25 chỗ chờ sẵn. Chào thầy Không Nhiên, cả đoàn lên xe đến chùa Tường Vân, đoàn đã được Hòa thượng Thích Chơn Thiện tiếp đón một cách thân tình. Thấy đoàn ra trễ, người thầy từ hòa và cũng là vị lãnh đạo khả kính của tạp chí chỉ ôn tồn thăm hỏi đôi câu rồi cho phép đoàn thực hiện chương trình định sẵn. Đoàn xin phép được lên lễ Phật và chiêm bái di ảnh cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết (1890-1973), vị Tăng thống đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Trước khi chia tay với đoàn, Hòa thượng Tổng Biên tập còn góp ý, căn dặn và hỏi han nhiều về hoạt động của tạp chí *VHPG*. Giữa lúc thầy trò đang chụp với nhau một tấm hình lưu niệm thì đã có điện thoại gọi đến nhắc nhở thời điểm ở những nơi đang chờ đoàn. Rời chùa Tường Vân với lòng quyến luyến, đoàn bắt đầu cuộc hành hương ba ngày rưỡi trên đất Thần kinh, cái nôi của Phật giáo Việt Nam thời trung hưng.

**3** Hành trình của đoàn phải phụ thuộc vào một số điểm mốc đã định sẵn. Ngay sau khi rời chùa Tường Vân, đoàn đã đến chùa Từ Đàm. Chỉ tiếc là lúc này chùa đang bận rộn với việc tổ chức lễ an vị tượng ngọc Đức Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tôn sẽ diễn ra vào ngày 19-3 nên đoàn chỉ có thể đi quanh chùa và thành tâm bái vọng trong lúc chờ vị trưởng đoàn vào bái kiến Hòa thượng Thích Hải Ấn. Tại những địa điểm có hẹn trước, đoàn được đến tận nơi lễ Phật, nhiễu tháp, bái kiến các vị trụ trì, chiêm bái di ảnh các vị tiền bối, được nghe những lời pháp thoại của các bậc tôn túc, được nhìn ngắm các kiến trúc của chùa và được thưởng một bữa cơm chay thanh khiết... ở nhiều nơi khác, đoàn chỉ vào chùa tham quan



như những du khách thông thường; chỉ khác một điều là mọi người trong đoàn được nghe giải thích về ý nghĩa của việc chiêm bái những nơi mình đã đến. Cụ thể, tại chùa Hiếu Quang cũng nằm trên địa bàn phường Trường An, đoàn được chào Hòa thượng Thích Quang Nhuận, được chiêm bái di ảnh của tổ khai sơn là cố Hòa thượng Thích Thiện Trí (1907-2000), được lễ Phật, được nghe giới thiệu sơ lược lịch sử ngôi chùa. Tại chùa Giác Lâm trên địa bàn phường An Cựu, đoàn được gặp Thượng tọa Thích Phước Đạt, được biết chùa đang chuẩn bị lễ đặt đá trùng tu vào ngày 22-3-2013, được chiêm bái di ảnh tổ khai sơn là ngài Giác Hải và tổ trụ trì đời thứ hai là cố Hòa thượng Thích Khả Tấn (1917-2011), được lễ Phật, được xem xét một số hiện vật quý còn được chùa lưu trữ. Tại chùa Hải Đức, đoàn được Đại đức Thích Không Nhiên, người đang phụ trách việc giám tự, giới thiệu chi tiết về lịch sử ngôi chùa, vốn do Tổ Phước Huệ (1874-1963) là một vị danh tăng triều Nguyễn khai sáng từ năm 1899, khi viên tịch nhục thân của tổ được an trí tại tòa tháp lớn trong vườn tháp phía sau chùa. Kế thế trụ trì chùa Hải Đức là các bậc danh tăng một thời như ngài Chơn Đạo-Chánh Thống (1901-1968) được người đời biết đến nhiều dưới danh hiệu Thiền sư Bích Phong, tác giả tập *Thủy Nguyệt Tùng Sao* lừng lẫy và là một trong số những vị có công đối với Phong trào chấn hưng Phật giáo thập niên 1930. Hiện nay, chùa được đặt dưới sự lãnh đạo của vị trụ trì đời thứ tư là Đại lão Hòa thượng Chơn Huệ Chánh Trí đã trên 90 tuổi thọ.

**4** Với ý nghĩa về nguồn, đoàn cố gắng đến những nơi đã ghi dấu ấn trong lịch sử phát triển Phật giáo xứ Thuận Hóa và có ảnh hưởng đến Phật giáo toàn quốc. Chùa Linh Mục trên đồi Hà Khê nay thuộc phường

mới Hương Long đã đem lại cho mọi người trong đoàn những ấn tượng mạnh mẽ về nơi phát nguyên thời trung hưng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ thứ 17. Cũng ở đây, đoàn được thấy tận mắt chiếc xe Austin của cư sĩ Trần Quang Thuận đã từng đưa Bồ-tát Quảng Đức đến nơi thực hành hạnh nguyện đại bi đại dũng của ngài trong việc cảnh tỉnh một chính quyền độc tài chủ trương phân biệt đối xử với tôn giáo vào ngày 11-6-1963. Đoàn cũng đến trước bảo tháp an trí nhục thân của cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu (1905-1992) để thành kính tưởng niệm một bậc tiền bối hữu công. Đến chùa Báo Quốc, nằm trên đồi Hàm Long nay thuộc phường Phường Đúc, và nghe những lời thuyết minh, các thành viên của đoàn phảng phất nhìn thấy hình ảnh uy nghiêm của các ngài Thích Tịnh Khiết rồi sau đó là ngài Thích Trí Thủ (1909-1984) trong vai trò của những bậc đại sư có trách nhiệm đào tạo Tăng tài nhiều thế hệ. Trước khi đến Trung tâm Liễu Quán, một số thành viên của đoàn cũng đã vào dâng hương tại Đài Tưởng niệm Thánh tử đạo Phật giáo Huế, được xây dựng tại nơi đã xảy ra sự kiện các Phật tử Huế bị thảm sát vào ngày 8-5-1963 (Phật lịch 2507) chỉ vì muốn bảo vệ ngọn cờ Phật giáo. Trong buổi gặp gỡ với quý vị cộng tác viên xứ Huế tại Trung tâm Liễu Quán, thầy Lê Văn Lợi có đề nghị đoàn nên đến chiêm bái lăng Trường Cơ nơi an táng chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1525-1613) nay thuộc thị xã Hương Trà, vì chúa Tiên chính là người đặt nền móng cho việc ngày nay người Việt có cả một dải giang san phía Nam. Với thời gian ba ngày rưỡi ở Huế, hẳn là đoàn VHPG không thể đến hết những nơi cần đến. Nhưng có lẽ chính sự thiếu sót đó cũng là chất xúc tác nung nấu lòng khao khát cho những chuyến về nguồn kế tiếp. Khi đó sẽ có dịp thực hiện lời khuyên của thầy Lê Văn Lợi.



**5** Một trong những nơi đến gây ấn tượng mạnh mẽ và củng cố niềm tin vào tiền đồ Phật giáo Việt Nam cho đoàn tham quan là ngôi chùa mới Huyền Không sơn thượng. Chiếm cả một khu rừng núi rộng 50 hecta trên đất thôn Chăm, xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, Huyền Không sơn thượng là ngôi chùa thuộc hệ phái Nam tông mới được Sư Giới Đức khai sơn vào năm 1989. Khu vực chính của chùa chiếm diện tích chừng bốn hecta nằm ở lưng chừng núi giữa khu rừng thông quanh năm xanh tươi, mát mẻ, chim hót líu lo, có vẻ đẹp kỳ lạ, huyền ảo. Cổng chùa không kiến trúc theo dạng tam quan mà chỉ bình thường như cổng của một ngôi nhà vườn ở Huế. Khuôn viên chùa là cả một khu vườn xanh ngắt với những dòng suối nhỏ nở đầy bông súng nhiều màu sắc độc đáo, những giò phong lan, những cây sứ, thiên tuế, tùng, bách... có cây thuộc hàng cổ thụ trăm năm tuổi, tất cả luôn tĩnh lặng trong một không gian yên ả thanh bình. Ngoài chánh điện đơn sơ, chùa còn có Am mây tía, Nghinh lương đình, Nhà khách, Chúng hòa đường, Quán thiện đường (nhà ăn), Tăng xá, cốc liêu riêng biệt của chư Tăng chư Ni... Sư Giới Đức đích thân tiếp đoàn với thái độ từ hòa khiến mọi người đều cảm được một không khí ấm áp thân tình. Sau một vài tuần trà, đoàn xin phép Sư lên chánh điện lạy Phật và được một vị sư hướng dẫn tham quan khắp mọi nơi. Cả một không gian rộng rãi như vậy mà nơi nào cũng thể hiện sự hài hòa thanh khiết. Được biết chúng Tăng

tuy đông nhưng những vị có thể chấp tác cũng chỉ chưa quá chục người! Mọi công trình trong phạm vi khuôn viên chùa, kể cả việc di chuyển đến nơi những tảng đá trang trí khổng lồ, cũng được thực hiện bằng bàn tay con người! Cách đây hơn hai chục năm, chỉ một mình Sư Giới Đức lên đến đất này. Hình ảnh một thiền sư chống tích trượng đến đất mới dựng thảo am làm nơi tu hành chưa bao giờ hiện ra sinh động đến thế. Từ một vùng đồi núi hoang hóa, khô cằn, lở chỗ hố bom, không một bóng cây cao, bây giờ cây rừng đã khép tán, màu xanh bạt ngàn, tầng cao bóng lớn, tạo nên một môi trường thiên nhiên mát mẻ và trong lành. Đạo hạnh, tín tâm, trí tuệ, nhẫn nhục của ngài thật đáng kính ngưỡng.

**6** Đêm 18-3, đoàn hành hương được hưởng một chút lãng mạn trên sông Hương. Mua vé bao cả chuyến đò trong chương trình Ca Huế trên sông Hương do Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Thừa Thiên-Huế quản lý, toàn đoàn lên đò cùng những nghệ sĩ, được nhà đò đưa ra giữa dòng Hương giang trong khoảng giữa cầu Tràng Tiền và cầu Phú Xuân rồi neo lại. Đò là một chiếc bè mảng ghép hai con thuyền con có đầu rồng lại với nhau tạo thành một mặt sàn rộng rãi bốn phía có vách che khá chắc chắn và ổn định. Người nghe hát và người trình diễn ngồi chung trong một không gian ấm áp. Những người trình diễn ăn mặc theo lối cung đình; dàn nhạc có đủ kèn, sáo, đàn nguyệt, đàn nhị, xênh và phách.



Sau lời giới thiệu ngắn gọn của một nghệ sĩ trẻ, tiếng nhã nhạc bắt đầu vang lên; những khúc Hành vân, Lưu thủy, Kim tiền...những điệu hò mái nhì, mái đẩy, những câu hò đối đáp... lần lượt được trình diễn, khi thì đơn tấu, lúc song tấu hợp tấu, khi đơn ca, lúc song ca hợp ca... lời hay, ý lạ, giọng hát thanh tao khi trầm khi bổng... như ru hồn người. Điều đáng quý là phong cách của mọi nghệ sĩ đều nhã nhặn lịch sự; người đàn người hát thể hiện niềm đam mê nghệ thuật, người nghe cũng bày tỏ sự đồng cảm sâu đậm. Hoạt động ca Huế trên sông Hương được tổ chức lại cho thấy một mảng văn hóa truyền thống đã được khơi lên, xóa bớt những hiện tượng nhạt nhẽo, xô bồ, phi văn hóa đang thể hiện trong xã hội hiện nay.

**7** Vì ngày 20-3 sân bay Phú Bài đóng cửa, đoàn hành hương phải vào Đà Nẵng để trở về Sài Gòn. Rời Huế lúc 14 giờ với biết bao tiếc nuối nhưng đoàn cũng háo hức đến Đà Nẵng để được tận mắt chứng kiến những đổi thay của thành phố cảng nổi tiếng này. Đến Đà Nẵng là đã hơn 17 giờ, mọi người đến nhận phòng ở khách sạn rồi nghỉ ngơi. Buổi tối, tất cả cùng ra phố ngắm cảnh sông Hàn. Cảm nhận đầu tiên là thành phố thật khang trang, môi trường trong lành, sạch và đẹp. Tuy nhiên, với thời gian hạn hẹp, trong thời gian ở Đà Nẵng, đoàn chỉ có thể tham quan theo kiểu cưỡi ngựa xem hoa. Sáng sớm, đoàn đến tham quan và tắm biển Mỹ Khê; sau đó, đoàn đã viếng chùa Linh Ứng, lên Ngũ Hành Sơn, vào phố cổ Hội An, và ra biển Sơn

Trà rồi phải trở lại sân bay Đà Nẵng cho kịp chuyến bay về TPHCM dự định khởi hành lúc 20 giờ 30.

**8** Như đã nói trên, chuyến hành hương về nguồn của Văn Hóa Phật Giáo chưa đầy đủ. Nhưng toàn bộ chuyến đi đã để lại trong tâm trí mỗi thành viên của đoàn những ấn tượng thật sâu sắc. Trên hết, tinh thần đoàn kết gắn bó của mọi người đã được thể hiện. Vị sư ở Huyền Không sơn thượng hướng dẫn đoàn ra dùng cơm trưa tại Tuệ Tĩnh đường Liên Hoa bên cạnh chùa Pháp Luân số 3 Lê Quý Đôn TP. Huế khi được cảm ơn về sự nhiệt tình của thầy, đã nói thầy quý tinh thần quan tâm đến nhau như người trong một gia đình của đoàn, mặc dù thầy biết đoàn là một tập thể làm việc chung chứ không phải là gia đình. Quan trọng hơn, những điều được nghe được thấy càng củng cố tin tâm của mọi nhân viên tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo về sự thành công của chủ trương góp phần phổ biến Phật học và xây dựng một xã hội hiền thiện của tạp chí.

Trong lúc làm bài tường thuật này, người viết được vị trưởng đoàn cuộc hành hương là ông Trần Tuấn Mẫn, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo nhắc nhở ghi lại lời cảm ơn của đoàn hành hương như sau: *"VHPG xin bày tỏ niềm xúc động và lòng tri ân đối với chư tôn đức, Phật tử, quý vị cộng tác viên, độc giả, thân hữu... đã tạo điều kiện cho đoàn được gặp gỡ để nghe chỉ giáo, góp ý, đồng thời đón nhận tình cảm quý báu của chư vị"*. ■

# Lời cảm ơn cuộc sống

Hôm 19-3 vừa rồi tôi theo chuyến tàu SE1 từ Hà Nội về lại Nha Trang sau gần ba tuần lễ thăm họ hàng. Máy ông anh bà chị cho khá nhiều quà, nào là miến giông, chè mạn Thái Nguyên, cả cốm Vòng nữa... chất đầy một gầm giường trên xe lửa. Lúc rời ga Hàng Cỏ, buồng tôi nằm kín khách, nhưng rồi họ lần lượt xuống các ga Vinh, Quảng Bình và Huế... buồng chỉ còn lại một mình tôi. Mãi đến ga Phú Yên mới có hai cô gái trạc 20 tuổi mỗi người xách một cái túi nhẹ tênh vào buồng. Họ là hai chị em, nói chuyện với nhau ríu rần. Vừa ổn định chỗ, họ chào và hỏi thăm tôi. Trò chuyện một lát, một cô rụt rè hỏi tôi bao nhiêu tuổi. Tôi tình thực cho biết tuổi của mình. Nghe vậy, cả hai cùng ò lên. Một cô nói, “Vậy là đi hơn má con hai tuổi. Nhưng má con già hơn nhiều”. Cô khác nói thêm, “Ba con mất sớm, má con quyết tâm nuôi tụi con học đại học nên trông bà khắc khổ lắm”. Cô kia tiếp lời, “Thấy đi, con càng thương má con hơn”. Nghe họ nói, tôi cũng thấy mắt cay cay. Vui chuyện, tôi cũng cho các em biết tôi dạy Sư cấp hai, vừa về hưu năm ngoái nên mới sắp xếp ra Bắc chuyến đầu tiên, nay trở về; tại Nha Trang tôi sống chung với một người chị ngoài 60 cũng độc thân như tôi; chúng tôi cũng có một người anh đã cùng gia đình định cư ở nước ngoài hơn 20 năm, chỉ liên lạc với nhau qua mạng. Các em cũng kể chuyện về mình. Còn cách Nha Trang chừng 20 cây số, tôi gọi điện thoại cho người quen ra ga đón nhưng người ấy bận nên từ chối. Thấy tôi băn khoăn, một cô bảo, “Đi đừng lo, một lát tụi con sẽ giúp đi đưa hành lý xuống tàu”. Đến ga Nha Trang, hai chị em nhanh nhẩu phụ tôi đưa toàn bộ hành hóa xuống. Ngay tại cửa toa đã có nhân viên đường sắt chất hàng của tôi lên xe đẩy theo giá vận chuyển của ngành nên tôi vội vàng đi theo để ra cửa nhà ga, không kịp nhìn thấy hai em đã lên tàu trở lại. Gặp nhau chưa tới hai tiếng đồng hồ mà các em đã để lại cho tôi sự cảm mến. Xin cảm ơn cuộc đời vẫn luôn có những con người dễ thương, hơn nữa, lại là người tuổi trẻ. Cảm ơn các em đã biết nghĩ đến người khác và nghĩ đến mẹ của chính các em với lòng từu mến.

**Vũ Thị Xuân Hương, phường Vĩnh Hải, TP.Nha Trang**

Chiều thứ Bảy, ngày 8 tháng 3, tôi chở đứa con trai năm tuổi cùng với chiếc xe đạp trẻ em của nó ra đường Trường Sa, bên bờ kè kênh Nhiêu Lộc ở góc chân cầu Bông, để có chỗ cho nó tập đạp xe. Thành bé háo thắng, mới lần đầu tiên leo lên yên xe mà nó đã cầm cùi đạp xe; tôi chưa kịp giữ vững cái yên xe của nó để ghì lại thì lực đạp của cháu đã làm tay tôi vượt ra. Vì đứa bé chưa kịp lấy thăng bằng, chiếc xe nghiêng qua một bên, suýt nữa thì thành bé ngã xuống đường, may mà tôi chặn lại được. Thế mà nó còn quay lại cười khanh khách. Nó cũng biết rút kinh nghiệm nên khi ngồi lại trên yên xe, nó chờ tôi giữ cho chiếc xe đứng vững rồi mới đạp theo sự hướng dẫn của tôi, đến khi chiếc xe đã có vẻ thăng bằng thì tôi buông tay. Bấy giờ, thành bé lại cầm đầu đạp thực mạng, tôi đuổi theo không kịp; kết quả là chiếc xe của nó suýt qua một người đàn ông đang đi bộ tập thể dục buổi chiều. Trong lúc tôi vội vàng chạy tới thì ông bác ấy cũng đã kịp thời chụp lấy chiếc xe của thành bé, nhờ thế mà nó không bị ngã. Đến nơi, tôi bảo cháu cảm ơn ông bác nhưng thành bé không nói gì. Ông bác giữ lấy nó, ngồi xuống vừa tầm với độ cao của thành bé lúc nó ngồi trên yên xe. Bằng một giọng ôn tồn, ông bác nhỏ nhẹ dẫn dụ cho con trai tôi cách nhìn thẳng trước mặt khi chạy xe, cách đạp xe từ tốn để có thể giữ được thăng bằng cho chiếc xe trong lúc đang di chuyển và quan trọng hơn là cách sử dụng hai tay thẳng trong lúc đang chạy xe, điều mà tôi quên không dặn con trước khi cho nó ngồi lên yên xe. Trước khi thả thành bé ra cho nó tiếp tục tập đạp xe, ông bác nghiêm mặt hỏi nó có cần phải nói gì với ông không. Thành bé tự động lí nhí nói lời cảm ơn. Bấy giờ ông bác mới đứng dậy, ngẩng lên nhìn tôi cười, vẫy tay chào và tiếp tục cuộc đi bộ của mình. Chỉ trong buổi chiều hôm ấy, con tôi biết đạp xe đạp đúng cách. Nó dọt tới dọt lui với chiếc xe cho đến lúc mệt nhoài mới đòi về. Trên đường về, thành bé liú lo kể thành tích nhưng nó cũng vẫn nhớ đến ông bác. Xin cảm ơn một buổi chiều đẹp và một cuộc gặp gỡ đáng nhớ đối với cả hai cha con tôi.

**Trịnh Thanh Toàn, quận Phú Nhuận, TP.HCM**

**“Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng..”**

Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương – Chương 24

thoat.net

# Ngôi chùa thân thương

NGUYỄN BÌNH

Cố đô Huế - nơi thường được gọi một cách trêu mếu là cái nôi của Phật giáo. Vì xứ Huế có rất nhiều ngôi chùa cổ danh tiếng với các bậc cao tăng, thiền đức trú xứ từ thời chúa Nguyễn mở đất Đàng Trong, rồi sau trở thành kinh đô với 13 đời vua nhà Nguyễn. Đó cũng là nơi tôi đã sinh ra và lớn lên.

Trong rất nhiều ngôi chùa cổ ở Huế, hình ảnh ngôi chùa Tịnh Bình cổ kính nằm trên đường Nhật Lệ - nơi có nhiều món ăn ngon nức tiếng của nội thành xứ Huế vẫn luôn in đậm trong tâm thức của tôi. Dẫu xa quê hương đã lâu, nhưng mỗi lần về thăm quê đi ngang qua chùa, nhìn không gian tĩnh mịch của ngôi chùa, tôi lại thấy lòng lâng lâng một cảm giác thân thương khó tả.

Ngôi chùa Tịnh Bình được xây dựng vào năm 1950, do quý bác khuôn trưởng quản lý và duy trì sinh hoạt gia đình Phật tử nề nếp, hồi đó khuôn hội của chùa thường tổ chức nấu bánh bột lọc chay được nhiều người biết tiếng. Mãi cho đến bây giờ mỗi khi nhắc lại, trong tâm khảm của những con Phật xa gần xứ Huế, món bánh bột lọc ngày nào như hương vị quê hương không bao giờ quên được.

Mới đây, tôi về quê chịu tang mẫu thân và có dịp đến viếng ngôi chùa đã để lại biết bao tình cảm trong tâm hồn mình, tôi nhận thấy không gian chùa Tịnh Bình giờ đây đã khác hẳn với sức sống và sinh hoạt bừng lên, trước sân chùa là tôn tượng Đức Bồ-tát Quán Thế Âm ngự dưới cây bồ-đề nguyên thủy mà đạo tràng đã chiết về từ Tổ đình Từ Đàm. Ở giữa sân chùa là ngôi chánh điện đã được tu sửa khang trang hơn, mang cái hồn của ngôi chùa xứ Huế nằm xinh xắn, duyên dáng bên bóng cây bồ-đề toả mát, chờ che và tin cậy cho mọi Phật tử đến lễ Phật, cầu an...

Qua tìm hiểu tôi biết được sự đổi thay đó là nhờ chùa vừa có vị trú trì được Giáo hội Thừa Thiên Huế cử về vào tháng 9/2012. Đó là Đại đức Thích Huyền Tâm, đệ tử của HT.Thích Khế Chơn, Phó Trưởng ban Thường trực BTS THPG Thừa Thiên Huế, viện chủ chùa Thiên Minh. Thầy Huyền Tâm tốt nghiệp khóa III cử nhân Phật học tại Học viện PG Việt Nam tại Huế và tham gia khóa Giảng sư do Ban Hoàng pháp T.U tổ chức tại chùa Hòa Khánh TP.HCM, sau thời gian hoạt động Phật sự ở TP.HCM, thầy trở về cố hương để phụng sự đạo pháp. Và thế là cơ duyên dẫn dắt, thầy được giao trọng trách về trú trì ngôi chùa thân thương Tịnh Bình.

Được nghe kể nhiều về chùa, về khả năng giảng pháp của thầy nhưng cho đến khi nghe thầy giảng trong đám tang mẫu thân và tiếp xúc nhiều hơn với thầy, tôi mới được mục sở thị tài giảng pháp của thầy và biết nhiều hơn về những sinh hoạt của chùa.

Ngôi già lam Tịnh Bình với đạo tràng thanh tịnh, sinh hoạt đều đặn: Tỏi chủ nhật, Phật tử tụng kinh Pháp Hoa; Ngày 14, 30 khóa lễ sám hối; Rằm, mùng một thọ trì chú Đại Bi; Hàng tháng vào ngày 18 ÂL cư sĩ tại gia (trên 100 người) thọ Bát quan trai và vào buổi sáng, chùa cung thỉnh HT.Thích Khế Chơn, Phó Trưởng ban Thường trực BTS THPG Thừa Thiên Huế thuyết giảng và buổi chiều do thầy trú trì đảm nhận. Ngoài ra, quý bác trong khuôn hội còn tự nguyện tham gia hộ niệm cho các lễ cúng, đám ma.

Những ngày về chịu tang mẫu thân và lưu lại thăm quê hương, tôi được biết ngôi chùa thân thương Tịnh Bình cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, chùa chưa có nhà Tăng và nhà nghỉ cho Phật tử dự Bát quan trai. Mong muốn được thầy cơ sở vật chất của chùa được hoàn thiện hơn không chỉ là ước muốn của riêng tôi, mà đó cũng là tâm nguyện thiết tha của thầy trú trì Huyện Tâm và Tăng chúng.

Chúng tôi ngưỡng mong được sự quan tâm ủng hộ của quý Phật tử gần xa, hướng về Tam bảo để cho Phật sự này sớm thành tựu, tạo duyên cho việc tu học được viên mãn hơn.

Muốn biết thêm chi tiết xin hoan hỷ gặp **thầy Thích Huyền Tâm**, chùa Tịnh Bình, 21 Nhật Lệ, phường Thuận Thành, Thừa Thiên Huế.  
Email: chuatinhbinh@gmail.com  
ĐT: 0916 579 455



Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm



Chư tôn đức khai lễ khóa tu Bát quan trai




Thầy Huyền Tâm đang thuyết giảng





Mây  
vân  
bay  
và  
hương  
xuân  
vân  
tỏa

Nước  
vân  
chảy  
để  
mỏi  
lớn  
mãn  
cảnh

 **Sãn Mây**  
CAFE

Sãn Mây CAFE: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932 2266.

Sãn Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507 1628.



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
- Chuyên:  
chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật  
chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

\* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).  
ĐT: 08 62704225

\* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6  
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình. ĐT: 08 22464269

\* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình,  
Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

Website bán hàng online:

[www.daphongthuy.com.vn](http://www.daphongthuy.com.vn)      [www.coastalgems.com.vn](http://www.coastalgems.com.vn)

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP  
CARD giảm 8% khi mua hàng)



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI  
**THÁI LONG VINA**

**SENET**

○ **Chuyên sản xuất và kinh doanh:**

- Muối thực phẩm - Muối công nghiệp - Muối Iốt
- Muối (NaCl): Hóa mỹ phẩm - Thủy hải sản  
Xử lý nước - Thức ăn chăn nuôi - Thuộc da



**NHẬN CUNG CẤP CÁC LOẠI MUỐI NHẬP KHẨU**

○ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**

**Ông Huỳnh Văn Lộc (0903 824 480)**

ĐC: 79 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08 3516 3286 - Fax: 08 6294 2936

Website: [www.muoihailong.com.vn](http://www.muoihailong.com.vn)

Email: [thailongvina@yahoo.com](mailto:thailongvina@yahoo.com)







# DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasesach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

1. 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
2. 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

**phát hành:** kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,  
quà lưu niệm, pháp phục tặng ni cư sĩ...

**ăn phẩm:** trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng  
**y phục:** nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

**"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"**



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH

## AN LẠC

**Chuyên:**  
PHÁT HÀNH KINH SÁCH - Đĩa - Tranh - Tượng Phật Pháp  
PHỤC VỤ VĂN HÓA PHẨM PHÁT GIÁO

Địa chỉ 1: 491/1B Nguyễn Đình Chiểu, P.2, Q.3, TP.HCM  
ĐT: 0908 053 896 - 0909 264 564

Địa chỉ 2: 184 Cao Thắng, P.11, Q.10, TP.HCM  
ĐT: 08. 666 01 564 - 0909 264 564

### CẦN TUYỂN NHÂN VIÊN BÁN HÀNG

- Điều kiện:
  - Nữ, tuổi từ 18- 40
  - Là Phật tử thuần thành
  - Biết tiếng Anh
  - Có kinh nghiệm bán hàng, có tinh thần cầu tiến
- Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thảo**
  - Shop Hồng Thảo
  - Quầy số 41B Tầng trệt - Trung tâm thương mại Sài Gòn Square
  - Điện thoại di động: **0909 098 618**

Công ty TNHH SX - TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**  
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM  
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506  
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn  
Website: www.quangnghecandle.com

**LỚP HƯỚNG DẪN** Tam Thư Pháp

**Thư pháp theo phong cách Thiên Phật Giáo**

○ **Khai giảng: Khóa I/2013 vào thứ Hai ngày 01-4-2013**

○ **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**  
107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

○ **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần

○ **Học phí:** 200.000đ/1học viên/1 tháng

○ **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**  
(gặp **Thầy Chính Trung**)

## THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước. Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, của hàng... trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

### 1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm: **304.000đ**
- 6 tháng cuối năm: **304.000đ**

### 2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 6.000.000đ
- 1/2 trang bìa 3: 3.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

### Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí *VHPG*, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại (84-8) 3 8484 335 - 0907164066 - 0918032040 - 0913810082.

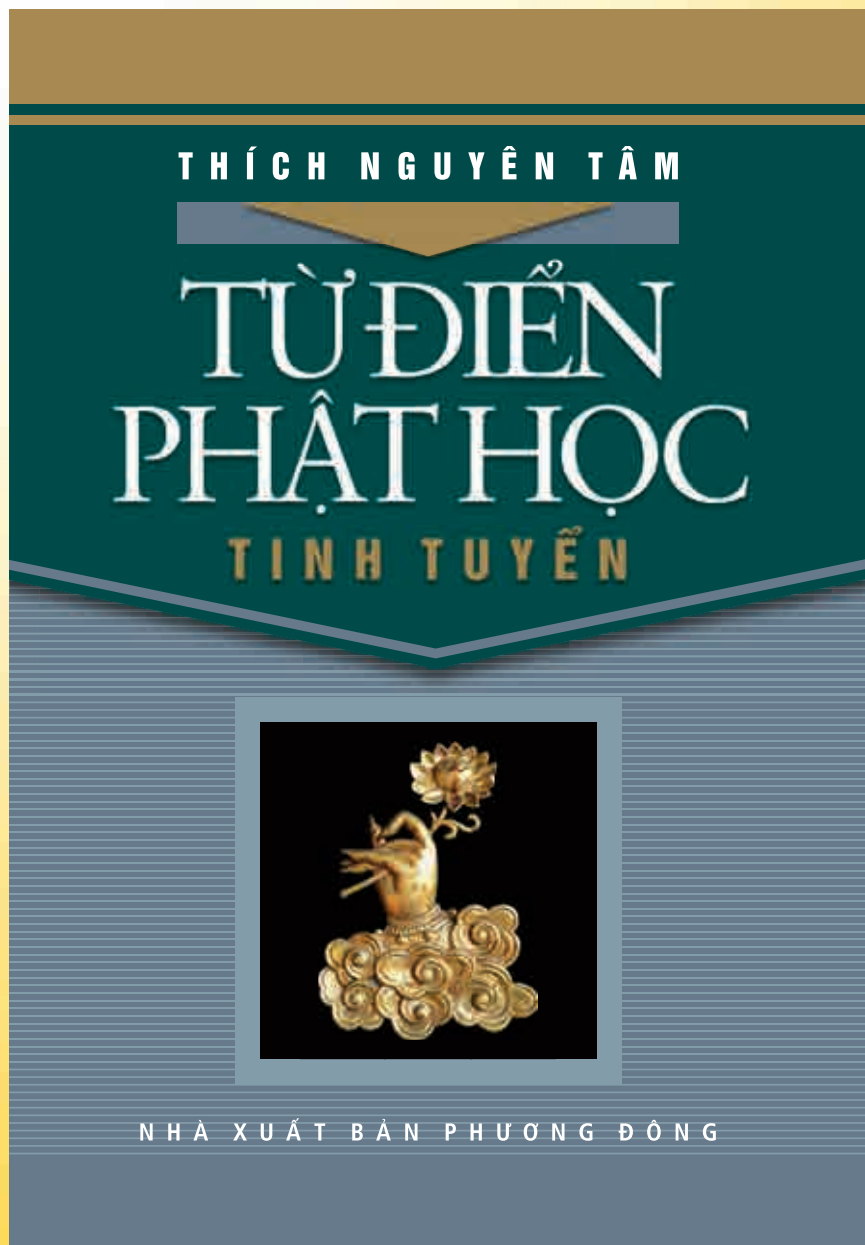
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

**Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO**



# NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

**Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM**  
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)  
Tel: 08.38482028



Được tác giả biên soạn nhằm thỏa mãn cho việc tra cứu chuyên sâu của từng mục từ.

## CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Đón đọc

# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 175

Phát hành ngày 15 - 4 - 2013

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo  
Bồ Đề Tâm  
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa  
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình  
Hà Nội  
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tĩnh 1  
Chuyên viên Phòng Tổng hợp  
Trường Đại học Kiến trúc  
Km 10, đường Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tĩnh 2  
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,  
Hà Đông - Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0938 071 188

### QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước  
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QĐ  
ĐT: 0917 703 325

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP. Huế  
ĐT: 0905 168 411

### ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,  
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Tứ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0914.018.093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã  
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113565021  
(Chị Ty)

### QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

### ANH HÙNG

Thư quán chùa Long Khánh  
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0987 219 374

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10,  
TP. Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

### NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu-Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,  
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

### ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,  
TP. Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

### LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hương)

### BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu  
Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,  
TP. Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 - 07103827685

### TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070.834.658 - 070.834.654  
(Chú Tư Nở)

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3  
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG